

PHẬT THUYẾT HỘ QUỐC TÔN GIẢ SỞ VẤN ĐẠI THỪA KINH Quyển Một

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 321

Hán dịch: Đại sư Thích Hộ

Phiên âm & Lược dịch điện tử: Nguyễn Tấn & Nguyễn Hiền

Việt dịch: Thích Nữ Hương Trí (12-2006)

Biên tập : Thích Phước Nghiêm



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 321 《佛說護國尊者所問大乘經》

【Kinh văn tu tân】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 321 《Phật thuyết hộ quốc Tôn giả sở vấn Đại thừa Kinh》

【Kinh văn tu tân】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 321 《Phật nói giúp đỡ nước Tôn giả hỏi Đại thừa Kinh》

【版本記錄】CBETA 電子佛典 V1.10 (UTF-8) 普及版, 完成日期: 2004/11/14

【bản bản kí lục】CBETA điện tử Phật Điển V1.10 (UTF-8) phổ cập bản, hoàn thành nhật kỳ: 2004/11/14

【bản gốc kí lục】CBETA điện tử Phật Điển V1.10 (UTF-8) khắp cùng bản, hoàn thành ngày: 2004/11/14

【編輯說明】本資料庫由中華電子佛典協會 (CBETA) 依大正新脩大藏經所編輯

【biên tập thuyết minh】bản tu liệu khổ do Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) y Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh sở biên tập

【biên tập thuyết minh】gốc tu liệu kho bởi Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) nương Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh biên tập

【原始資料】蕭鎮國大德提供, 維習安大德提供之高麗藏 CD 經文, 北美某大德提供

【nguyên thủy tu liệu】Tiêu-Trần-Quốc Đại Đức đề cung, Duy-Tập-An Đại Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn, Bắc-Mỹ-Mỗ Đại Đức đề cung

【nguyên thủy tu liệu】Tiêu-Trần-Quốc Đại-Đức đề cung, Duy-Tập-An Đại-Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn, Bắc-Mỹ-Mỗ Đại-Đức đề cung

【其它事項】本資料庫可自由免費流通, 詳細內容請參閱【中華電子佛典協會資料庫基本介紹】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

【kỳ tha sự hạng】bản tu liệu khổ khả tự do miễn phí lưu thông, tường tế nội dung thỉnh tham duyệt【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tu liệu khổ cơ bản giới thiệu】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

【kỳ tha sự hạng】gốc tu liệu kho có thể tự do miễn phí lưu thông, rõ ràng nội dung thỉnh tham duyệt【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tu liệu kho nền nhà gốc giới thiệu】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

=====

=====

=====

佛說護國尊者所問大乘經卷第一

Phật thuyết hộ quốc Tôn giả sở vấn Đại thừa Kinh quyển đệ nhất
Phật Thuyết Kinh Hộ Quốc Tôn giả Sở Vấn Đại thừa
Quyển Một

西天譯經三藏朝散大夫試鴻臚卿 傳法大師臣施護奉 詔譯
Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng triêu tán Đại phu thí hồng lu khanh
truyện Pháp Đại sư Thần Thí Hộ phụng chiếu dịch

Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng Triều Tán Đại Phu Thích Hồng Lu Khanh
Truyền Pháp Đại Sư Thân Thích Hộ phụng chiếu dịch

如是我聞。一時佛在王舍城鷲峯山中。

như thị ngã văn. nhất thời Phật tại Vương xá thành Thửu Phong sơn trung.
Tôi nghe như vậy, một thuở nọ, đức Phật ở trên núi Thửu Phong của thành Vương Xá

與大苾芻眾千二百五十人俱。

dữ Đại bát sô chúng thiên nhị bách ngũ thập nhân câu.
cùng một với ngàn hai trăm năm mươi vị đại Tỳ-kheo.

復有菩薩摩訶薩眾五千人俱。得大忍辱無礙辯才。

phục hữu Bồ-tát Ma-Ha tát chúng ngũ thiên nhân câu. đắc Đại nhẫn nhục vô ngại
biện tài.

Lại có năm ngàn vị Bồ-tát Ma-ha-tát, các vị này đều đã đạt được nhẫn nhục Ba-la-mật, biện tài vô ngại,

降伏魔怨制諸外道。發大道心得三摩地。

hàng phục ma oán chế chư ngoại đạo. phát Đại Đạo tâm đắc Tam-ma-địa.

hàng phục được các ma oán, nhiếp phục được thế lực ngoại đạo. Tất cả đều phát tâm Bồ-đề, chúng được Tam-ma-địa,

總持自在具四無礙智。通達四攝及最上甚深波羅蜜多。

Tổng trì tự-tại cụ tứ vô ngại trí. thông đạt tứ nhiếp cập tối thượng thậm thâm Ba-la-mật đa.

nên tâm được tự tại, và có bốn trí vô ngại, thông thạo tứ nhiếp pháp và các Ba-la-mật thâm sâu tối thượng,

乃至一切佛法。無量無邊諸善功德。

Nãi chí nhất thiết Phật Pháp. vô lượng vô biên chư thiện công đức.

cho đến chúng được tất cả Phật pháp, có vô lượng vô biên công đức.

其名曰普賢菩薩。普眼菩薩。普觀菩薩。普光菩薩。

Kỳ danh viết Phổ Hiền Bồ-tát. phổ nhãn Bồ-tát. phổ quán Bồ-tát. phổ quang Bồ-tát
Các vị ấy là: Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Phổ Nhãn, Bồ-tát Phổ Quán, Bồ-tát Phổ Quang,

普照菩薩。上意菩薩。增意菩薩。無邊意菩薩。

phổ chiếu Bồ-tát. thượng ý Bồ-tát. tăng ý Bồ-tát. vô biên ý Bồ-tát.
Bồ-tát Phổ Chiếu, Bồ-tát Thượng Ý, Bồ-tát Tăng Ý, Bồ-tát Vô Biên ý,

廣意菩薩。無盡意菩薩。持地菩薩。世上菩薩。

Quảng ý Bồ-tát. vô tận ý Bồ-tát. trì địa Bồ-tát. thế thượng Bồ-tát.
Bồ-tát Quảng Ý, Bồ-tát Vô Tận Ý, Bồ-tát Trì Địa, Bồ-tát Thế Thượng,

勝意菩薩。最上意菩薩。總持自在王菩薩。

Thắng ý Bồ-tát. tối thượng ý Bồ-tát. tổng trì tự tại Vương Bồ-tát.
Bồ-tát Thắng Ý, Bồ-tát Tối Thượng Ý, Bồ-tát Tổng Trì Tự Tại Vương,

文殊師利菩薩摩訶薩等。

Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát Ma-Ha tát đẳng.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi v.v..

復有賢護菩薩摩訶薩等十六人俱。復有娑婆世界主大梵天王。

phục hữu Hiền hộ Bồ-tát Ma-Ha tát đẳng thập lục nhân câu. phục hữu Sa Bà thế
giới chủ Đại Phạm Thiên Vương.

Lại có Đại Bồ-tát Hiền Hộ... gồm mười sáu vị đều câu hội đầy đủ.

Lại có chủ Ta-bà thế giới Đại Phạm Thiên Vương,

及帝釋天主。護世四大天王。

cập đế thích Thiên chủ. hộ thế tứ Đại Thiên Vương.

Thiên Chủ Đế Thích và Hộ Thế Tứ Đại Thiên vương.

復有蘇尸彌天子。安意天子。及諸天王。龍王緊那囉王。

Phục hữu tô thi di Thiên tử. an ý Thiên tử. cập chư Thiên Vương. long Vương khản na la Vương.

Lại có Tô-thi-di Thiên tử, An Ý Thiên tử, và các vị Thiên Vương, Long Vương, Khản Na La Vương,

嚩駄哩嚩王。藥叉王。誡[日*魯]拏王等。

Nghiễn đà lý phọc Vương. duọc xoa Vương. nga [nhật *lỗ] noa Vương đẳng.

Nghiễn-đà-lị-Phuọc vương, Duọc Xoa Vương v.v..

各與若干百千眷屬俱來會坐。

các dữ nhược can bách thiên quyển chúc câu lai hội tọa.

cùng trăm ngàn quyển thuộc Bồ-tát đều đến dự Pháp hội này.

爾時世尊。坐於吉祥藏師子之座。

nhĩ thời Thế Tôn. tọa ư cát tường tạng Sư tử chi tọa.

Bảy giờ đức Thế Tôn ngồi trên toà Sư tử Cát Tường.

四眾圍繞。逾於須彌。光明熾盛。

Tứ Chúng vây quanh. du ư Tu-Di. quang-minh sí thịnh.

Bốn chúng vây quanh, đi vòng quanh núi Tu-di, hào quang sáng rực chiếu rọi khắp nơi,

譬如日月普照一切世間。威儀具足梵行寂靜。

thí như nhật nguyệt phổ chiếu nhất thiết thế gian. uy nghi cụ túc phạm hành tịch tĩnh.

tựa như mặt trời mặt trăng chiếu sáng cả đại địa, vị nào cũng đầy đủ uy nghi, phạm hạnh thanh tịnh,

譬如帝釋於諸天中威儀最勝。

thí như đế thích ư chư Thiên trung uy nghi tối thắng.

như trời Đế Thích có uy nghi tối thắng nhất trong các vị vua cõi Trời.

亦如輪王七寶具足離諸怖畏。如師子王善能談說諸法空義。

diệc như luân Vương thất bảo cụ túc ly chư bố úy. như Sư tử Vương thiện năng đàm thuyết chư Pháp không nghĩa.

Cũng như bảy báu của Chuyển Luân Thánh Vương đủ xa lìa khiếp sợ. Như Sư tử Vương khéo diễn thuyết nghĩa Không của các pháp.

如大火聚破諸幽暗。如摩尼寶王遠照一切。

như Đại hỏa tụ phá chư u ám. như Ma-ni bảo Vương viễn chiếu nhất thiết.

Như ngọn lửa lớn có khả năng phá tan bóng tối u ám, như ánh sáng ngọc ma-ni chiếu soi khắp cả.

如是佛光照於三千大千一切世界。

như thị Phật quang chiếu ư tam thiên Đại Thiên nhất thiết thế giới

Ánh hào quang của chư Phật chiếu soi ba ngàn Đại Thiên Thế Giới như thế đó.

於其光中出妙梵音告諸眾生。

ư kỳ quang trung xuất diệu Phạm Âm cáo chư chúng sanh.

Trong ánh sáng ấy lại phát ra các phạm âm vi diệu nói với chúng sanh rằng:

我今所得一切諸法最上波羅蜜。說真實義。初善中善後善。

ngã kim sở đắc nhất thiết chư Pháp tối thượng Ba-la-mật. thuyết chân thật nghĩa. sơ thiện trung thiện hậu thiện.

Ta nay chúng được tất cả các pháp tối thượng Ba-la-mật, diễn thuyết nghĩa chân thật, pháp của Ta ban đầu chặng giữa, rốt sau ba chặng đều lành,

文義殊勝純白圓滿。梵行清淨純一無雜。

văn nghĩa thù thắng thuần bạch viên mãn. phạm hạnh thanh tịnh thuần nhất vô tạp

văn nghĩa thù thắng, trong sáng và tròn đầy, phạm hạnh thanh tịnh, không chút tạp nhiễm.

爾時喜王菩薩摩訶薩。

nhĩ thời hi Vương Bồ-tát Ma-Ha tát。

Lúc bấy giờ, Đại Bồ-tát Hỷ Vương

在大眾中安詳而坐瞻仰世尊。於師子座放大光明。

tại Đại chúng trung an tường nhi tọa chiêm ngưỡng Thế Tôn。ư Sư tử tọa phóng Đại quang-minh。

ở trong Đại chúng, lặng yên chiêm ngưỡng đức Thế Tôn. Đức Như Lai ngồi trên toà Sư tử, phóng đại hào quang

譬如千日照耀一切。心大歡喜深信恭敬。

thí như thiên nhật chiếu diệu nhất thiết。tâm Đại hoan hỷ thâm tín cung kính。

như trăm ngàn mặt trời chiếu soi tất cả. Đại chúng đều sanh lòng hoan hỷ, cung kính tín phụng。

即從座起合掌向佛。以頌讚曰。

tức tùng tọa khởi hợp chưởng hướng Phật。dĩ tụng tán viết。

Lúc bấy giờ, Đại Bồ-tát Hỷ Vương liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay hướng về phía Phật, nói bài kệ khen Phật:

佛身晃曜如金山

Phật thân quang diệu như kim sơn

Phật thân sáng chói tựa núi vàng

菩薩聲聞緣覺僧

Bồ-tát Thanh văn Duyên giác tăng

Bồ-tát, Duyên giác cùng Thanh văn

譬如須彌諸天居

Thí như Tu-Di chư Thiên cư

Như chư Thiên chúng núi Tu-di

悲愍眾生而現身

Bi chúng sanh nhi hiện thân

Thương xót chúng sanh mà ứng hiện

行梵天行即梵天

Hành Phạm Thiên hành tức Phạm Thiên

Phạm Thiên thực hành hạnh Phạm Thiên

行禪解脫三摩地

Hành Thiền giải thoát Tam-ma-địa

Hành thiền giải thoát Tam-ma-địa

亦如帝釋為天主

Diệc như Đế Thích vi Thiên chủ

Cũng như Đế Thích làm Thiên Chủ

牟尼光明照世間

Mâu-ni quang-minh chiếu thế gian

Ánh sáng Thích Tôn chiếu thế gian

金輪四洲得自在

Kim luân tứ châu đắc tự-tại

Kim thân bốn châu đều tự tại

引彼眾生出苦輪

Dẫn bỉ chúng sanh xuất khổ luân

Dẫn dắt hàm linh lìa đau khổ.

所有火光摩尼光

Sở hữu hỏa quang Ma-ni quang

Ánh ngọc Ma-ni thường chiếu toả

如是百千日等光

Như thị bách thiên nhật đẳng quang

Trăm ngàn ánh sáng vắng nhật nguyệt

利益世間甚希有

Lợi ích thế gian thậm hi hữu

Hiềm thay ích lợi khắp trần gian

天龍八部皆圍繞

Thiên Long bát bộ giai vây quanh

Thiên Long, Bát Bộ đều vây quanh

出於大海而高顯

Xuất ư Đại hải nhi cao hiển

Đều từ biển lớn mà hiện ra

放百千光常照曜

Phóng bách thiên quang thường chiếu diệu

Hào quang chiếu sáng khắp ngàn phương

於彼梵天復為王

Ư bỉ Phạm Thiên phục vi Vương

Chỗ Phạm Thiên ấy làm vua chủ

光照上位諸菩薩

Quang chiếu thượng vị chư Bồ-tát

Hào quang chiếu đến chư Bồ-tát

威德儀容諸相異

Uy đức nghi dung chư tướng dị

Oai đức nghi dung thật khác thường.

相好莊嚴功德異

Tướng hảo trang nghiêm công đức dị

Tướng tốt trang nghiêm công đức lạ

能善調伏諸有情

Năng thiện điều phục chư hữu tình

Khéo hay điều phục chúng hữu tình

我佛慈悲亦如是

Ngã Phật từ bi diệc như thị

Như Lai từ bi cũng vậy đó

日月光等諸光明

Nhật nguyệt quang đẳng chư quang-minh

Như vắng nhật nguyệt sáng khắp nơi

不及佛日恒照曜

Bất cập Phật nhật hằng chiếu diệu

Chẳng bằng Phật nhật hằng chiếu soi

如月夜分放光明
Nhu nguyệt dạ phân phóng quang-minh
Nhu trăng sáng tỏ khắp đêm tối

佛面端嚴如滿月
Phật diện đoan nghiêm như mãn nguyệt
Phật diện đoan nghiêm như ánh nguyệt

譬如高山燃大火
Thí như cao sơn nhiên Đại hỏa
Nhu núi trên cao có lửa sáng

大仙所有智慧光
Đại tiên sở hữu trí tuệ quang
Đại tiên có sẵn trí tuệ quang

如大師子曠野吼
Nhu Đại Sư từ khoáng dã hồng
Nhu tiếng rống vang su từ chúa

佛說法空無我義
Phật thuyết Pháp không vô ngã nghĩa
Phật thuyết nghĩa pháp Không, vô ngã

摩尼寶王放光明
Ma-ni bảo Vương phóng quang-minh
Ma-ni ngọc báu chiếu quang minh

佛身晃曜真金色
Phật thân quang diệu chân kim sắc
Phật thân sáng toả chơn kim sắc

一切世間賢聖中
Nhất thiết thế gian hiền Thánh trung
Tất cả Hiền Thánh trong trần giới

具福精進方便智
Cụ phúc tinh tấn phương tiện trí
Nhu Lai phước đức phương tiện trí

瞻仰大師功德海
Chiêm ngưỡng Đại sư công đức hải
Chiêm ngưỡng Như Lai biển phước lớn

一心恭敬慕尊顏
Nhất tâm cung kính mộ tôn nhan
Chuyên lòng kính lễ đức Từ Phụ

我所讚佛歸敬心
Ngã sở tán Phật quy kính tâm
Quy ngưỡng Như Lai, lòng cung kính

盡將迴向法界中
Tận tướng hồi hướng Pháp giới trung
Rồi đem hồi hướng khắp thế giới

爾時喜王菩薩摩訶薩。讚歎佛已合掌向佛。

nhĩ thời hỷ Vương Bồ-tát Ma-Ha tát。tán thán Phật dĩ hợp chưởng hướng Phật
Lúc bấy giờ, Đại Bồ-tát Hỷ Vương khen ngợi đức Phật xong, chắp tay hướng về
Phật,

瞻仰尊顏目不暫捨。

chiêm ngưỡng tôn nhan mục bất tạm xả。

chuyên ngưỡng tôn dung của Phật, mắt không tạm rời。

心觀法界其義甚深難知難見。離言分別絕諸戲論。

tâm quán Pháp giới kỳ nghĩa thậm thâm nan tri nan kiến。ly ngôn phân biệt tuyệt
chư hí luận。

Bồ-tát quán chiếu Pháp giới, rõ biết nghĩa thú thậm thâm những gì khó thấy khó
biết, xa lìa ngữ ngôn phân biệt, dứt các hí luận,

普照世間悉清淨
Phổ chiếu thế gian tất thanh tịnh
Chiếu đến muôn nơi thảy sáng ngời

映蔽一切光不現
Ánh tế nhất thiết quang bất hiện
Chiếu đều khắp cả chốn tối tăm

能破夜暗顯諸方
Năng phá dạ ám hiển chư phương
Phá tan bóng tối, rõ muôn phương

破盡黑暗離諸有
Phá tận hắc ám ly chư hữu
Phá tận âm ty lia hết khổ

眾獸聞之悉驚怖
Chúng thú văn chi tất kinh phở
Hết thảy dã thú đều khiếp sợ

諸魔聞之亦如是
Chư ma văn chi diệc như thị
Ma quân đến nghe cũng như vậy

諸餘摩尼光不現
Chư dư Ma-ni quang bất hiện
Không có nơi nào không hiện rõ

映蔽一切世間光
Ánh tế nhất thiết thế gian quang
Phá tan bóng tối cả thế gian

無有最上與佛等
Vô hữu tối thượng dữ Phật đẳng
Không thể tối thắng bằng Như Lai

一切功德不可量
Nhất thiết công đức bất khả lượng
Công đức thâm sâu không thể lượng

威光普照諸群生
Uy quang phổ chiếu chư quần sanh
Oai quang chiếu rọi khắp quần sanh

是故我今頭面禮
Thị cố ngã kim đầu diện lễ
Con nay cúi đầu quy mạng lễ

世間功德無等等
Thế gian công đức vô đẳng đẳng
Công đức thế gian sao sánh được

一切世間成佛道
Nhất thiết thế gian thành Phật đạo
Nguyện cả thế gian thành Phật đạo。

微妙難解不可思議。如是觀想一切法界。

vi diệu nan giải bất khả tư nghị. như thị quán tưởng nhất thiết Pháp giới
vi diệu khó hiểu, không thể nghĩ bàn. Bồ-tát quán tưởng như vậy với tất cả các
Pháp.

唯佛如來觀智攝受現量證知。佛之境界無有等等。

duy Phật Như Lai quán trí nhiếp thọ hiện lượng chứng tri. Phật chi cảnh giới vô
hữu đẳng đẳng.

Chỉ có trí tuệ chư Phật mới có thể quán chiếu các cảnh bằng hiện lượng và tuệ
tri chúng. Cảnh giới chư Phật là vi diệu.

如是觀見所有如來不可思議方便境界。

như thị quán kiến sở hữu Như Lai bất khả tư nghị phương tiện cảnh giới.

Đây là phương tiện không thể nghĩ bàn để quán thấy các cảnh giới của Như Lai
皆攝一相法界性中。譬如虛空無有住處。

giai nhiếp nhất tướng Pháp giới tánh trung. thí như hư không vô hữu trụ xứ.

đều thu vào một tướng trong Pháp giới tánh, như hư không, không có chỗ nào là
không có vậy.

即眾生界亦如自性。一切諸法亦復如是。

tức chúng sanh giới diệc như tự tánh. nhất thiết chư Pháp diệc phục như thị.

Thế giới của chúng sanh, tánh của nó đều như thế, hết thấy các pháp tánh cũng
đều như thế,

無礙解脫究竟寂靜。諸佛世尊以善方便。

vô ngại giải thoát cứu cánh tịch tĩnh. chư Phật Thế Tôn dĩ thiện phương tiện.

là vô ngại giải thoát và thanh tịnh. Chư Phật Thế Tôn khéo dùng phương tiện,
身變佛刹遍滿一切現眾生前。諸如來身。

Thân biến Phật sát biến mãn nhất thiết hiện chúng sanh tiền. chư Như Lai thân

hoá hiện các cõi Phật trước khắp tất cả chúng sanh. Các thân Như Lai

經無數俱胝劫而不可得。時喜王菩薩摩訶薩。

Kinh vô số câu chi kiếp nhi bất khả đắc. thời hi Vương Bồ-tát Ma-Ha tát.

trải qua vô số ức kiếp cũng không thể được. Khi ấy Đại Bồ-tát Hỷ Vương

如是觀佛功德已默然而住。

Như thị quán Phật công đức dĩ mặc nhiên nhi trụ.

thấy được công đức của Phật xong rồi yên lặng an trú.

爾時有一尊者。名曰護國。

nhĩ thời hữu nhất Tôn giả. danh viết hộ quốc.

Bấy giờ, có Tôn giả tên Hộ Quốc

於舍衛大城安居三月。過是夏已著衣持鉢。

ư Xá Vệ Đại thành an cư tam nguyệt. quá thị hạ dĩ trú y trì bát.

an cư ba tháng ở trong thành Xá Vệ, đã qua mùa an cư rồi, vị ấy đắp y mang bình
bát,

與諸苾芻及初出家者。初發心者出舍衛國。

dữ chư bát sơ cập sơ xuất gia giả. sơ phát tâm giả xuất Xá Vệ quốc.

cùng với chúng Tỳ-kheo, người mới xuất gia và người sơ phát tâm đi ra khỏi nước
Xá Vệ,

詣王舍城鷲峯山中。到彼山已。即時護國尊者。

ngệ Vương xá thành Thú Phong sơn trung. đáo bỉ sơn dĩ. tức thời hộ quốc giả.

đến núi Thú Phong trong thành Vương Xá. Sau khi đi đến, Tôn giả Hộ Quốc

往詣佛所頭面禮足。右繞三匝住立一面。合掌恭敬。

vãng nghệ Phật sở đầu diện lễ túc. hữu nhiều tam tạp trụ lập nhất diện. hợp
chương cung kính.

liền đi về phía Phật, đầu mặt lễ dưới chân Phật, nhiều quanh bên phải ba vòng,
rồi đứng qua một bên, chắp tay cung kính,

而說此頌。讚歎佛曰。

nhi thuyết thủ tụng, tán thán Phật viết,

rồi nói tụng ngợi khen Phật:

稽首最上佛光明

Kê thủ tối thượng Phật quang-minh

Lễ đấng Tối Thượng Quang Minh Phật

稽首能斷諸結縛

Kê thủ năng đoạn chư kết phược

Lễ bậc Năng đoạn chư phiền não

我佛無邊真色相

Ngã Phật vô biên chân sắc tướng

Thân Phật vô biên chơn sắc tướng

菩薩聞已歡喜來

Bồ-tát văn dĩ hoan hỉ lai

Bồ-tát nghe xong lòng hoan hỉ

作此最上供養已

Tác thủ tối thượng cung dưỡng dĩ

Cúng dường tối thắng như vậy xong

各生歡喜還本土

Các sanh hoan hỉ hoàn bản độ

Đều sinh hoan hỷ trở về nhà

廣歷俱胝無數劫

Quảng lịch câu chi vô số kiếp

Trải qua hằng sa vô biên kiếp

如是身心不疲倦

Như thị thân tâm bất bì quyện

Như vậy thân tâm chẳng mệt mỏi

恒行布施持戒行

Hằng hành bố thí trì giới hành

Thường hành bố thí, hạnh trì giới

智慧方便到涅槃

Trí tuệ phương tiện đạo Niết-bàn

Trí tuệ phương tiện đến Niết-bàn

成就六通四神足

Thành tựu lục thông tứ Thần túc

Thành tựu lục thông, tứ thần túc

以此行及諸眾生

Dĩ thủ hành cập chư chúng sanh

Đem công hạnh ấy đến chúng sanh.

能知一切世間心

Năng tri nhất thiết thế gian tâm

Biết rõ hết thấy tâm thế gian

所有身口及言說

Sở hữu thân khẩu cập ngôn thuyết

Tất cả thân miệng và lời nói

貪癡過失不能斷

Tham si quá thất bất năng đoạn

Tham si đến mức không thể đoạn

因佛得成善逝業

Nhân Phật đắc thành thiện thế nghiệp

Nhờ Phật mới đoạn trừ các nghiệp

所有過去諸佛事

Sở hữu quá khứ chư Phật sự

Tất cả Phật sự đời quá khứ

乃至未來功德海

稽首如空無礙意

Kê thủ như không vô ngại ý

Lễ đấng Như Không Vô Ngại Ý

稽首永超三有海

Kê thủ vĩnh siêu tam hữu hải

Đã tận luân hồi trong ba cõi

普遍俱胝刹土中

Phổ biến câu chi sát độ trung

Biến khắp các cõi nước mười phương.

恭敬供養佛功德

Cung kính cung dưỡng Phật công đức

Cung kính cúng dưỡng công đức Phật.

聽牟尼法離諸塵

Thính Mâu-ni Pháp ly chư trần

Nghe pháp Mâu-ni lia trần cấu

稱讚世尊所說法

Xưng tán Thế Tôn sở thuyết Pháp

Ngợi khen pháp mầu đức Thích Ca.

利樂一切諸有情

Lợi lạc nhất thiết chư hữu tình

Ích lợi hằng sa chúng hữu tình.

為求無上佛菩提

Vì cầu vô thượng Phật Bồ-đề

Vì cầu vô thượng Bồ-đề Phật

忍辱精進禪定門

Nhẫn nhục tinh tấn Thiền định môn

Nhẫn nhục, tinh tấn và thiền định

是故我禮大覺尊

Thị cố ngã lễ Đại giác tôn

Con nay kính lễ Đại Giác Tôn

諸根十力解脫門

Chư căn thập lực giải thoát môn

Thập lực, giải thoát các trần căn

我今禮佛無等智

Ngã kim lễ Phật vô đẳng trí

Con nay lễ bậc Vô đẳng trí

所行所作所成業

Sở hạnh sở tác sở thành nghiệp

Bao nhiêu nghiệp chương đã tạo ra

無上世尊悉觀見

Vô thượng Thế Tôn tất quán kiến

Vô thượng Thế Tôn đều thấy biết

眾生因彼墮三有

Chúng sanh nhân bị đọa tam hữu

Chúng sanh vì đó vào ba cõi

能知世間諸善惡

Năng tri thế gian chư thiện ác

Mới rõ thiện ác ở thế gian

及彼現在天人師

Cập bỉ hiện tại Thiên Nhơn Sư

Và nay lại gặp Thiên Nhơn Sư

一切諸法悉能知

Nãi chí vị lai công đức hải
Và biển công đức đời vị lai
清淨刹土眾圍繞
Thanh tịnh sát độ chúng viên nhiều
Các chúng bao quanh cõi nước tịnh
乃至諸佛壽較量
nãi chí chư Phật thọ hiệu lượng
Cho đến thọ mạng của chư Phật
所有一切生滅法
Sở hữu nhất thiết sanh diệt Pháp
Tất cả các pháp sanh diệt ấy
所有受持法藏法
Sở hữu thọ trì Pháp tạng Pháp
Những ai thọ trì các Pháp tạng
佛有十力無礙智
Phật hữu thập lực vô ngại trí
Phật có thập lực vô ngại trí
如是一切方便法
Nhu thị nhất thiết phương tiện Pháp
Nhu vậy tất cả pháp phương tiện
大覺世尊無等等
Đại giác Thế Tôn vô đẳng đẳng
Trang nghiêm tướng hảo đại cát tường
如夜眾星現空中
Nhu dạ chúng tinh hiện không trung
Nhu ánh sao đêm giữa thái không
色相端嚴無與等
Sắc tướng đoan nghiêm vô dũ đẳng
Sắc tướng đoan nghiêm ai sánh kịp
帝釋梵王究竟天
Đế Thích Phạm Vương cứu cánh Thiên
Đế Thích, Phạm Vương, trời Cứu Cánh
無垢不動如金山
Vô cấu bất động như kim sơn
Trong sạch bất động như núi vàng
佛頂高顯如金山
Phật đỉnh cao hiển như kim sơn
Đỉnh tướng nhô cao như núi báu
光遍俱胝那由他
Quang biến câu chi na-do-tha
Toà đến hằng sa vô số kiếp
目若青蓮恒適悅
Mục như ngọc liên liên hằng thích duyệt
Mắt như sen xanh thường vui sáng
清淨滿月虛空中
Thanh tịnh mãn nguyệt hư không trung
Nhu ánh trăng rằm giữa hư không
一切見者無厭足
Nhất thiết kiến giả vô yếm túc
Những người chiêm ngưỡng đều hoan hỷ
行如鵝王及鹿王
Hành như nga Vương cập lộc Vương
Đi như Nga Vương và Lộc Vương
振動大地無暫止
Chấn động Đại địa vô tạm chỉ

Nhất thiết chư Pháp tất năng tri
Tất thảy các pháp đều năng tri
菩薩緣覺與聲聞
Bồ-tát Duyên giác dữ Thanh văn
Bồ-tát, Duyên giác cùng Thanh văn
我佛一切悉能知
ngã Phật nhất thiết tất năng tri
Chỉ có trí Phật mới biết hết
所有供養作佛事
Sở hữu cung dưỡng tác Phật sự
Cùng với những việc cúng dường Phật
我佛一切悉能知
Ngã Phật nhất thiết tất năng tri
Đức Phật cũng đều thấu triệt cả
現在常住於三世
Hiện tại thường trụ ư tam thế
Xuyên suốt trọn vẹn cả ba đời
我禮世尊智慧海
Ngã lễ Thế Tôn trí tuệ hải
Con nay lễ Phật trí như biển
相好莊嚴大吉祥
Tướng hảo trang nghiêm Đại cát tường
Đại Giác Thế Tôn chẳng ai bằng
我禮牟尼最上尊
Ngã lễ Mâu-ni tối thượng tôn
Kính lạy Mâu-ni đáng tối thượng
光照諸天及世間
Quang chiếu chư Thiên cập thế gian
Chiếu khắp cõi trời và cõi người
對彼佛前俱不現
Đối bỉ Phật tiền câu bất hiện
Đối trước Như Lai liền biến mất
右旋螺髻紺滋潤
Hữu toàn loa kê cảm tư nhuận
Búi tóc xanh mượt xoay chiều phải
光明遠照生諸福
Quang-minh viễn chiếu sanh chư phúc
Chiếu khắp muôn nơi sanh các phúc
顯現眉間白毫相
Hiển hiện mi gian bạch hào tướng
Bạch hào tướng hiện giữa hàng mi
觀照世間運慈心
Quan chiếu thế gian vận từ tâm
Quán chiếu thế gian với lòng từ
佛面圓明亦如是
Phật diện Viên Minh diệc như thị
Phật diện tròn đầy cũng như vậy
我禮如來圓滿相
Ngã lễ Như Lai viên mãn tướng
Kính lễ Như Lai tướng tròn đầy
亦如牛王行步穩
Diệc như ngưu Vương hành bộ ổn
Cũng như Ngưu Vương chân vững bước
我禮如來堅固力
Ngã lễ Như Lai kiên cố lực

Chân động đại địa không ngừng nghỉ.

手指纖長網縵相
Thủ chỉ tiêm trường võng man tương
Ngón tay thon dài như tơ lụa
平立垂手過於膝
Bình lập thùy thủ quá ư tất
Đứng thẳng thông tay dài hơn gối

佛行大地現好相
Phật hành Đại địa hiện hảo tướng
Hạnh Phật tướng tốt hiện nơi nơi
足放光明照群生
Túc phóng quang-minh chiếu quần sanh
Quang minh chiếu sáng khắp quần sanh
大聖法王施七財
Đại Thánh Pháp Vương thí thất tài
Đại Thánh Pháp vương ban thất bảo
調御世間依法行
Điều ngự thế gian y Pháp hành
Thế gian nương nhờ pháp Như Lai
慈悲法念心為劍

Từ bi Pháp niệm tâm vi kiếm
Phương pháp từ bi, tâm làm kiếm
能斷煩惱諸群賊
Năng đoạn phiền não chư quần tặc
Phá sạch oán thù, các phiền não

自利果滿復利他
Tự lợi quả mãn phục lợi tha
Vẹn toàn tự lợi lại lợi tha
究竟安樂出塵勞
Cứu cánh an lạc xuất trần lao
An vui rốt ráo, hết trần lao

無生無滅無諸苦
Vô sanh vô diệt vô chư khổ
Không sanh không diệt không các khổ
如是無為最上乘
Như thị vô vi tối thượng thừa
Như vậy vô vi Tối thượng thừa

我讚最上大牟尼
Ngã tán tối thượng Đại Mâu-ni
Ngài là Tối thượng Đại Mâu-ni
如是所有諸功德
Như thị sở hữu chư công đức
Có được công đức như vậy đó

尊者護國。頌讚佛已。

nhĩ thời Tôn giả hộ quốc. tụng tán Phật dĩ.

Lúc bấy giờ Tôn giả Hộ Quốc tụng bài tụng khen Phật xong,

偏袒右肩右膝著地。合掌向佛。恭敬頂禮白佛言。世尊。

Thiên đàn hữu kiên hữu tất trước địa. hợp chuông hướng Phật. cung kính đỉnh lễ
bạch Phật ngôn. Thế Tôn.

trạch áo bên phải, quỳ gối chấp tay hướng về phía Phật, cung kính đánh lễ, rồi
bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

如來應正等覺。我有所問。唯願世尊慈悲聽許。

Như Lai ứng chánh đẳng giác. ngã hữu sở vấn. duy nguyện Thế Tôn từ bi thỉnh
hứa.

Đánh lễ Như Lai kiên cổ lục

指甲清淨如赤銅
Chỉ giáp thanh tịnh như xích đồng
Các móng sạch đẹp như đồng thắm
我禮金色大覺尊
Ngã lễ kim sắc Đại giác tôn
Kính lễ kim sắc Đại Giác Tôn

具足顯現千輻輪
Cụ túc hiển hiện thiên phúc luân
Hiện hiện đủ đầy hình bánh xe
蒙光悉得天界
Mông quang tất đắc sanh Thiên giới
Nhờ hào quang ấy sanh Thiên giới
能為施主心平等
Năng vi thí chủ tâm bình đẳng
Khéo vi thí chủ tâm bình đẳng
我禮法王無上覺
Ngã lễ Pháp Vương vô thượng giác
Đánh lễ Pháp Vương Vô Thượng Giác
持戒方便智慧弓

Trì giới phương tiện trí tuệ cung
Phương tiện trì giới, trí làm cung
生滅輪迴無有增
Sanh diệt Luân-hồi vô hữu tăng
Luân hồi, sanh diệt tự tiêu tan
令彼眾生亦解脫

Lệnh bỉ chúng sanh diệt giải thoát
Khiến mọi chúng sanh cùng giải thoát
得入善逝寂靜宗
Đắc nhập thiện thệ tịch tĩnh tông
Chúng vào Thiện Thệ, được an tĩnh
亦無生老愛別離

Diệc vô sanh lão ái biệt ly
Cũng không sinh, già, ái, biệt ly
佛為眾生慈愍說
Phật vi chúng sanh từ mẫn thuyết
Vi thương chúng sanh, Phật nói Pháp

攝盡一切諸佛法
Nhiếp tận nhất thiết chư Phật Pháp
Rõ thấu hết thầy chư Phật Pháp
願諸眾生證菩提
Nguyện chư chúng sanh chúng Bồ-đề
Nguyện các chúng sanh chúng Bồ-đề.

Bạch Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, nay con có điều muốn thứ hỏi, ngưỡng mong Thế Tôn từ bi chỉ bảo.

爾時世尊。告尊者護國言。

nhĩ thời Thế Tôn. cáo Tôn giả hộ quốc ngôn.

Bây giờ Thế Tôn bảo Tôn giả Hộ Quốc rằng,

如汝所問我為汝說。滿所求願令生歡喜。時尊者護國。

như nhữ sở vấn ngã vi nhữ thuyết. mãn sở cầu nguyện lệnh sanh hoan hỷ. thời Tôn giả hộ quốc.

như lời ông thưa hỏi, Như Lai sẽ giải đáp rõ ràng, khiến ông vui mừng. Lúc ấy Tôn giả Hộ Quốc

聞佛語已。身心適悅而發聲音。

Văn Phật ngữ dĩ. thân tâm thích duyệt nhi phát thanh ngôn.

nghe Phật nói xong, thân tâm vui mừng, bèn thưa rằng:

世尊有何等法為菩薩行法具足。能得一切最上功德。

Thế Tôn hữu hà đẳng Pháp vi Bồ-tát hành Pháp cụ túc. năng đắc nhất thiết tối thượng công đức.

Bạch Thế Tôn! Có pháp nào mà khi vị Bồ-tát thực hành đầy đủ, thì có thể chúng đắc tất cả công đức tối thượng,

無礙大智決定辯才明了性相。入一切智教化眾生。

vô ngại Đại trí quyết định biện tài minh liễu tánh tướng. nhập nhất thiết trí giáo hóa chúng sanh.

được vô ngại trí, quyết định biện tài, thấu rõ tánh tướng các pháp, chúng nhất thiết trí để giáo hoá chúng sanh,

斷彼無明妄想煩惱。決定真實入一切智。

đoạn bỉ vô minh vọng tưởng phiền não. quyết định chân thật nhập nhất thiết trí

chặt đứt vô minh vọng tưởng phiền não, chắc chắn chúng vào nhất thiết trí,

發真實語。令彼有情依言所作。

phát chân thật ngữ. lệnh bỉ hữu tình y ngôn sở tác.

nói ra những lời chân thật khiến cho chúng hữu tình nương nhờ tu tập,

離諸愚暗念佛方便。樂聞一切甚深梵義。受持諸法。

ly chư ngu ám niệm Phật phương tiện. lạc văn nhất thiết thậm thâm phạm nghĩa. thọ trì chư Pháp.

lìa xa ngu si tăm tối, khéo biết niệm Phật, vui nghe nghĩa pháp thậm thâm và phát tâm thọ trì các pháp,

速得證於無上正智。

tốc đắc chứng ư vô thượng chánh trí.

mau đặng giác ngộ Vô thượng chánh trí.

爾時尊者護國即於佛前。而說頌曰。

Nhĩ thời Tôn giả hộ quốc tức ư Phật tiền. nhi thuyết tụng viết。

Bây giờ Tôn giả Hộ Quốc ở trước Phật nói bài tụng rằng :

菩薩所行決定行

彼行必有真實法

Bồ-tát sở hạnh quyết định hành

Bỉ hành tất hữu chân thật Pháp

Bồ-tát nhờ tu các pháp lành

Chúng pháp Chân thật cũng nhờ vậy.

真法從佛智海生

最上如來為我說

Chân Pháp tông Phật trí hải sanh

Tối thượng Như Lai vi ngã thuyết

Chân Pháp từ biển trí Phật sinh

Tối thượng Như Lai vì ta nói

佛身光明黃金相

最上無邊大福聚

Phật thân quang-minh hoàng kim tướng

Tối thượng vô biên Đại phúc tụ

Phật thân chói sáng tướng hoàng kim

Tối thượng vô biên công đức lớn

救度六趣諸眾生

為說菩薩無垢行

Cứu độ lục thú chư chúng sanh

Vì thuyết Bồ-tát vô cầu hành

Phổ độ chúng sanh rộng sáu đường

Vì nói Bồ-tát vô cầu hạnh

何得無盡大覺智
Hà đắc vô tận Đại giác trí
Sao được vô tận Đại Giác trí
何得清淨智慧海
Hà đắc thanh tịnh trí tuệ hải
Sao được thanh tịnh trí như biển
俱胝多劫輪迴苦
Câu chi đa kiếp Luân-hồi khổ
Úc kiếp vô số luân hồi khổ
觀此愚迷苦惱侵
Đồ thử ngu mê khổ não xâm
Phiền não ngu mê mãi chướng
刹土清淨眾會滿
Sát độ thanh tịnh chúng hội mãn
Cõi nước thanh tịnh muôn chúng hội
為眾恒宣微妙言
Vi chúng hằng tuyên vi diệu ngôn
Vì chúng sanh tuyên lời diệu pháp
降伏邪魔生正見
Hàng phục tà ma sanh chánh kiến
Hàng phục tà ma sinh chánh kiến
清淨法眼照愚盲
Thanh tịnh Pháp nhãn chiếu ngu manh
Pháp nhãn thanh tịnh tỏ kẻ ngu
端嚴富貴大辯才
Đoan nghiêm phú quý Đại biện tài
Giàu sang, tướng đẹp, đại biện tài
譬如甘露潤世間
Thí như cam lộ nhuận thế gian
Như cam Lộ thủy thấm thế gian
梵音深妙斷諸惡
Phạm Âm thâm diệu đoạn chư ác
Phạm Âm nhiệm mầu, trừ ác pháp
求法之眾佛所集
Cầu Pháp chi chúng Phật sở tập
Ai cầu pháp ấy Như Lai có
眾有菩提最上根
Chúng hữu Bồ-đề tối thượng căn
Chúng sanh có sẵn gốc Bồ-đề
願佛隨根方便說
Nguyện Phật tùy căn phương tiện thuyết
Xin Phật từ bi phương tiện thuyết
我今樂聞最上乘
Ngã kim lạc văn tối thượng thừa
Con nay vui nghe Tối thượng thừa
於此小乘不樂求
Ư thử Tiểu thừa bất lạc cầu
Với Pháp Tiểu thừa chẳng vui cầu
爾時尊者護國。說此頌已。佛言。善哉善哉。
Nhĩ thời Tôn giả hộ quốc。thuyết thử tụng dĩ。Phật ngôn。Thiện tai Thiện tai。
Tôn giả Hộ Quốc nói xong bài tụng này, Đức Phật bèn khen: Lành thay! Lành thay!
尊者能問如來最上之義。利益多人令得安樂。
Tôn giả năng vấn Như Lai tối thượng chi nghĩa。lợi ích đa nhân lệnh đắc an lạc。

總持甘露生菩提
Tổng trì cam lộ sanh Bồ-đề
Tổng trì cam lộ sanh Bồ-đề?
彼慧能斷眾生疑
Bi Huệ Năng đoạn chúng sanh nghi
Đoạn trừ nghi hoặc cho chúng sanh?
眾生迷沒意無疲
Chúng sanh mê một ý vô bì
Chúng sanh mê muội không ngừng nghi
為彼云何修十善
Vi bi vân hà tu Thập thiện
Vậy thì làm sao tu thập thiện
實刹無邊壽命長
Thật sát vô biên thọ mạng trường
Chân thật vô cùng được sống lâu
願說菩提無垢行
Nguyện thuyết Bồ-đề vô cấu hành
Nguyện thuyết Bồ-đề, vô cấu hạnh
枯彼愛河證解脫
Khô bi ái hà chúng giải thoát
Sông ái cạn khô, chúng Niết-bàn
令諸有情行上行
Lệnh chư hữu tình hành thượng hành
Khiến chúng hữu tình tu chánh đạo
言辭柔軟聞歡喜
Ngôn từ nhu nhuyễn văn hoan hi
Ngôn từ nhu nhuyễn, nghe hoan hi
願說甚深微妙法
Nguyện thuyết thậm thâm vi diệu Pháp
Nguyện thuyết thậm thâm diệu vi pháp
其聲和雅如頻伽
Kỳ thanh hòa nhã như tần đà
Thanh âm hoà nhã tợ Tần Già
願說甘露濟群生
Nguyện thuyết cam lộ tế quần sanh
Nói pháp cam lộ cứu quần sanh
及彼聲聞緣覺性
Cập bi Thanh văn Duyên giác tánh
Cùng với Thanh văn, Duyên giác tánh
師資遇會正是時
Su tư ngộ hội chánh thị thời
Gặp đấng Đạo Sư chính phải lúc
唯佛知我菩提性
Duy Phật tri ngã Bồ-đề tánh
Phật biết Bồ-đề tánh của con
願說如來第一法
Nguyện thuyết Như Lai đệ nhất Pháp
Nguyện thuyết Như Lai pháp đệ nhất.

Ông khéo hỏi Như Lai nghĩa lý tối thượng, làm lợi ích cho nhiều người, làm an vui cho số đông,

攝受未來諸菩薩摩訶薩。

nhiếp thọ vị lai chư Bồ-tát Ma-Ha tát.

nhiếp thọ được các vị Đại Bồ-tát Ma-ha-tát trong đời vị lai.

汝今諦聽善思念之。我當為說。時尊者護國白言。善哉世尊。

nhữ kim đề thính thiện tư niệm chi。ngã đương vi thuyết。thời Tôn giả hộ quốc bạch ngôn。Thiện tai Thế Tôn。

Ông nay lắng nghe và khéo suy nghĩ, ta sẽ vì ông mà nói.

Bấy giờ Tôn giả Hộ Quốc nói rằng: Lành thay, thưa Thế Tôn!

我今樂聽唯願說之。

Ngã kim lạc thính duy nguyện thuyết chi。

Con nay muốn nghe, kính xin Ngài nói cho.

爾時世尊。告尊者護國言。

Nhĩ thời Thế Tôn。 cáo Tôn giả hộ quốc ngôn。

Bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả Hộ Quốc rằng:

有四種法具足清淨。是名菩薩摩訶薩。何等四法。

hữu tứ chủng Pháp cụ túc thanh tịnh。 thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát。 hà đẳng tứ Pháp Là bậc Đại Bồ-tát Ma-ha-tát thì có đủ bốn pháp thanh tịnh. Thế nào là bốn Pháp? 一內二外三心四意。如是四法稱理真實。

nhất nội nhị ngoại tam tâm tứ ý。 như thị tứ Pháp xung lý chân thật。

Một là nội Pháp, hai là ngoại Pháp, ba là tâm, bốn là ý. Bốn pháp này gọi là lý chân thật,

見諸眾生其心平等。猶若虛空。無所分別依言所行。

kiến chư chúng sanh kỳ tâm bình đẳng。 do nhược hư không。 vô sở phân biệt y ngôn sở hạnh。

bình đẳng với tất cả chúng sanh, tâm như hư không, không lòng phân biệt, hành động và lời nói không trái nghịch nhau.

是名菩薩摩訶薩四種之法獲得清淨。

thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát tứ chủng chi Pháp hoạch đắc thanh tịnh。

Đó gọi là bốn pháp thanh tịnh của Bồ-tát Ma-ha-tát.

爾時世尊。重說頌曰。

nhĩ thời Thế Tôn。 trọng thuyết tụng viết。

Bấy giờ đức Thế Tôn nói tụng khen rằng:

心意內外常清淨

不退菩提正道心

Tâm ý nội ngoại thường thanh tịnh

Bất thoái Bồ-đề chánh Đạo tâm

Tâm ý trong ngoài thường thanh tịnh

Bồ-đề Chánh đạo tâm không chuyển

所作之善無唐捐

能得菩薩無邊智

Sở tác chi thiện vô đường quyên

Năng đắc Bồ-tát vô biên trí

Có đặng điều lành không phế bỏ

Chúng đắc Bồ-tát trí vô biên。

觀彼眾生苦無我

生老病死悉來侵

Quán bỉ chúng sanh khổ vô ngã

Sanh lão bệnh tử tất lai xâm

Quán chiếu chúng sanh khổ, vô ngã

Sanh già bệnh chết ắt lìa xa

如是有大海中

廣運法船救群品

Như thị tam hữu Đại hải trung

Quảng vận Pháp thuyền cứu quần phẩm

Như vậy trong biển lớn ba cõi

Dùng thuyền Pháp rộng cứu quần sanh

見諸眾生心平等

觀彼世間如一子

Kiến chư chúng sanh tâm bình đẳng

Quán bỉ thế gian như nhất tử

Với các chúng sanh, lòng bình đẳng

Quán thế gian kia như con một

願令一切俱解脫

悉向菩提心不退

Nguyện lệnh nhất thiết câu giải thoát

Tất hướng Bồ-đề tâm bất thoái

Nguyện cho tất cả đều giải thoát

Bồ-đề quy hướng chẳng chuyển lay

常談空義依空行
Thường đàm không nghĩa y không hành
Nói, làm đều ở trong không hạnh
譬如夢幻等無實
Thí như mộng huyễn đẳng vô thật
Nhu bao mộng huyễn không thật có
如所宣說大覺智
Nhu sở tuyên thuyết Đại giác trí
Nhu Đại Giác Trí đã tuyên thuyết
調伏過失心寂靜
Điều phục quá thất tâm tịch
Lỗi lầm sạch hết, lòng thanh tịnh
爾時世尊說此頌已。告尊者護國言。

nhĩ thời Thế Tôn thuyết thử tụng dĩ。 cáo Tôn giả hộ quốc ngôn。
Bấy giờ Thế Tôn nói tụng đó xong liền bảo Tôn giả Hộ Quốc rằng:
復有四種法。於諸菩薩令心安慰。何等四法。

phục hữu tứ chủng Pháp。ư chư Bồ-tát lệnh tâm an úy。 hà đẳng tứ Pháp。
Lại có bốn Pháp khiến Bồ-tát sanh lòng yên ổn, những gì là bốn?
一者於總持法門志求修學。

Nhất giả ư tổng trì Pháp môn chí cầu tu học。
Một là đối với Pháp môn Tổng trì, ý chí luôn cầu tu học。

二者常近善友威儀無缺。三者求證甚深無生法忍。

Nhị giả thường cận thiện hữu uy nghi vô khuyết。 Tam giả cầu chứng thậm thâm vô
sanh Pháp nhãn。

Hai là thường gần gũi bạn lành, đầy đủ uy nghi. Ba là cầu chứng thậm thâm Vô
Sanh Pháp Nhãn。

四者精進修行持戒清淨。如是四法。

tứ giả tinh tấn tu hành trì giới thanh tịnh。 như thị tứ Pháp
Bốn là tinh tấn tu hành, giới hạnh thanh tịnh. Đó là bốn pháp
令彼菩薩安慰其心進修不退。復說頌曰。

lệnh bỉ Bồ-tát an úy kỳ tâm tiến tu bất thối。 phục thuyết tụng viết。
khiến chư Bồ-tát an tâm tiến tu không thối chuyển. Lại nói tụng rằng:

若人愛敬總持法
Nhược nhân ái kính tổng Trì Pháp
Nếu ai kính trọng Tổng Trì Pháp
能持無上妙法門
Năng trì vô thượng diệu Pháp môn
Năng giữ vô thượng diệu pháp môn
智慧增明無忘失
Trí tuệ tăng minh vô vong thất
Tuệ căn thêm sáng, không quên mất
通達一切最上法
Thông đạt nhất thiết tối thượng Pháp
Thông đạt tất cả pháp tối thượng
皆因善友證菩提
Giới nhân thiện hữu chúng Bồ-đề
Đều nương Thiện hữu chúng Bồ-đề
增長八正作佛事
Tăng trưởng bát chánh tác Phật sự
Tăng trưởng Bát Chánh làm Phật sự
聞甚深法證無生
Văn thậm thâm Pháp chứng vô sanh
Nghe Pháp nhiệm mầu chúng Vô sanh

亦無人我無眾生
Diệc vô nhân ngã vô chúng sanh
Không Ngã, không Nhân, không Chúng sanh
令彼愚迷生智慧
Lệnh bỉ ngu mê sanh trí tuệ
Khiến người ngu mê trí huệ sanh
依智而行所作事
Y trí nhi hành sở tác sự
Nương trí thực hành các Phật sự
求證菩提為佛子
Tỉnh cầu chúng Bồ-đề vi Phật-Tử
Cầu chúng Bồ-đề, làm Phật tử。

名聞遠響眾所歸
Danh-Văn viễn hưởng chúng sở quy
Danh tiếng vang xa, chúng đồng quy
一切如來同所說
Một như lai đồng sở thuyết
Nhất thiết Như Lai đồng đã thuyết
Tất cả Như Lai đều đã thuyết
如是速得無礙智
Như thị tốc đắc vô ngại trí
Như vậy mau chúng Vô Ngại Trí
成就無為解脫門
Thành tựu vô vi giải thoát môn
Thành tựu vô vi, giải thoát môn
出生七覺能修斷
Xuất sanh thất giác năng tu đoạn
Sinh Thất giác chi mà đoạn tận
遠離惡友如怖火
Viễn ly ác hữu như phở hỏa
Tránh xa bạn ác như tránh lửa
能了諸法畢竟空
Năng liễu chư Pháp tất cánh không
Hiểu rõ các pháp thay đều không

無我無人無眾生
Vô ngã vô nhân vô chúng sanh
Không Ngã không Nhân không Chúng sanh.
律儀出生諸善本
Luật nghi xuất sanh chư thiện bản
Thiện căn phát sanh từ luật nghi
彼行能成寂靜心
Bỉ hành năng thành tịch tĩnh tâm
Hành trì giới luật tâm thanh tịnh
爾時世尊說此頌已。告尊者護國言。

如是求離一切見
Nhu thị cầu ly nhất thiết kiến
Nhu vậy xa lìa các tà kiến
堅持守護離破犯
Kiên trì thủ hộ ly phá phạm
Kiên trì giữ giới không sai phạm
佛為眾生親演說
Phật vì chúng sanh thân diễn thuyết
Phật vì chúng sanh tự diễn thuyết.

Nhĩ thời Thế Tôn thuyết thử tụng dĩ。 cáo Tôn giả hộ quốc ngôn
Bây giờ Thế Tôn nói tụng xong, liền bảo Tôn giả Hộ Quốc rằng:

復有四種法。於諸菩薩在輪迴中令心愛樂。

phục hữu tứ chủng Pháp。 u chư Bồ-tát tại Luân-hồi trung lệnh tâm ái lạc。
Lại có bốn Pháp đối với chúng Bồ-tát khiến sanh lòng vui thích khi đang còn trong luân hồi.

何等四法。一者令諸菩薩愛樂見佛。

Hà đẳng tứ Pháp。 Nhất giả lệnh chư Bồ-tát ái lạc kiến Phật
Những gì là bốn? Một là khiến các Bồ-tát vui thích khi thấy Phật.

二者令諸菩薩愛樂說法。

Nhị giả lệnh chư Bồ-tát ái lạc thuyết Pháp。
Hai là khiến các Bồ-tát ưa thích thuyết Pháp.

三者令諸菩薩愛樂能捨一切所有。四者令諸菩薩愛樂忍印無相深法。

Tam giả lệnh chư Bồ-tát ái lạc năng xả nhất thiết sở hữu。 Tứ giả lệnh chư Bồ-tát ái lạc nhẫn ấn vô tướng thâm Pháp。

Ba là khiến các Bồ-tát vui thích mà xả bỏ tất cả。 Bốn là khiến các Bồ-tát vui thích Pháp nhẫn nhục và Vô tướng giải thoát。

如是四法。於諸菩薩在輪迴中深生愛樂。

như thị tứ Pháp。 u chư Bồ-tát tại Luân-hồi trung thâm sanh ái lạc。
Bốn Pháp này đối với chư Bồ-tát đang ở trong luân hồi thường sanh lòng ưa thích。

復說頌曰。

Phục thuyết tụng viết。

Lại nói tụng rằng:

菩薩得見二足尊
Bồ-tát đắc kiến nhị túc tôn
Bồ-tát thấy được đấng Túc Tôn
能善調伏諸世間
Năng thiện điều phục chư thế gian
Hay khéo điều phục các thế gian
如是供養人中尊
Nhu thị cung dưỡng nhân trung tôn
Nhu vậy cúng dường đấng Trung Tôn,
救度一切諸眾生
Cứu độ nhất thiết chư chúng sanh
Tất cả hàm linh đều cứu độ
若聞諸佛所說法
Nhược văn chư Phật sở thuyết Pháp
Nếu ai nghe hiểu lời Phật thuyết
如是堅固心無退
Nhu thị kiên cố tâm vô thoái
Nờ vậy kiên cố tâm không thoái
能捨一切心無悋

一切生中行正行
Nhất thiết sanh trung hành chánh hành
Hết thầy muôn kiếp hành chánh pháp
光明普照除愚暗
Quang-minh phổ chiếu trừ ngu ám
Ảnh sáng chiếu soi, trừ ngu muội
深生愛樂常尊重
Thâm sanh ái lạc thường tôn trọng
Sanh lòng vui thích, thường tôn trọng
令入菩提無上道
Linh nhập Bồ-đề vô thượng đạo
Khiến chúng Bồ-đề Vô thượng đạo
身心寂靜生愛樂
Thân tâm tịch tĩnh sanh ái lạc
Thân tâm thanh tịnh sinh an lạc
依行速證佛菩提
Y hành tốc chứng Phật Bồ-đề
Nương hạnh viên ly chúng Bồ-đề
見來求者生歡喜

Năng xả nhất thiết tâm vô khác lặn
Xả bỏ tất cả lòng không tiếc
國城妻子及身命
Quốc thành thê tử cập thân mạng
Thành quách, vợ con cùng thân mạng
若聞無相甚深法
Nhuộc văn vô tướng thậm thâm Pháp
Nếu nghe vô tướng pháp thâm sâu
無我無人無眾生
Vô ngã vô nhân vô chúng sanh
Không ngã không Nhân không
爾時世尊說此頌已。告尊者護國言。

nhĩ thời Thế Tôn thuyết thử tụng dĩ。 cáo Tôn giả hộ quốc ngôn。

Lúc ấy Thế Tôn nói bài tụng xong, liền bảo Tôn giả Hộ Quốc rằng:

復有四種法。於諸菩薩不得愛樂。何等四法。

phục hữu tứ chủng Pháp。 ư chư Bồ-tát bất đắc ái lạc。 hà đẳng tứ Pháp。

Lại có bốn pháp mà vị Bồ-tát không nên đem lòng yêu thích. Những gì là bốn?

一者於其在家不得愛樂。

Nhất giả ư kỳ tại gia bất đắc ái lạc。

Một là, không ưa thích đời sống gia đình。

二者既出家已不得愛樂利養。三者不得愛樂上族中生。

Nhị giả ký xuất gia dĩ bất đắc ái lạc lợi dưỡng。 tam giả bất đắc ái lạc thượng
tộc trung sanh。

Hai là, đã xuất gia rồi thì không tham cầu lợi dưỡng. Ba là, không ưa thích
sanh trong hàng thượng lưu。

四者不得愛樂小乘之人。如是四法。

tứ giả bất đắc ái lạc Tiểu thừa chi nhân。 như thị tứ Pháp。

Bốn là, không ưa thích người tu tập pháp Tiểu thừa. Đó là bốn pháp,

於諸菩薩不得愛樂。復說頌曰。

ư chư Bồ-tát bất đắc ái lạc。 phục thuyết tụng viết。

mà vị Bồ-tát không nên ưa thích. Ngài lại nói bài tụng rằng:

在家無邊大過失

Tại gia vô biên Đại quá thất

Đời sống gia đình lắm lỗi lắm

常樂山野寂諸根

Thường lạc sơn dã tịch chư căn

Thường thích rừng vắng tu các căn

獨行清淨如利劍

Độc hành thanh tịnh như lợi kiếm

Một mình thanh tịnh như kiếm sắc

於彼種種大利養

Ư bỉ chủng chủng Đại lợi dưỡng

Cùng với lợi dưỡng đủ các loại

棄捨高貴上種族

Khí xả cao quý thượng chủng tộc

Xả bỏ dòng tộc cao sang quý

普為群生行布施

Phổ vi quần sanh hành bố thí

Khấp vì chúng sanh hành bố thí

不惜身命及眷屬

Bất tích thân mạng cập quyến chúc

Không tiếc thân mạng và quyến thuộc

Kiến lai cầu giả sanh hoan hi

Thấy người đến xin lòng hoan hi

給施眾生作佛因

Cấp thí chúng sanh tác Phật nhân

Ban cho chúng sanh, gieo nhân Phật

性離分別本來空

Tánh ly phân biệt bản lai không

Tánh lìa phân biệt, pháp vốn không

如是於斯生愛樂

Như thị ư tu sanh ái lạc

Chúng sanh Như vậy nên lòng sanh ái lạc.

如是於斯生愛樂

Như thị ư tu sanh ái lạc

Chúng sanh Như vậy nên lòng sanh ái lạc.

如是於斯生愛樂

Như thị ư tu sanh ái lạc

Chúng sanh Như vậy nên lòng sanh ái lạc.

如是於斯生愛樂

Như thị ư tu sanh ái lạc

Chúng sanh Như vậy nên lòng sanh ái lạc.

如是於斯生愛樂

Như thị ư tu sanh ái lạc

Chúng sanh Như vậy nên lòng sanh ái lạc.

如是於斯生愛樂

Như thị ư tu sanh ái lạc

Chúng sanh Như vậy nên lòng sanh ái lạc.

如是於斯生愛樂

Như thị ư tu sanh ái lạc

Chúng sanh Như vậy nên lòng sanh ái lạc.

如是於斯生愛樂

Như thị ư tu sanh ái lạc

Chúng sanh Như vậy nên lòng sanh ái lạc.

如是於斯生愛樂

Như thị ư tu sanh ái lạc

Chúng sanh Như vậy nên lòng sanh ái lạc.

如是於斯生愛樂

Như thị ư tu sanh ái lạc

Chúng sanh Như vậy nên lòng sanh ái lạc.

如是於斯生愛樂

Như thị ư tu sanh ái lạc

Chúng sanh Như vậy nên lòng sanh ái lạc.

如是於斯生愛樂

Như thị ư tu sanh ái lạc

Chúng sanh Như vậy nên lòng sanh ái lạc.

如是於斯生愛樂

Như thị ư tu sanh ái lạc

Chúng sanh Như vậy nên lòng sanh ái lạc.

如是於斯生愛樂

Như thị ư tu sanh ái lạc

Chúng sanh Như vậy nên lòng sanh ái lạc.

如是於斯生愛樂

Như thị ư tu sanh ái lạc

Chúng sanh Như vậy nên lòng sanh ái lạc.

如是於斯生愛樂

Như thị ư tu sanh ái lạc

Chúng sanh Như vậy nên lòng sanh ái lạc.

於小乘法無所著
Ư Tiểu thừa Pháp vô sở trú
Vớ pháp Tiểu thừa không vương mắc

乃至割截於身體
Nãi chí cát tiết ư thân thể
Thân thể này đây dù nát tan
爾時世尊。說此頌已。告尊者護國言。

Nhĩ thời Thế Tôn. thuyết thử tụng dĩ. cáo Tôn giả hộ quốc ngôn.
Lúc bấy giờ Thế Tôn nói tụng này rồi liền bảo Tôn giả Hộ Quốc rằng:
復有四種法。於諸菩薩而有損減。何等四法。

phục hữu tứ chủng Pháp. ư chư Bồ-tát nhi hữu tổn giảm. hà đẳng tứ Pháp.
Lại có bốn pháp mà vị Bồ-tát nên đoạn tận. Thế nào là bốn?

一者破犯戒律。二者不住山野而趣寂靜。

nhất giả phá phạm giới luật. nhị giả bất trụ sơn dã nhi thú tịch tĩnh.
Một là phá phạm giới luật. Hai là không ở rừng vắng mà sống đời tịch tịnh.

三者不依四乘之教邪妄推求。

tam giả bất y tứ thừa chi giáo tà vọng thôi cầu。

Ba là không nương theo giáo pháp Tứ thừa mà lại vọng cầu tà giáo。

四者雖樂多聞全無所得。如是四法。於諸菩薩而有損減。復說頌曰。

tứ giả tuy lạc đa văn toàn vô sở đắc. như thị tứ Pháp. ư chư Bồ-tát nhi hữu tổn giảm. phục thuyết tụng viết.

Bốn là tuy thích đa văn nhưng tâm thường trống rỗng. Đó là bốn pháp mà vị Bồ-tát thường bị tổn thương và suy giảm. Lại nói tụng rằng:

戒相清淨如摩尼
Giới tướng thanh tịnh như ma-ni
Giới tướng thanh tịnh tợ ma-ni

菩薩於斯破律儀
Bồ-tát ư tư phá luật nghi mê
Bồ-tát vì do phạm luật nghi

住持山野寂靜處
Trú trì sơn dã tịch tĩnh xử
Ở trong núi vắng chốn thanh tịnh

男女眷屬及己身
Nam nữ quyến chúc cập kỷ thân
Nam, nữ, gia quyến và thân mạng

四乘教理無虛誑
Tứ thừa giáo lý vô hư cuống
Giáo lý Tứ thừa không hư dối

必得具足眾功德
Tất đắc cụ túc chúng công đức
Ắt rằng đầy đủ các công đức

觀彼輪迴諸有情
Quán bỉ Luân-hồi chư hữu tình
Luân hồi hữu tình trong sáu nẻo

恒運最上妙法船
Hằng vận tối thượng diệu Pháp thuyền
Dùng thuyền Tối thượng Vi diệu Pháp

若無救度彼眾生
Nhược vô cứu độ bỉ chúng sanh
Nếu không cứu độ các chúng sanh

是故小乘非究竟
Thị cố Tiểu thừa phi cứu cánh
Tiểu thừa Pháp ấy không cứu cánh

爾時世尊說此頌已。告尊者護國言。

於最上乘恒堅固
Ư tối thượng thừa hằng kiên cố
Chuyên vì Tối thượng Đại thừa tôn

其心不壞如金剛
Kỳ tâm bất hoại như Kim cương
Tâm kia bền vững tợ kim cương.

Nhĩ thời Thế Tôn. thuyết thử tụng dĩ. cáo Tôn giả hộ quốc ngôn.
Lúc bấy giờ Thế Tôn nói tụng này rồi liền bảo Tôn giả Hộ Quốc rằng:

復有四種法。於諸菩薩而有損減。何等四法。

nhất giả phá phạm giới luật. nhị giả bất trụ sơn dã nhi thú tịch tĩnh.
Một là phá phạm giới luật. Hai là không ở rừng vắng mà sống đời tịch tịnh.

三者不依四乘之教邪妄推求。

tam giả bất y tứ thừa chi giáo tà vọng thôi cầu。

Ba là không nương theo giáo pháp Tứ thừa mà lại vọng cầu tà giáo。

四者雖樂多聞全無所得。如是四法。於諸菩薩而有損減。復說頌曰。

tứ giả tuy lạc đa văn toàn vô sở đắc. như thị tứ Pháp. ư chư Bồ-tát nhi hữu tổn giảm. phục thuyết tụng viết.

Bốn là tuy thích đa văn nhưng tâm thường trống rỗng. Đó là bốn pháp mà vị Bồ-tát thường bị tổn thương và suy giảm. Lại nói tụng rằng:

能引眾生到彼岸
Năng dẫn chúng sanh đáo bỉ ngạn
Dẫn dắt chúng sanh đến giải thoát

迷沒不成無上覺
Mê bất thành vô thượng giác
Mê muội không thành Vô thượng giác

我人分別自然除
Ngã nhân phân biệt tự nhiên trừ
Ngã, Nhân phân biệt tự nhiên tiêu

觀如草木無情愛
Quán như thảo mộc vô tình ái
Quán như cỏ cây không tình ái

一心清淨奉教行
Nhất tâm thanh tịnh phụng giáo hành
Một lòng thanh tịnh nguyện phụng hành

成就佛智大丈夫
Thành tựu Phật trí Đại trượng phu
Thành tựu Phật trí đại trượng phu

常處生死憂悲苦
Thường xử sanh tử ưu bi khổ
Thường trong sanh tử sầu bi khổ

度彼有情出苦海
Độ bỉ hữu tình xuất khổ hải
Cứu vớt hữu tình lìa biển khổ

迷沒沈淪無有盡
Mê một trầm luân vô hữu tận
Thì mãi trầm luân vô cùng tận

為生令發菩提心
Vi sanh lệnh phát Bồ-đề tâm
Đề khiến chúng sanh phát Bồ-đề.

nhĩ thời Thế Tôn thuyết thử tụng dĩ. cáo Tôn giả hộ quốc ngôn.
Bấy giờ Thế Tôn nói bài tụng này xong liền bảo Tôn giả Hộ Quốc rằng:
復有四種法。於諸菩薩明了修習。何等四法。

phục hữu tứ chủng Pháp. u chu Bồ-tát minh liễu tu tập. hà đẳng tứ Pháp
Lại có bốn pháp, vị Bồ-tát nên rõ biết để tu tập. Những gì là bốn?
一者發生諸佛平等之心而求善逝。

Nhất giả phát sanh chư Phật bình đẳng chi tâm nhi cầu thiện thế.
Một là phát sanh lòng bình đẳng như chư Phật mà mong cầu chứng Thiện Thế.

二者承事法師尊重供養於臥具等而不愛著。
Nhị giả thừa sự Pháp sư tôn trọng cúng dường u ngọa cụ đẳng nhi bất ái trú
Hai là thừa sự Pháp sư, tôn trọng cúng dường đầy đủ cơm áo mà lòng không tiếc
nuối.

三者不貪利養亦無所求。四者於甚深法忍具足成就。

Tam giả bất tham lợi dưỡng diệc vô sở cầu. tứ giả u thậm thâm Pháp nhẫn cụ túc
thành tựu.

Ba là không tham lợi dưỡng, không cầu lợi cho mình. Bốn là thành tựu viên mãn
quả vị Bất thối chuyển.

如是四法明了修習。復說頌曰。

như thị tứ Pháp minh liễu tu tập. phục thuyết tụng viết. như vậy bốn Pháp
Như vậy là bốn pháp cần phải biết rõ để tu tập. Lại nói tụng rằng:

彼有善逝大丈夫	天上人間無有等
Bỉ hữu thiện thế Đại trượng phu	Thiên thượng nhân gian vô hữu đẳng
Thành tựu Thiện Thế đại trượng phu	Thiên giới nhân gian ai sánh kịp
平等導引諸群生	如是修習行十善
Bình đẳng đạo dẫn chư quần sanh	Như thị tu tập hành Thập thiện
Bình đẳng cứu độ chư quần sinh	Như vậy siêng tu mười thiện nghiệp
尊重承事於法師	依師授教而修學
Tôn trọng thừa sự u Pháp sư	Y sư thụ giáo nhi tu học
Tôn trọng làm theo bậc Pháp sư	Lắng lòng nghe pháp mà tu tập
作大供養求佛智	無邊諸佛亦此生
Tác Đại cúng dường cầu Phật trí	Vô biên chư Phật diệc thử sanh
Cúng dường đầy đủ, cầu trí Phật	Vô lượng chư Phật từ đó sanh
常住深山無所畏	於斯利養不生貪
Thường trụ thâm sơn vô sở úy	Ư tu lợi dưỡng bất sanh tham
Ở chốn thâm sơn, không khiếp sợ	Trước bao lợi dưỡng, chẳng lòng tham
善能成就無礙智	通達深法離諸塵
Thiện năng thành tựu vô ngại trí	Thông đạt thâm Pháp ly chư trần
Khéo hay thành tựu Vô ngại trí	Thông đạt Pháp mẫu, lia trần cấu
聞佛功德深歡喜	如是行法堅固修
Văn Phật công đức thâm hoan hỉ	Như thị hành Pháp kiên cố tu
Nghe công đức Phật, rất hoan hỉ	Như vậy tu trì chẳng chuyển lay
證彼寂靜無生忍	廣度眾生無量苦
Chứng bỉ tịch tĩnh vô sanh nhẫn	Quảng độ chúng sanh vô lượng khổ
Chứng pháp tịch tịnh, Vô sanh nhẫn	Rộng độ chúng sanh khổ không lường.

爾時世尊說此頌已。告尊者護國言。

nhĩ thời Thế Tôn thuyết thử tụng dĩ. cáo Tôn giả hộ quốc ngôn.
Bấy giờ Thế Tôn nói tụng này rồi liền bảo Tôn giả Hộ Quốc rằng:

復有四種法。於諸菩薩行法清淨。何等四法。

phục hữu tứ chủng Pháp. u chu Bồ-tát hành Pháp thanh tịnh. hà đẳng tứ Pháp
Lại có bốn pháp mà các Bồ-tát phải thực hành thanh tịnh. Những gì là bốn:
一者身心決定志求菩提行法清淨。

Nhất giả thân tâm quyết định chí cầu Bồ-đề hành Pháp thanh tịnh.

Một là thân tâm quyết định, chí cầu Bồ-đề, hành pháp thanh tịnh.

二者離諸虛妄樂住深山行法清淨。

Nhị giả ly chu hư vọng lạc trụ thâm sơn hành Pháp thanh tịnh.

Hai là xa lìa hư vọng, ở chốn thâm sơn, tu hành các pháp thanh tịnh.

三者一切能捨不求果報行法清淨。

Tam giả nhất thiết năng xả bất cầu quả báo hành Pháp thanh tịnh.

Ba là bỏ thí hết thảy nhưng không cầu phước quả, tu hành các pháp thanh tịnh.

四者常隨法師晝夜求法行法清淨。如是四法。於諸菩薩行法清淨。

Tứ giả thường tùy Pháp sư trú dạ cầu Pháp hành Pháp thanh tịnh。 như thị tứ Pháp。 u chu Bồ-tát hành Pháp thanh tịnh。

Bốn là thường theo Pháp sư, ngày đêm cầu pháp, tu tập pháp thanh tịnh。 Ấy là bốn pháp mà vị Bồ-tát thường phải thực hành thanh tịnh。

復說頌曰。

Phục thuyết tụng viết。

Lại nói lời tụng rằng:

貪瞋癡垢心皆盡

Tham sân si cấu tâm giai tận

Tham sân si, cấu tâm đều sạch

一切過失令不生

Nhất thiết quá thất lệnh bất sanh

Tất cả lỗi lầm không sinh nữa

厭離本舍憂根斷

Yếm ly bản xá ưu căn đoạn

chán ghét thế gian, đoạn ái căn

諸惡朋友不相逢

Chư ác bằng hữu bất tương phùng

Không lòng kết giao cùng chúng ác

於彼山中修淨行

Ư bỉ sơn trung tu tịnh hạnh

Từ trong núi ấy, tu tịnh hạnh

於身命財無所著

Ư thân mạng tài vô sở trú

Mạng thân, tài sản không tham đắm

見彼有情生歡喜

Kiến bỉ hữu tình sanh hoan hỷ

Thấy chúng hữu tình, lòng hoan hỷ

觀彼世間非久居

Quán bỉ thế gian phi cửu cư

Biết pháp thế gian chẳng bền lâu

身心清淨如虛空

Thân tâm thanh tịnh như hư không

Thân tâm thanh tịnh tựa hư không

於彼利養無愛著

Ư bỉ lợi dưỡng vô ái trú

Chẳng lòng tham cầu danh lợi dưỡng

世間恒處大嶮難

Thế gian hằng xử Đại hiểm nan

Thế gian thường hằng trong hiểm nạn

觀此虛妄無真實

Đồ thử hư vọng vô chân thật

Thấy toàn hư vọng, không thật có

恒以軟語誘群生

Hằng dĩ nhuyễn ngữ dụ quần sanh

Dùng lời nhu nhuyễn khuyến quần sanh

無著無住亦如風

懈怠虛妄亦復無

Giải đãi hư vọng diệc phục vô

Giải đãi, hư vọng, cũng không còn

決定求證菩提道

Quyết định cầu chứng Bồ-đề đạo

Quyết định cầu chứng đạo Bồ-đề

捨彼俗塵求出家

Xả bỉ tục trần cầu xuất gia

Xả bỏ trần tục, cầu xuất thế

行住深山趣解脫

Hành trụ thâm sơn thú giải thoát

Tu chốn núi sâu, cầu giải thoát

能成如來無礙智

Năng thành Như Lai vô ngại trí

Mới thành Như Lai, Vô ngại trí

自在無畏如師子

Tự-tại vô úy như Sư tử

Tự tại vô úy như sư tử

譬如飛鳥聚還離

Thí như phi điều tụ hoàn ly

Như chim đến đậu rồi bay đi

如是求大菩提道

Như thị cầu Đại Bồ-đề đạo

Như vậy cầu đại Bồ-đề đạo

所捨一切無驚怖

Sở xả nhất thiết vô kinh bố

Xả bỏ tất cả, không khiếp sợ

如鹿心驚不住地

Như lộc tâm kinh bất trụ địa

Lìa bỏ, như nai hoảng sợ chạy

難發身心求解脫

Nan phát thân tâm cầu giải thoát

Khó phát thân tâm cầu giải thoát

是故我行寂靜行

Thị cố ngã hành tịch tĩnh hạnh

Nên phải tu hành pháp thanh tịnh

怨親平等無分別

Oán thân bình đẳng vô phân biệt

Bình đẳng oán thân, không phân biệt

是求菩薩最上行

Vô trú vô trụ diệc như phong
Không chấp, không trú như làn gió
無相解脫空無願
Vô tướng giải thoát không vô nguyện
Giải thoát vô tướng không vô nguyện
常行清淨廣大心
Thường hành thanh tịnh quảng Đại tâm
Thường hành thanh tịnh, phát đại tâm
志求道法依師學
Chí cầu đạo Pháp y sư học
Mong cầu đạo pháp, theo Thầy học
眾苦逼迫無疲勞
Chúng khổ bức bách vô bì lao
Các khổ bức bách không mỏi mệt
解此所修菩薩行
Giải trừ sở tu Bồ-tát hành
Hiểu rõ hạnh tu của Bồ-tát
若人不求於菩提
Nếu nhân不求 ở Bồ-đề
Nếu không cầu tu Bồ-đề đạo
爾時世尊說此頌已。告尊者護國言。

Nhĩ thời Thế Tôn thuyết thử tụng dĩ. cáo Tôn giả hộ quốc ngôn。
Bấy giờ Thế Tôn nói tụng này xong liền bảo Tôn giả Hộ Quốc rằng:
復有四種法。於諸菩薩而為難法。何等四法。
phục hữu tứ chủng Pháp. u chu Bồ-tát nhi vi nan Pháp. hà đẳng tứ Pháp.
Lại có bốn pháp mà đối với Bồ-tát được coi là pháp nạn. Những gì là bốn?
一者心不尊重多行輕慢。
Nhất giả tâm bất tôn trọng đa hành khinh mạn。
Một là, tâm không tôn trọng người khác và thường khinh mạn。
二者心無孝行懈怠背逆。三者心貪利養少於知足。
Nhị giả tâm vô hiếu hành giải đãi bối nghịch. Tam giả tâm tham lợi dưỡng thiếu u
tri túc。
Hai là, không lòng hiếu hạnh, giải đãi biếng nhác. Ba là, tâm thường tham lợi
dưỡng, không hề biết đủ。
四者心樂虛妄邪求財利。如是四法為菩薩難法。
Tứ giả tâm lạc hư vọng tà cầu tài lợi. như thị tứ Pháp vi Bồ-tát nan Pháp。
Bốn là, tâm thích hư dối, cầu lợi bất chánh. Đó là bốn pháp làm pháp nạn của
Bồ-tát。
復說頌曰。

Phục thuyết tụng viết。
Lại nói tụng rằng:

佛法本師及父母
Phật Pháp Bổn Sư cập phụ mẫu
Chư Phật, Bổn sư cùng mẹ cha
不行孝敬心懈怠
Bất hành hiếu kính tâm giải đãi
Không hành hiếu kính, lòng biếng nhác
一向貪心於利養
Nhất hướng tham tâm u lợi dưỡng
Chỉ biết tham lam các lợi dưỡng
自讚德業誣他人
Tự tán đức nghiệp vu tha nhân
Nói mình có đức, người khác không

Thị cầu Bồ-tát tối thượng hành
Là cầu Bồ-tát hạnh tối thượng
了彼有為如幻化
Liễu bi hữu vi như huyễn hóa
Rõ pháp hữu vi như huyễn hoá
飲甘露味常歡喜
âm cam lộ vị thường hoan hi
Như uống cam lồ, thường hoan hỷ
彼人五蘊恒清淨
bị nhân ngũ uẩn hằng thanh tịnh
Bi nhân ngũ uẩn hằng thanh tịnh
Thân năm uẩn đó thường thanh tịnh
如是證入總持門
như thế chứng nhập tổng trì môn
Như thị chứng nhập tổng trì môn
Như vậy chứng vào Tổng Trì môn
成就所求令彼喜
Thành tựu sở cầu lệnh bị hi
Thành tựu sở cầu lòng hoan hỷ
Thành tựu sở cầu lòng hoan hỷ
彼即少智百生失
bị tức thiếu trí bách sanh thất
Bị tức thiếu trí bách sanh thất
Trăm kiếp người kia thiếu trí tuệ.

全無信重多輕慢
Toàn vô tín trọng đa khinh mạn
Đều không tin trọng, thường khinh mạn
常以愚癡行散亂
Thường dĩ ngu si hành tán loạn
Thường vì ngu si làm tán loạn
復行虛妄為邪利
Phục hành hư vọng vi tà lợi
Lại vì hư vọng và tà kiến
我能持戒及修行
Ngã năng trì giới cập tu hành
Chỉ mình trì giới siêng tu tập

互相關諍無慈愍
Hỗ tương đầu tránh vô từ mẫn
Thường hay gây gỗ không thương xót
復行農業及經營
Phục hành nông nghiệp cập Kinh doanh
Chuyên làm kinh doanh và nông nghiệp
末法之時人散亂
Mạt Pháp chi thời nhân tán loạn
Nhằm thời mạt pháp, tán loạn tâm
沙門隱滅如來法
Sa-môn ẩn diệt Như Lai Pháp
Sa-môn làm hại Như Lai Pháp
菩提妙道永不逢
Bồ-đề diệu đạo vĩnh bất phùng
Bồ-đề diệu đạo, cầu không gặp
爾時世尊說此頌已。告尊者護國言。

Nhĩ thời Thế Tôn thuyết thử tụng dĩ。 cáo Tôn giả hộ quốc ngôn。
Bây giờ Thế Tôn nói bài tụng này xong liền bảo Tôn giả Hộ Quốc rằng:

復有四種法。於諸菩薩宜應遠離。何等四法。

phục hữu tứ chủng Pháp。ư chu Bồ-tát nghi ứng viễn li。hà đẳng tứ Pháp。
Lại có bốn pháp mà vị Tỳ-kheo nên phải lìa xa. Những gì là bốn:

一者懈怠。二者不信。三者嫉妬。四者憎見他人。

Nhất giả giải đãi。Nhị giả bất tín。Tam giả tật đố。Tứ giả tăng kiến tha nhân。
Một là, biếng nhác. Hai là, bất tín. Ba là, tật đố. Bốn là, ghét gặp người khác.

如是四法宜應遠離。復說頌曰。

Như thị tứ Pháp nghi ứng viễn li。Phục thuyết tụng viết。

Đó là bốn pháp nên tránh bỏ. Lại nói bài tụng rằng:

無信懈怠心愚迷
Vô tín giải đãi tâm ngu mê tâm
Không tín, giải đãi, lòng ngu muội

見有沙門持忍辱
Kiến hữu Sa-môn trì nhẫn nhục
Thấy có Sa-môn tu nhẫn nhục

於彼世間貴賤人
Ư bỉ thế gian quý tiện nhân
Vớ kẻ sang hèn trong trần thế

一向只行於是非
Nhất hướng chỉ hành ư thị phi
Nêu tâm chỉ nghĩ chuyện thị phi

遠離佛法諸功德
Viễn li Phật Pháp chư công đức
Xa lìa Phật Pháp chư công đức

如是所行惡趣行
Như thị sở hành ác thú hành
Việc làm như thế theo đường ác

是故常行菩提道
Thị cố thường hành Bồ-đề đạo
Vậy nên thường hành Bồ-tát đạo

利益有情大金仙
Lợi ích hữu tình Đại kim tiên
Thế Tôn lợi ích chúng hữu tình

今時暫得遇牟尼
Kim thời tạm đắc ngộ Mâu-ni

覆藏已過見他非
Phúc tạng kỷ quá kiến tha phi
Che dấu lỗi mình, nói lỗi người
如是沙門無功德
Như thị Sa-môn vô công đức
Sa-môn như vậy chẳng công đức
鬪諍相殺心嫉妬
Đấu tránh tương sát tâm tật đố
Đấu tránh tương sát tâm tật đố
Hiềm khích gây gỗ đánh đổ nhau
諸善苾芻皆遠離
Chư thiện bạt sơ giai viễn li
Các thiện Tỳ-kheo nên tránh đó
五趣輪迴無有窮
Ngũ thú Luân-hồi vô hữu cùng
Luân hồi ngũ thú mãi không cùng.

心懷嫉妬常瞋恚
Hoài tật đố thường sân khuể
Tâm thường tật đố và cấu gắt
却行驅擯出伽藍
Khước hành khu bản xuất đà lam
Mắng nhiếc đui xua khỏi thiền môn
都無分別善惡事
Đô vô phân biệt thiện ác sự
Điều tốt điều xấu, không phân biệt
如是過失從瞋得
Như thị quá thất tông sân đắc
Lỗi lầm sanh ra từ sân hận
墮入惡趣大火坑
Đọa nhập ác thú Đại hỏa khanh
Sa vào đường ác hầm lửa lớn
不依教法獲斯苦
Bất y giáo Pháp hoạch tư khổ
Không nương giáo pháp, tự chuốc khổ
無令淪沒惡趣生
Vô lệnh luân một ác thú sanh
Để khỏi nổi trôi đường ác thú.
多劫俱胝方出世
Đa kiếp câu chi phương xuất thế
Vô số ức kiếp mới xuất hiện
速捨諸過求解脫
Tốc xả chư quá cầu giải thoát

Phước thay gặp Phật trong chốc lát Mau bỏ ác nghiệp, cầu giải thoát.

爾時世尊。說此頌已。告尊者護國言。

Nhĩ thời Thế Tôn thuyết thử tụng dĩ. cáo Tôn giả hộ quốc ngôn
Bấy giờ Thế Tôn nói tụng này rồi liền bảo Tôn giả Hộ Quốc rằng:

有四種法。於諸菩薩不應行。何等四法。

hữu tứ chủng Pháp. ư chư Bồ-tát bất ứng hành. hà đẳng tứ Pháp.

Có bốn pháp mà vị Bồ-tát không làm. Những gì là bốn?

一者惡友補特伽羅不應行。

nhất giả ác hữu bổ đặc dà la bất ứng hành.

Một là, không nên thân cận với bạn ác ngoại đạo.

二者有見補特伽羅不應行。三者捨一切善法補特伽羅不應行。

nhị giả hữu kiến bổ đặc dà la bất ứng hành. tam giả xả nhất thiết thiện Pháp bổ
đặc dà la bất ứng hành.

Hai là, không nên tiếp xúc với ngoại đạo tà giáo. Ba là, không nên hành theo
những pháp của ngoại đạo.

四者樂著財利補特伽羅不應行。

tứ giả lạc trú tài lợi bổ đặc dà la bất ứng hành

Bốn là, không nên tham thích những tài lợi của ngoại đạo.

如是四種補特伽羅不應行。復說頌曰。

như thị tứ chủng bồ đặc dà la bất ứng hành. phục thuyết tụng viết

Đó là bốn việc của thế gian không nên hành. Lại nói tụng rằng:

若人遠離諸惡友

Nhược nhân viễn li chư ác hữu

Nếu hay lìa xa bạn bè ác

如夜圓月現當空

Như dạ viên nguyệt hiện đương không

Như trăng sáng soi giữa trời đêm

凡有所見常不斷

Phàm hữu sở kiến thường bất đoạn

Phải nên trân quý kiến thức mình

如是毒氣能遠離

Như thị độc khí năng viễn li

Như vậy tà ác thường lìa xa

若捨最上微妙法

Nhược xả tối thượng vi diệu Pháp

Nếu mà xả bỏ vi diệu pháp

如是名為不淨器

Như thị danh vi bất tịnh khí

Như vậy chẳng phải là Pháp khí

貪求財利衣鉢等

Tham cầu tài lợi y bát đẳng

Tham cầu tài lợi và cơm áo

如是遠離此火坑

Như thị viễn li thử hỏa khanh

Nếu hay xa lìa hầm lửa ấy

常樂降伏諸魔怨

Thường lạc hàng phục chư ma oán

Thường vui hàng phục chư ma oán

如是廣作大利益

Như thị quảng tác đại lợi ích

Như vậy rộng làm bao ích lợi

親疎毀讚常平等

Thân sơ hũy án thường bình đẳng

Thân sơ, khen chê đều bình đẳng

常得善友來親近

Thường đắc thiện hữu lai thân cận

Thường được bạn lành đến thăm hỏi

除暗明顯菩提道

Trừ ám minh hiển Bồ-đề đạo

Sạch hết ngu mê, Bồ-đề tỏ

於己身命偏養育

Ư ký thân mạng Thiên dưỡng dục

Trưởng dưỡng tinh thần chẳng lãng xao

彼人成佛大智慧

Bỉ nhân thành Phật Đại trí tuệ

Người đó thành Phật trí huệ lớn

不樂寂靜甘露味

Bất lạc tịch tĩnh cam lộ vị

Không thích vắng lặng, tu tịnh Pháp

遠離求證大菩提

Viễn li cầu chứng Đại Bồ-đề

Bỏ mất Bồ-đề mong chứng ngộ

復與在家同營事

Phục dữ tại gia đồng doanh sự

Lại cùng buôn bán với thế gian

而能成就最上道

Nhi năng thành tựu tối thượng đạo

Mới mong thành tựu đạo vô thượng

恒轉法輪度群品

Hằng chuyển Pháp luân độ quần phẩm

Cùng đem giáo pháp độ quần sanh

常逢善友得菩提

Thường phùng thiện hữu đắc Bồ-đề

Thường gặp bạn lành, chứng giải thoát

利養嫉妬亦復然

Lợi dưỡng tật đố diệc phục nhiên

Lợi danh tật đố cũng không còn

如是無上諸佛智
Nhu thị vô thượng chư Phật trí
Vô thượng Bồ-đề trí huệ Phật

彼人不久悉成就
Bỉ nhân bất cửu tất thành tựu
Không còn bao lâu sẽ dự phần.

爾時世尊說此頌已。告尊者護國言。

nhĩ thời Thế Tôn thuyết thử tụng dĩ. cáo Tôn giả hộ quốc ngôn
Nói xong bài tụng này, Thế Tôn bảo Tôn giả Hộ Quốc rằng:

復有四種法。於諸菩薩為苦報法。何等四法。

phục hữu tứ chủng Pháp. u chư Bồ-tát vi khổ báo Pháp. hà đẳng tứ Pháp.
Lại có bốn pháp khiến cho vị Bồ-tát thường thọ khổ báo. Những gì là bốn?

一者輕慢教法。二者執著我人。三者心無信解。

Nhất giả khinh mạn giáo Pháp. Nhị giả chấp trú ngã nhân. Tam giả tâm vô tín
giải.

Một là khinh mạn giáo pháp. Hai là chấp trước ngã nhân. Ba là tâm không tin
hiểu Phật Pháp.

四者於不淨境具足印持。如是四法。

Tứ giả u bất tịnh cảnh cụ túc ấn trì. như thị tứ Pháp

Bốn là chấp chứa toàn chôn bắt tịnh. Ấy là bốn pháp thường

為菩薩苦報法。復說頌曰。

vi ồ Tát khổ báo Pháp. phục thuyết tụng viết
làm khổ báo cho Bồ-tát. Lại nói tụng rằng:

若有受持微妙法

Nhược hữu thọ trì vi diệu Pháp

Nếu hay thọ trì vi diệu pháp

於彼輕慢無大智

Ư bỉ khinh mạn vô Đại trí

Nếu lòng khinh mạn, không trí huệ

於佛本師及父母

Ư Phật Bản Sư cập phụ mẫu

Với Phật, Bản Sư, và cha mẹ

如是大福心不求

Nhu thị Đại phúc tâm bất cầu

Vậy là không biết cầu đại phước

三寶最上良福田

Tam Bảo tối thượng lương phúc điền

Tam Bảo vô thượng ruộng phước lành

純以虛誑味世間

Thuần dĩ hư cuồng muội thế gian

Bị lừa thế gian nhiều mê muội

女人即是惡趣門

Nữ nhân tức thị ác thú môn

Thân nữ ắt là vào ác thú

無智愚癡作彼業

Vô trí ngu si tác nghiệp

Ngủ si vô trí gây bao nghiệp

若人尊重向諸佛

Nhược nhân tôn trọng hướng chư Phật

Nếu ai tỏ lòng quy ngưỡng Phật

復閉一切惡趣門

Phục bế nhất thiết ác thú môn

Đóng bít hết thầy con đường ác

佛說護國尊者所問大乘經卷第一

Phật thuyết hộ quốc Tôn giả sở vấn Đại thừa Kinh quyển đệ nhất

Phật Thuyết Hộ Quốc Tôn Giả Sở Vấn Đại Thừa Kinh

堪受世間諸供養

Kham thọ thế gian chư cung dưỡng

Nhận lãnh thế gian vật cúng dường

當受無邊眾惡苦

Đương thọ vô biên chúng ác khổ

Thì chịu vô biên các điều khổ

常懷人我不恭敬

Thường hoài nhân ngã bất cung kính

Ôm lòng nhân ngã, chẳng cung kính

當得不淨無知處

Đương đắc bất tịnh vô tri xứ

Rơi vào bất tịnh, chôn ngu si

而無信解行歸敬

Nhi vô tín giải hành quy kính

Không lòng tin tưởng cùng quy kính

如是當獲罪惡苦

Nhu thị đương hoạch tội ác khổ

Nhu vậy chuốc lấy nhiều tội khổ

流浪生死無窮盡

Lưu lãng sanh tử vô cùng tận

Nổi trôi sanh tử không cùng tận

永沈地獄及畜趣

Vĩnh trầm Địa-ngục cập súc thú

Chìm trong Địa ngục và súc sanh

能滅眾苦得無畏

Năng diệt chúng khổ đắc vô úy

Khổ đau sạch hết chẳng còn lo

開引眾生得佛道

Khai dẫn chúng sanh đắc Phật đạo

Dẫn dắt chúng sanh thành Phật đạo.

Quyển Thứ Nhất.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>
Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiến Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 21:46:51 2006

=====

PHẬT THUYẾT HỘ QUỐC TÔN GIẢ SỞ VẤN KINH

Quyển Hai

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 321

Hán dịch: Thần Thí Hộ
Phiên âm & Lược dịch điện tử: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiến
Việt dịch: Thích Nữ Chơn Tịnh (12-2006)
Biên tập : Thích Phước Nghiêm



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 321 《佛說護國尊者所問大乘經》CBETA 電子佛典 V1.10 普及版

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No.
321 《Phật thuyết hộ quốc Tôn-Giả sở vấn Đại thừa Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.10 phổ cập bản

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No.
321 《Phật Thuyết Kinh Hộ Quốc Tôn Giả Hỏi Về Đại Thừa》CBETA điện tử Phật Điển V1.10 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 321 佛說護國尊者所問大乘經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10, Normalized Version
Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 321 Phật thuyết hộ quốc Tôn-Giả sở vấn Đại thừa Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10, Normalized Version
Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 321 Phật nói giúp đỡ nước Tôn Giả hỏi Đại thừa Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10, Normalized Version

=====

=====

=====

佛說護國尊者所問經卷第二

Phật thuyết Hộ quốc Tôn giả sở vấn Kinh quyền đệ nhị
Phật Thuyết Kinh Tôn giả Hộ Quốc Sở Vấn - Quyền thứ hai.

西天譯經三藏朝散大夫試鴻臚卿 傳法大師臣施護奉 詔譯

Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng Triều Tán Đại phu thí Hồng Lô khanh
Truyền Pháp Đại sư Thần Thí Hộ phụng chiếu dịch

Ngài Tam Tạng Triều Tán Đại Phu Thí Hộ Hồng Lô Khanh Truyền
Pháp Đại Sư Thần Thí Hộ người Thiên Trúc phụng chiếu dịch

爾時世尊。告尊者護國言。有四種法。

Nhĩ thời Thế tôn, cáo Tôn giả Hộ Quốc ngôn: hữu tứ chủng Pháp
Bây giờ đức Thế tôn bảo Tôn giả Hộ Quốc rằng: Có bốn loại pháp

於諸菩薩而為縛法。何等四法。一者輕慢他人。

ư chư Bồ-tát nhi vi phục Pháp. Hà đẳng tứ Pháp, nhất giả khinh mạn tha nhân.
là pháp trói buộc đối với các Bồ-tát. Thế nào là bốn pháp? Một là khinh khi
người khác.

二者於世間事方便趣求。

Nhĩ giả ư thế gian sự phương tiện thú cầu.
Hai là tìm cầu phương tiện đối với việc thế gian.

三者散亂用心如行嶮難。四者於其眷屬一心貪著。如是四法。

Tam giả tán loạn dụng tâm như hành hiểm nạn. Tứ giả ư kỳ quyến thuộc nhất tâm
tham trước. Như thị tứ Pháp .
Ba là dụng tâm tán loạn như đi vào đường hiểm. Bốn là có tâm tham đắm đối với
quyền thuộc. Như vậy bốn pháp,

為菩薩縛。復說頌曰。

Vì Bồ-tát phục, phục thuyết tụng viết.
là trói buộc Bồ-tát. Rồi Phật nói bài kệ rằng:

若行輕慢於他人

Nhuộc hành khinh mạn ư tha nhân
Đối với kẻ khác thường khinh khi

散亂如行嶮道中

Tán loạn như hành hiểm đạo trung,
Như vào đường hiểm tâm tán loạn

於自眷屬生愛著

Ư tự quyến thuộc sanh ái trú
Sanh lòng yêu mến với quyến thuộc

如是種種被纏縛

Như thị chủng chủng bị triền phược
Các thứ như vậy bị ràng buộc

若人怖苦厭生死

Nhuộc nhân bố khổ yếm sanh tử
Nếu người sợ hãi chán sanh tử

捨於輕慢世間等

Xả ư khinh mạn thế gian đẳng
Xả lia bốn pháp trói buộc trên

滅盡無邊諸苦已

Diệt tận vô biên chư khổ dĩ
Diệt trừ vô biên các khổ rồi

究竟安樂無所求

Cứu cánh an lạc vô sở cầu
Thì sẽ an vui thêm rất ráo

所行六種波羅蜜

Sở hạnh lục chủng Ba-la-mật
Thực hành sáu pháp Ba-la-mật

一切功德悉具足

Nhất thiết công đức tất cụ túc
Tất cả công đức đều đầy đủ

過去修行無量劫

Quá khứ tu hành vô lượng kiếp
Quá khứ đã tu vô lượng kiếp

一切眾善悉皆修

Nhất thiết chúng thiện tất giai tu
Tất cả pháp thiện đều khéo tu

恒樂深山寂靜處

Hằng lạc thâm sơn tịch tĩnh xứ
Thường ở núi sâu thích vắng lặng

如是精進不間修

Như thị tinh tấn bất gián tu
Như vậy tinh tấn không gián đoạn

見彼世間眾生行

Kiên bi thế gian chúng sanh hành
Thấy các chúng sanh đắm thế gian

我於過去發慈心

Ngã ư quá khứ phát từ tâm
Ta đời quá khứ phát từ tâm

國城大地及珍寶

Quốc thành đại địa cập trân bảo
Nhà cửa, đất nước, cả châu báu

我昔居山行忍辱

Ngã tích cư sơn hành nhẫn nhục
Ở trong núi sâu hành nhẫn nhục

方便唯求世間事

Phương tiện duy cầu thế gian sự
Hoặc tìm phương tiện ở thế gian

如象陷身深泥裏

Như tượng hãm thân thâm nê lý
Như thân voi to sa vũng bùn.

常懷貪戀如迷醉

Thường hoài tham luyến như mê túy
Nhớ thương tham đắm như say rượu

增長愚癡覆大智

Tăng trưởng ngu si phú Đại trí
Che lấp trí huệ càng ngu si.

求出沈淪趣解脫

Cầu xuất trầm luân thú giải thoát
Tìm đường giải thoát cầu xuất ly

是名菩薩所行道

Thị danh Bồ-tát sở hành đạo
Đó gọi là hành Bồ-tát đạo.

及彼煩惱諸眷屬

Cập bi phiền não chư quyến thuộc
Và bỏ phiền não các quyến thuộc

圓滿菩提寂靜道

Viên mãn Bồ-đề tịch tĩnh đạo
Bồ-đề viên mãn tâm vắng lặng.

三身五智十力等

Tam thân ngũ trí thập lực đẳng
Ba thân, năm trí cùng mười lực

如是永離無邊苦

Như thị vĩnh ly vô biên khổ
Như vậy xa lia vô biên khổ.

為眾生故求菩提

Vì chúng sanh cố cầu Bồ-đề
Nên cầu Bồ-đề vì chúng sanh

遠離諸惡眷屬等

Viễn li chư ác quyến thuộc đẳng
Xả lia các pháp hay trói buộc

遠離聲色想真空

Viễn li thanh sắc tưởng chân không
Rời bỏ thanh sắc nhớ chân không

獲大丈夫圓滿慧

Hoạch Đại trượng phu viên mãn tuệ
Trí huệ viên mãn Đại trượng phu.

五趣輪迴無有窮

Ngũ thú Luân hồi vô hữu cùng
Luân hồi năm loài không cùng tận.

捨自身命及妻子

Xả tự thân mạng cập thê tử
Xả bỏ thân mạng cùng vợ con

如是求佛無數劫

Như thị cầu Phật vô số kiếp
Trải qua nhiều kiếp cầu quả Phật

花菓池沼悉清淨

Hoa quả trì chiếu tất thanh tịnh
Suối nước rừng cây đều thanh tịnh.

歌利王來截手足

Ca lợi Vương lai tiết thủ túc
Vua Ca Lợi đến cắt tay chân

昔住深山名闍摩

Tích trụ thâm sơn danh đồ ma
Xưa ở núi sâu tên Đồ-ma

時有天子射我身

Thời hữu Thiên tử xạ ngã thân
Bấy giờ Thiên tử bắn trúng ta

不惜身命如頑石

Bất tích thân mạng như ngoan thạch
Không tiếc thân mạng như đá vừng

我昔曾為薩埵時

Ngã tích tăng vi tát đoà thời
Xưa kia ta làm vị Bồ-tát

投崖捨命濟彼飢

Đầu nhai xả mạng tế bi cơ
Liên xả bỏ thân cứu cạp đói

常樂布施救眾生

Thường lạc bố thí cứu chúng sanh
Thường ưa bố thí cứu chúng sanh

我昔曾為摩曩縛

Ngã tích tăng vi ma năng phục
Xưa ta từng làm Ma-năng-phục

捨大摩尼令富他

Xả Đại ma-ni lệnh phú tha
Cùng báu ma-ni khiến người giàu

往昔作大蘇摩王

Vãng tích tác Đại tô ma Vương
Xưa ta làm vua Đại Tô-ma

爾時入縛為他人

Nhĩ thời nhập phục vi tha nhân
Bấy giờ vào nơi bị trói buộc

我昔曾為能捨王

Ngã tích tăng vi năng xả Vương
Xưa ta làm vua ưa bố thí

乃至身命及珍財

Nãi chí thân mạng cập trân tài
Cho đến thân mạng cùng châu báu

昔有飛鵠來投我

Tích hữu phi cấp lai đầu ngã
Xưa có chim câu bay vào ta

如是持刀割肉時

Như thị trì đao cắt nhục thời
Lúc cầm dao cắt vào thân thể

亦於過去捨王位

Diệc ư quá khứ xả Vương vị
Đời quá khứ ta bỏ ngôi vua

復自化為妙藥

Phục tự hóa thân vi diệu dược
Tự hoá thân mạng làm thuốc hay

又昔曾為師子王

Hựu tích tăng vi Sư tử Vương
Xưa ta từng làm vua Sư tử

心生慈忍無瞋恚

Tâm sanh từ nhẫn vô sân nhuế
Tâm sanh từ bi không sân giận.

我為仙人婆囉多

Ngã vi Tiên nhân bà la đa
Ta làm tiên nhơn Bà-la-đa

亦無瞋恨生其惡

Diệc vô sân hận sanh kỳ ác
Cũng không sanh khởi tâm sân giận

志求菩提心不退

Chí cầu Bồ-đề tâm bất thoái
Chí cầu Bồ-đề không thoái lui.

見彼餓虎欲食子

kiến bỉ ngạ hổ dục thực tử
Thấy cạp vì đói muốn ăn con

天人稱讚大精進

Thiên Nhơn xưng tán Đại tinh tấn
Trời người đều khen đại tinh tấn.

不捨身命及財寶

bất捨 thân mạng cập tài bảo
Không tiếc thân mạng và tiền của.

廣行布施盡寶海

quảng hành bố thí tận bảo hải
Rộng hành bố thí khắp biển cả

如是求證菩提果

như thị cầu chứng Bồ-đề quả
Như vậy cầu chứng quả Bồ-đề.

名稱普聞我修行

Danh xưng phổ văn ngã tu hành
Tu hành danh tiếng vang khắp cõi

於彼百王得解脫

Ư bỉ bách Vương đắc giải thoát
Cứu thoát tất cả hết mọi người.

一切所求皆充足

Nhất thiết sở cầu giai sung túc
Ai đến cầu xin đều như ý

令他大富離貧苦

Lệnh tha Đại phú ly bần khổ
Khiến cho người nghèo được sang giàu.

即割身肉濟彼命

Tức cắt thân nhục tế bi mạng
Ta liền cắt thịt cho chim ăn

無驚無怖心安隱

Vô kinh vô phở tâm an ổn
Tâm không sợ hãi mà an vui.

盡世行彼波羅蜜

Tận thế hành bi Ba-la-mật
Suốt đời thực hành Ba-la-mật

捨己身命濟群品

Xả kỷ thân mạng tế quần phẩm
Xả thân cứu giúp các chúng sanh.

常為世間行利樂

Thường vi thế gian hành lợi lạc
Thường làm lợi lạc cho thế gian

棄捨王位及眷屬

Khí xà Vương vị cập quyền thuộc
Xả bỏ ngôi vua cùng quyền thuộc

又昔曾為妙牙王

Hựu tích tăng vi diệu nha Vương
Xưa ta từng làm vua Diệu Nha

八十四年修苦行

Bát thập tứ niên tu khổ hạnh
Tám mươi bốn năm tu khổ hạnh

於佛塔前燃己身

Ư Phật tháp tiền nhiên kỷ thân
Ở trước tháp Phật thiêu đốt thân

又昔曾為無垢王

Hựu tích tăng vi vô cấu Vương
Xưa ta từng làm vua Vô Cấu

來詣深宮乞我頭

Lai nghê thâm cung khất ngã đầu
Đi đến cung vua xin đầu ta

又昔曾為月光王

Hựu tích tăng vi nguyệt quang vương
Xưa ta từng làm vua Nguyệt Quang

一切城隍聚落中

Nhất thiết thành hoàng tụ lạc trung
Bổ thí thuốc thang cho mọi người

千女端嚴妙色相

Thiên nữ đoan nghiêm diệu sắc tướng
Có ngàn cung nữ đẹp đoan chánh

捨彼千女自修行

Xả bi thiên nữ tự tu hành
Ta xả bỏ hết để tu trì

又昔曾為輸婆王

Hựu tích tăng vi du bà Vương
Xưa ta từng làm vua Dụ Bà

香花眾寶共莊嚴

Hương hoa chúng bảo cộng trang nghiêm
Trang sức các báu cùng hương hoa

又昔曾為寶髻王

Hựu tích tăng vi bảo kê Vương
Xưa ta từng làm vua Bảo Kê

細滑微妙色如蓮

Tê hoạt vi diệu sắc như liên
Sắc thân trơn mịn như hoa sen

又昔曾為安意王

Hựu tích tăng vi an ý Vương
Xưa ta từng làm vua An Ý

領諸商客泛海中

Linh chủ thương khách phiếm hải trung
Dẫn các khách buôn đi trên biển

彼有百千夜叉女

Bi hữu bách thiên dạ xoa nữ
Với cả trăm ngàn nữ Dạ-xoa

商客不識夜叉女

Thương khách bất thức dạ xoa nữ
Khách buôn không biết là Dạ-xoa

一心志求無上道

Nhất tâm chí cầu vô thượng đạo
Quyết chí mong cầu đạo vô thượng.

當時獲壽於千歲

Đương thời hoạch thọ ư thiên tuế
Bấy giờ tuổi thọ đến ngàn năm

發大精進施珍財

Phát Đại tinh tấn thí trân tài
Phát đại tinh tấn bố thí của

志心恭敬作供養

Chí tâm cung kính tác cung dưỡng
Chí tâm cung kính mà cúng dường.

時有惡眼婆羅門

Thời hữu ác nhãn Bà-la-môn
Bấy giờ Ác nhãn bà-la-môn

即便捨頭而施與

Tức tiện xả đầu nhi thí dĩ
Ta bèn đem đầu bố thí cho.

普救眾生作善利

Phổ cứu chúng sanh tác thiện lợi
Cứu vớt chúng sanh ban lợi lạc

四衢道路施良藥

Tứ cù đạo lộ thí lương dược
Cung cấp lương thực khắp mọi ngõ

金寶真珠廣莊嚴

Kim bảo chân châu quảng trang nghiêm
Vàng bạc châu báu thầy trang nghiêm

如是所作福無等

Như thị sở tác phúc vô đẳng
Như vậy gieo phước không ai bằng.

所戴寶冠世希有

Sở đại bảo quan thế hi hữu
Đầu đội mũ báu thật hiếm có

捨施他人無所悋

Xả thí tha nhân vô sở khố
Ta bố thí hết không luyến tiếc.

手足柔軟如兜羅

Thủ túc nhu nhuyễn như đầu la
Tay chân mềm mại như bông tơ

捨自手足利眾生

Xả tự thủ túc lợi chúng sanh
Vì lợi chúng sanh bỏ tay chân.

時有商主名星賀

Thời hữu thương chủ danh tinh hạ
Bấy giờ thương chủ tên Tinh Hạ

忽然漂墮羅刹國

Hốt nhiên phiêu đọa La sát quốc
Bỗng nhiên rơi vào nước La-sát

無慚大惡唯食人

Vô tâm đại ác duy thực nhân
Có tâm ác độc ăn thịt người

見此端正生愛心

Kiến thử đoan chánh sanh ái tâm
Thấy họ xinh đẹp sanh tâm ái

五百商旅將被食

Ngũ bách thương lữ tướng bị thực
Năm trăm khách buôn bị ăn thịt

又昔曾為妙眼王

Hựu tích tăng vi diệu nhãn Vương
Xưa ta từng làm vua Diệu Nhãn

端正殊妙如天女

Đoan chánh thù diệu như Thiên nữ
Có vợ xinh đẹp như tiên nữ

又昔曾為福光王

Hựu tích tăng vi phúc quang Vương
Xưa ta từng làm vua Phước Quang

手指纖長世所希

Thủ chi tiêm trường thế sở hy
Ngón tay nhỏ dài thật hiếm thấy

又昔曾為財財王

Hựu tích tăng vi Pháp tài Vương
Xưa ta từng làm vua Pháp Tài

於身所愛最難捨

Ư thân sở ái tối nan xả
Những gì thân yêu đều xả bỏ

又昔曾為蓮目王

Hựu tích tăng vi liên mục Vương
Xưa ta từng làm vua Liên Mục

時有女人懷憂病

Thời hữu nữ nhân hoài ưu bệnh
Có các nữ nhân bệnh ưu phiền

又昔曾為大醫王

Hựu tích tăng vi Đại y Vương
Xưa ta từng làm vị thầy thuốc

或出身血及髓腦

Hoặc xuất thân huyết cập tủy não
Hoặc chích lấy máu hay tủy não

如是勇猛精進心

Như thị dũng mãnh tinh tấn tâm
Tinh tấn dũng mãnh tâm như vậy

又昔曾為成利王

Hựu tích tăng vi thành lợi Vương
Xưa ta từng làm vua Thành Lợi

施諸眾生療彼疾

Thí chư chúng sanh liệu bi tật
Ban cho chúng sanh để trị bệnh

又昔為王名普現

Hựu tích vi Vương danh phổ hiện
Xưa ta từng làm vua Phổ Hiện

爾時捨彼四大洲

Nhĩ thời xả bi tứ Đại châu
Bấy giờ bỏ hết cả đất đai

乃至割身血肉等

Nãi chí cắt thân huyết nhục đẳng
Cho đến cắt thân chích máu tủy

又為王女稱大智

Hựu vi Vương nữ xưng Đại trí
Xưa làm con gái vua Đại Trí

我親救度俱脫難

Ngã thân cứu độ câu thoát nan
Ta liền cứu độ khiến thoát nạn

四兆女人常圍繞

Tứ triệu nữ nhân thường vây quanh
Có muôn gái đẹp thường vây quanh

捨彼出家求佛道

Xả bi xuất gia cầu Phật đạo
Xả bỏ xuất gia cầu Phật đạo.

無垢清淨黃金色

Vô cấu thanh tịnh hoàng kim sắc
Có thân sắc vàng không cấu ố

捨此手指利群品

Xả thủ thủ chi lợi quần phẩm
Ta xả bỏ hết cứu quần sanh.

紺目清淨如青蓮

Cám mục thanh tịnh như thanh liên
Có mắt trong sáng như hoa sen

人來求者亦與之

Nhân lai cầu giả diệc dĩ chi
Ai đến cầu xin ta đều cho.

愍見眾生在苦惱

Mẫn kiến chúng sanh tại khổ não
Thương xót chúng sanh bị khổ não

我行悲愍令解脫

Ngã hành bi mẫn lệnh giải thoát
Ta ban từ bi khiến được vui.

常救病苦諸眾生

Thường cứu bệnh khổ chư chúng sanh
Thường cứu bệnh khổ cho chúng sanh

救療疾病令除愈

Cứu liệu tật bệnh lệnh trừ dữ
Để cứu tật bệnh khiến được lành

未曾暫捨於情物

Vị tăng tạm xả ư tình vật
Chưa từng rời bỏ các chúng sanh.

以自所愛如蓮目

Dĩ tự sở ái như liên mục
Đem hết những vật yêu quý nhất

一心為求無上道

Nhất tâm vi cầu vô thượng đạo
Nhất tâm cần cầu đạo vô thượng.

慈愍有情行救度

Từ mẫn hữu tình hành cứu độ
Thương xót chúng sanh nên bố thí

國土人民及眾寶

Quốc thổ nhân dân cập chúng bảo
Cõi nước nhân dân cùng tài vật

施與眾生心歡喜

Thí dĩ chúng sanh tâm hoan hỷ
Bố thí chúng sanh tâm hoan hỷ

身嚴金色體柔軟

Thân nghiêm kim sắc thể nhu nhuyễn
Thân thể mềm mại tướng xinh đẹp

時有一女名色相

Thời hữu nhất nữ danh sắc tướng
Có một người nữ tên Sắc Tướng

飢羸困苦無飲食

Cơ luy khốn khổ vô ẩm thực
Đói rách khốn khổ không cơm nước

又昔為王號多聞

Hựu tích vì Vương hiệu đa văn
Xưa ta từng làm vua Đa Văn

象馬車乘財帛等

Tượng mã xa thừa tài bạch đẳng
Voi ngựa xe cộ cùng vải vóc

復見商人漂海浪

Phục kiến thương nhân phiêu hải lãng
Lại thấy khách buôn trôi trên biển

背恩復乞我眼睛

Bối ân phục khất ngã nhãn tình
Rồi họ lại xin ta đôi mắt

棄捨大地諸眷屬

Khí xả Đại địa chư quyến thuộc
Bỏ hết tất cả các quyến thuộc

如是往昔濟群生

Như thị vãng tích tế quần sanh
Đời trước cứu độ các chúng sanh

復覩孤老貧窮人

Phục đồ cô lão bần cùng nhân
Gặp người già cả kẻ bần cùng

恒行敬愛無慢心

Hằng hành kính ái vô mạn tâm
Chẳng sanh kiêu mạn luôn cung kính

又昔曾作猿猴身

Hựu tích tăng tác viên hầu thân
Xưa ta từng làm thân vượn khi

時遇獵師縛彼身

Thời ngộ liệp sư phục bị thân
Liên gặp thợ săn bắt trói thân

如是以我奉國王

Như thị dĩ ngã phụng Quốc Vương
Rồi ta bị bắt đem dâng vua

思念父母年孤老

Tư niệm phụ mẫu niên cô lão
Ta nhớ cha mẹ tuổi tác cao

如是忍苦懷慈孝

Như thị nhẫn khổ hoài từ hiếu
Chịu đói để lòng nhớ mẹ cha

又昔曾作大熊身

Hựu tích tăng tác Đại hùng thân
Xưa ta từng làm thân gấu lớn

忽逢樵士遭大雨

Hốt phùng tiều sĩ tao Đại vũ
Gặp người đốn củi bị mắc mưa

過是七日至天晴

Quá thị thất nhật chí Thiên tình
Qua đến bảy ngày thì trời tạnh

此是商人所生女

Thử thị thương nhân sở sanh nữ
Đây là con của thương nhân sinh

我捨雙乳濟彼命

Ngã xả song nhũ tế bị mạng
Ta xả bỏ thân cứu mạng kia.

所有珍寶妙衣服

sở hữu trân bảo diệu y phục
Có nhiều châu báu cùng y phục

如是布施無有數

Như thị bố thí vô hữu số
Đem ra bố thí nhiều vô số

我於海內救得彼

Ngã ư hải nội cứu đắc bị
Ta liền vào biển cứu thoát họ

我亦施之無瞋恚

Ngã diệc thí chi vô sân khuể
Ta cũng ban cho không sân giận

觀彼不著如蟻子

Quán bị bất trú như nghê tử
Quán chiếu không đắm như loài kiến.

心無退動生疲苦

Tâm vô thối động sanh bì khổ
Mà tâm chưa từng sanh mỏi mệt

給足所須而承事

Cấp túc sở tu nhi thừa sự
Giúp đỡ cho họ an ủi họ

亦無慚赧無人我

Diệc vô tâm noãn vô nhân ngã
Cũng không xấu hổ không nhơn ngã.

與彼同類共遊行

Dữ bị đồng loại cộng du hành
Cùng với đồng loại đi du hành

我即替他令脫命

Ngã tức thế tha lệnh thoát mạng
Ta liền thế mạng để họ thoát

王令後宮糜繫我

Vương lệnh hậu cung mi hệ ngã
Vua sai quần thần trói chặt ta

所有飲饌無心食

Sở hữu ẩm soạn vô tâm thực
Tất thấy đồ ăn đều từ chối

是故得脫王宮難

Thị cố đắc thoát Vương cung nan
Cho nên được thoát khỏi cung vua.

常處深山行慈忍

Thường xử thâm sơn hành từ nhẫn
Thường ở núi sâu hành từ bi

引彼山巖令迴避

Dẫn bị sơn nham lệnh hồi tị
Dẫn họ ra núi tránh hiểm nạn

告彼樵人莫說我

Cáo bị tiều nhân mạc thuyết ngã
Dặn người đốn củi chớ lộ tin

爾時樵士安隱歸

Nhĩ thời tiều sĩ an ổn quy
Lúc người đốn củi được an ổn

如是背恩殺我身

Như thị bối ân sát ngã thân
Người phụ ân ta đến như vậy

又昔曾為白象王

Hựu tích tăng vi bạch Tượng Vương
Xưa ta từng làm chúa loài voi

時有獵師射我身

Thời hữu liệp sư xạ ngã thân
Có người thợ săn bắn trúng ta

昔有惡人帝哩子

Tích hữu ác nhân đề lý tử
Xưa có người ác Đề-ly-tử

我見此火蓮慈心

Ngã kiến thử hỏa liên từ tâm
Ta thấy lửa cháy khởi từ tâm

又昔曾為大鹿王

Hựu tích tăng vi Đại lộc Vương
Xưa ta từng làm vua loài nai

入彼河中救溺人

Nhập bỉ hà trung cứu溺 nhân
Cứu người chết đuối tận sông sâu

告言勿說我居山

Cáo ngôn vật thuyết ngã cư sơn
Dặn chớ nói ta ở núi sâu

時彼溺人背其恩

Thời bỉ溺 nhân bối kỳ ân
Người kia được cứu liền quên ân

指已兩手俱墮地

Chỉ dĩ lưỡng thủ câu đọa địa
Liên bắt được ta trong giây lát

昔有五百商人眾

Tích hữu ngũ bách thương nhân chúng
Xưa có năm trăm người lái buôn

商主所有資糧竭

Thương chủ sở hữu tư lương kiệt
Lương thực đem theo đã khô cạn

是時我作大龜王

Thị thời ngã tác Đại quy Vương
Bấy giờ ta làm chúa rùa lớn

以我慈心利他故

Dĩ ngã từ tâm lợi tha cố
Ban phát tâm từ cùng lợi tha

我昔變身為藥蟲

Ngã tích biến thân vi dược trùng
Xưa ta hóa thân làm sâu thuốc

一切疾病食我身

Nhất thiết tật bệnh thực ngã thân
Tất cả tật bệnh ăn thân ta

我昔復為師子王

Ngã tích phục vi Sư tử Vương
Xưa ta từng làm vua Sư tử

招引獵師來殺害

Chiêu dẫn liệp sư lai sát hại
Liên dẫn thợ săn đến giết ta

亦無瞋恨生慈忍

Diệc vô sân hận sanh từ nhẫn
Cũng không sân hận mà nhẫn nhục.

求佛菩提行十善

Cầu Phật Bồ-đề hành Thập thiện
Thực hành thập thiện cầu Bồ-đề

我即捨牙心歡喜

Ngã tức xả nha tâm hoan hỉ
Ta liền cho ngà khiến họ vui

以火焚燒大山野

Dĩ hỏa phần thiêu Đại sơn dã
Dùng lửa thiêu đốt cả núi lớn

天雨香花火自滅

Thiên vũ hương hoa hỏa tự diệt
Trời rưới mưa hoa khiến lửa tắt.

金寶莊嚴體殊妙

Kim bảo trang nghiêm thể thù diệu
Vàng báu trang nghiêm thân xinh đẹp

令得安隱全身命

Lệnh đắc an ổn toàn thân mạng
Khiến họ an ổn toàn thân mạng

恐彼惡人來獵我

Khủng bỉ ác nhân lai liệp ngã
Sợ người xấu ác đến bắt ta

指告國王令採捕

Chỉ cáo Quốc Vương lệnh thái bộ
Đến tận cùng vua rồi giăng lưới

我時無有少瞋恚

Ngã thời vô hữu thiểu sân khüế
Ta chẳng oán trách chẳng sân hận.

為求珍寶泛海中

Vi cầu trân bảo phiếm hải trung
Vi tìm châu báu nên ra biển

商眾飢羸無飲食

Thương chúng cơ luy vô ẩm thực
Tất cả không có đồ ăn uống

捨身濟彼商人命

Xả thân tế bỉ thương nhân mạng
Xả thân cứu mạng những người buôn

俱得安然到海岸

Câu đắc an nhiên đáo hải ngạn
Khiến họ được thoát đến bờ kia.

此蟲名曰俱蘇摩

Thử trùng danh viết câu tô ma
Sâu ấy tên là Câu-tô-ma

俱獲安隱無諸患

Câu hoạch an ổn vô chư hoạn
Đều được an ổn không tai hại

大力無畏行慈愍

Đại lực vô úy hành từ mẫn
Sức mạnh phi phạm nhưng từ bi

有大獵師射我身

Hữu Đại liệp sư xạ ngã thân
Có người thợ săn bắn thân ta

我昔亦作白馬王

Ngã tích diệp tác bạch mã Vương
Xưa ta từng làm vua loài ngựa

救彼商人羅刹難

Cứu bi thương nhân La sát nan
Cứu người buôn khỏi nạn la-sát

昔作飛鳥軍拏羅

Tích tác phi điều quân noa la
Xưa ta từng làm thân loài chim

令彼同類眾飛禽

Lệnh bi đồng loại chúng phi cầm
Khiến cho đôi tượng lìa tham đắm

又昔因中作兔王

Hựu tích nhân trung tác thỏ Vương
Xưa ta từng làm vua loài thỏ

見一仙人飢無食

Kiến nhất Tiên nhân cơ vô thực
Gặp vị tiên nhon bị đói khát

又昔曾作鸚鵡身

Hựu tích tăng tác anh vũ thân
Xưa ta từng làm chim Anh vũ

時有惡人毀此林

Thời hữu ác nhân hủy thử lâm
Có người ác đến phá hoại rừng

又昔復作獼猴王

Hựu tích phục tác Di-hầu Vương
Xưa ta từng làm Mi Hầu Vương

時有國王來採捕

thời hữu Quốc Vương lai thái bộ
Bấy giờ có vua đến bắt trói

又昔復為鸚鵡身

Hựu tích phục vi anh vũ thân
Xưa từng làm thân chim Anh vũ

我於田中銜稻穀

Ngã ư điền trung hàm đạo cốc
Ta thường bay đi khắp đồng ruộng

於是田主懷瞋怒

Ư thị điền chủ hoài sân nộ
Chủ ruộng thấy ta nổi sân giận

云何偷於我稻穀

Vân hà thâu ư ngã đạo cốc
Tại sao người đến phá lúa ta

鸚鵡告彼田主言

Anh vũ cáo bi điền chủ ngôn
Anh vũ nói với chủ ruộng rằng

我持少分供二親

Ngã trì thiểu phân cung nhị thân
Ta lấy một ít nuôi song thân

爾時田主聞是語

Nhĩ thời điền chủ văn thị ngữ
Bấy giờ chủ ruộng nghe chim nói

亦無瞋恨無忿怒

Diệc vô sân hận vô phẫn nộ
Ta không sân giận không phẫn nộ.

常行菩薩慈悲行

Thường hành Bồ-tát từ bi hành
Thường hành từ bi như Bồ-tát

擔負眾人出海中

Đam phụ chúng nhân xuất hải trung
Chở người vượt thoát khỏi biển sâu.

遠離色欲無散亂

Viễn li sắc dục vô tán loạn
Xa lìa sắc dục không tán loạn

亦復而行清淨行

Diệc phục nhi hành thanh tịnh hành
Thực hành thanh tịnh không tham dục.

與諸群兔宣法行

Dữ chư quần thỏ tuyên Pháp hành
Dẫn dắt đồng loại cùng tu pháp

即捨自身濟彼命

Tức xả tự thân tế bi mạng
Ta liền xả thân cứu sống lại.

常居花菓樹林中

Thường cư hoa quả thụ lâm trung
Thường ở rừng sâu cùng cây cỏ

以我力故復繁盛

Dĩ ngã lực cố phục phồn thịnh
Nhờ ta cứu giúp rừng lại xanh.

與眾獼猴而遊行

Dữ chúng Di-hầu nhi du hành
Thường cùng đồng loại đi du hành

我救彼難現王前

Ngã cứu bi nan hiện Vương tiền
Ta vì cứu nạn hiện trước vua.

父母俱老無力飛

Phụ mẫu câu lão vô lực phi
Cha mẹ đều già sức đã kiệt

養育二親行孝敬

Dưỡng dục nhị thân hành hiếu kính
Hiếu kính tìm lúa nuôi song thân

捉彼鸚鵡而訶責

Tróc bi anh vũ nhi ha trách
Bắt trói thân ta quở mắng rằng

此時須見汝捨命

Thử thời tu kiến nhữ xả mạng
Bấy giờ ta bắt người đền mạng.

汝所種田濟一切

Nhữ sở chủng điền tế nhất thiết
Trước kia ông nguyện bố thí khắp

汝何言我為偷盜

Nhữ hà ngôn ngã vi thâu đạo
Sao ông nói ta là kẻ trộm?

倍與稻穀生歡喜

Bội dữ đạo cốc sanh hoan hỷ
Liền sanh hoan hỷ mà cho lúa

我作禽類汝為人

Ngã tác cầm loại nhữ vi nhân
Ta làm cầm thú ông là người

往昔所行菩薩行

Vãng tích sở hạnh Bồ-tát hành
Xưa ta tu theo Bồ-tát hạnh

求趣佛果大菩提

Cầu thú Phật quả Đại Bồ-đề vị
Cần cầu quả Phật đại Bồ-đề

如是捨施內外財

Như thị xả thí nội ngoại tài
Như vậy bố thí hết tài vật

頭目髓腦及身命

Đầu mục tủy não cập thân mạng
Đầu mắt tủy não và thân mạng

智慧方便願力等

Trí tuệ phương tiện nguyện lực đẳng
Trí huệ phương tiện và nguyện lực

未曾暫廢菩薩行

Vị tăng tạm phế Bồ-tát hành
Chưa từng bỏ phế Bồ-tát hạnh

如佛所說頭陀行

Như Phật sở thuyết Đầu-đà hành
Như lời Phật dạy hạnh Đầu-đà

如是一一盡修習

Như thị nhất nhất tận tu tập
Như vậy mà tu các thiện pháp

於後末世諸眾生

Ư hậu mạt thế chư chúng sanh
Tất cả chúng sanh đời mạt pháp

常生我慢懈怠心

Thường sanh ngã mạn giải đãi tâm
Thường sanh ngã mạn tâm biếng nhác

聞此大行勝妙因

Văn thử Đại hành thắng diệu nhân
Nghe đến pháp môn quá thắng diệu

輕笑言教告諸人

Khinh tiếu ngôn giáo cáo chư nhân
Chê cười mà nói với mọi người

我聞過去有一人

Ngã văn quá khứ hữu nhất nhân
Tôi biết quá khứ có một người

聞佛所說不信受

văn Phật sở thuyết bất tín thọ
Nghe lời Phật dạy chẳng chịu tin

彼師耆年亦多聞

Bỉ sư kỳ niên diệc đa văn
Vị thầy tuổi nhiều cũng học rộng

展轉如是告他人

Triển chuyển như thị cáo tha nhân
Dần dần truyền sang đến mọi người

此法非為真實教

Thử Pháp phi vi chân thật giáo
Pháp này chẳng phải pháp chân thật

如是孝養未曾有

Như thị hiếu dưỡng vị tăng hữu
Mà lòng hiếu thuận chưa hề có

經歷無數微塵劫

Kinh lịch vô số vi trần kiếp
Trải qua số kiếp như vi trần

未有少時生疲倦

Hữu thiếu thời sanh bì quyện
Chưa có lúc nào sanh mỗi mệt.

國城妻子及珠珍

Quốc thành thê tử cập châu trân
Đất nước vợ con cùng châu báu

持戒忍辱精進禪

Trì giới nhẫn nhục tinh tấn Thiền
Tinh tấn, trì giới, thiền, nhẫn nhục

如是諸度廣修習

Như thị chư độ quảng tu tập
Như vậy rộng tu tập các độ

一切眾善悉無遺

Nhất thiết chúng thiện tất vô di
Tu tập tất cả các điều thiện

彼行亦為趣佛因

Bỉ hành diệc vi thú Phật nhân
Hạnh kia cũng đi đến quả Phật

精進而行無缺犯

Tinh tấn nhi hành vô khuyết phạm
Tinh tấn chưa hề có sai phạm

雖作苾芻無僧行

Tuy tác bỉ sơ vô tăng hành
Tuy làm Tỳ-kheo chẳng tu tập

貪著聲色及財利

Tham trước thanh sắc cập tài lợi
Tham đắm tài sắc và danh lợi

返生誹謗不信受

Phản sanh phi báng bất tín thọ
Liên sanh phi báng tâm chẳng tin

此之所說非佛教

Thử chi sở thuyết phi Phật giáo
Phật giáo pháp môn này chẳng phải.

多聞學識立名海

Đa văn học thức lập danh hải
Học nhiều biết rộng tiếng đồn xa

以此法言問本師

Dĩ thử Pháp ngôn vấn Bản Sư
Rồi đem Pháp này hỏi thầy mình

於此佛言亦不信

Ư thử Phật ngôn diệc bất tín
Đối với lời Phật cũng chẳng tin

無我無人無眾生

Vô ngã vô nhân vô chúng sanh
Không ngã, không nhân, không chúng sanh

虛受勤勞求出離

Hư thọ cần lao cầu xuất ly
Lao nhọc cầu đạo là hư vọng.

設爾持戒學威儀

Thiêt nhĩ trì giới học uy nghi
Giả sử trì giới học oai nghi

既無眾生無我人

Ký vô chúng sanh vô ngã nhân
Đã không chúng sanh không nhân ngã

此是邪見外道言

Thủ thị tà kiến ngoại đạo ngôn
Nhu vậy lời tà kiến ngoại đạo

復次末世諸苾芻

Phục thứ mạt thế chư bát sô
Lại nữa A-tỳ-kheo thời Mạt pháp

我慢貢高心散亂

Ngã mạn cống cao tâm tán loạn
Cống cao ngã mạn tâm tán loạn

三衣不整垂手行

Tam y bất chỉnh thùy thủ hành
Áo mặc đi đường chẳng tề chỉnh

縱情放逸而飲酒

Túng tình phóng dật nhi ẩm tửu
Buông lung tán loạn mà uống rượu

身被法服為佛使

Thân bị Pháp phục vi Phật sứ
Thân đắp Cà-sa làm con Phật

馳騁書信往四方

Trì sinh thư tín vãng tứ phương
Thư từ rong ruổi gửi khắp nơi

退失如來功德林

Thối thất Như Lai công đức lâm
Bỏ mất công đức quả vị Phật

或有經營於市肆

Hoặc hữu kinh doanh ư thị tứ
Hoặc là kinh doanh nơi chợ búa

佛言此類非沙門

Phật ngôn thử loại phi Sa-môn
Phật dạy hạng này chẳng Sa-môn

常住供養財物等

Thường trụ cung dưỡng tài vật đẳng
Tài vật cúng dường của Thường trụ

見有具德諸苾芻

Kiến hữu cụ đức chư bát sô
Khi thấy Tỳ-kheo có đức hạnh

罔味賢善破律儀

Võng muội hiền thiện phá luật nghi
Chê bai người hiền, phá giới luật

畜養妻男種種為

Súc dưỡng thê nam chủng chủng vi
Nuôi dưỡng vợ con hoặc nam nữ

如是廣造惡業因

Nhu thị quảng tạo ác nghiệp nhân
Nhu vậy rộng tạo nghiệp nhân xấu

當墮三塗惡趣中

Đương đọa tam đồ ác thú trung
Chết rồi đọa vào ba đường ác

如是修習何所為

Nhu thị tu tập hà sở vi
Tu tập như vậy để làm gì

父母宗親亦不有

Phụ mẫu tông thân diệc bất hữu
Mẹ cha quyến thuộc cũng là không

非是真實解脫法

Phi thị chân thật giải thoát Pháp
Chẳng phải pháp chân thật giải thoát.

而造諸過無慚愧

Nhi tạo chư quá vô tầm quý
Tạo các lỗi lầm không hổ thẹn

憎嫉貪愛如火燒

Tăng tật tham ái như hỏa thiêu
Tham lam ganh ghét như lửa cháy

拖拽袈裟入聚落

Tha duệ ca sa nhập tụ lạc
Luộm thuộm áo y vào thôn xóm

種種而行麤惡行

Chủng chủng nhi hành thô ác hành
Hành động thô tháo và xấu ác

不依戒律近王侯

Bất y giới luật cận Vương hầu
Không y giới luật, cầu tài lộc

侍官勢力求財利

Thị quan thế lực cầu tài lợi
Dựa thế quan quyền cầu tài lợi

墮彼三塗諸惡趣

Đọa bỉ tam đồ chư ác thú
Để thân rơi vào ba đường ác

或有耕種住村坊

Hoặc hữu canh chủng trụ thôn phường
Hoặc cày ruộng đất ở thôn làng

清淨苾芻勿同事

Thanh tịnh bí-sô vật đồng sự
Tỳ-kheo thanh tịnh chớ ở chung

如己所有非法用

Nhu kỷ sở hữu phi Pháp dụng
Đem dùng phi pháp như của mình

而起慢心行誹謗

Nhi khởi mạn tâm hành phi báng
Sanh tâm khinh rẽ mà phi báng

密於俗舍染邪行

Mật ư tục xá nhiễm tà hành
Thực hành tà pháp nhiễm thế tục

恣行麤惡俗無異

Tứ hành thô ác tục vô dị
Thô ác phóng túng như người tục

非是沙門出家行

Phi thị Sa-môn xuất gia hành
Chẳng phải xuất gia hạnh Sa-môn

永劫沈淪受眾苦

Vĩnh kiếp trầm luân thọ chúng khổ
Muôn kiếp chìm đắm chịu các khổ

於自諸根不調伏

Ư tự chu căn bất điều phục
Đối với các căn chẳng điều phục

當被他人輕賤

Đương bị tha nhân sanh khinh tiện
Sẽ bị người khác sanh khinh rẻ

未曾誨示修行法

Vị tăng hồi thi tu hành Pháp
Chưa từng chỉ bày phương pháp tu

人前談已為慈悲

Nhân tiền đàm kỳ vi từ bi
Trước mọi người nói mình từ bi

或有風癩及癩病

Hoặc hữu phong điên cập lại bệnh
Hoặc kẻ bệnh phong cùng với hủi

如是攝受令出家

Như thị nhiếp thọ lệnh xuất gia
Như vậy mà độ cho xuất gia

無戒無行無其德

vô giới vô hành vô kỳ đức
Không có giới luật không đức hạnh

譬如負柴燒臭屍

Thí như phụ sài thiêu xú thi
Ví như mang củi thiêu thây chết

性本騫浮多散亂

Tánh bản hiêu phù đa tán loạn
Bản tánh vọng động nhiều tán loạn

設處深山心不寧

Thiết xứ thâm sơn tâm bất ninh
Có ở núi sâu tâm chẳng an

忘失一切佛功德

Vong thất nhất thiết Phật công đức
Quên mất tất cả công đức Phật

如是諸善悉不行

Như thị chư thiện tất bất hành
Như vậy không hành các điều thiện

常談國城聚落中

Thường đàm quốc thành tụ lạc trung
Thường nói chuyện tạp của thế gian

如是晝夜恒思惟

Như thị trú dạ hằng tư duy
Như vậy ngày đêm thường nghĩ đến

復於精舍起貪心

Phục ư Tịnh xá khởi tham tâm
Lại khởi tâm tham với Tịnh xá

全無持誦及焚修

Toàn vô trì tụng cập phần tu
Không chịu trì tụng và tu tập

若有苾芻依附我

Nhược hữu bạt sơ y phụ ngã
Nếu có Tỷ-kheo đến nương ở

若欲持戒奉律儀

Nhược dục trì giới phụng luật nghi
Họ muốn trì giới giữ oai nghi

貪著飲食及色欲

Tham trước ẩm thực cập sắc dục
Tham đắm ăn mặc cùng sắc dục

所學徒弟亦復然

Sở học đồ đệ diệc phục nhiên
Đệ tử theo học cũng như vậy

亦無師資恭敬心

Diệc vô sư tu cung kính tâm
Cũng không cung kính đối với Thầy

非要學徒行承事

Phi yếu học đồ hành thừa sự
Chẳng cần đệ tử nối nghiệp thầy.

六根不具醜惡人

Lục căn bất cụ xú ác nhân
Sáu căn không đủ người xấu xa

亦非沙門佛弟子

Diệc phi Sa-môn Phật đệ tử
Chẳng phải Sa-môn đệ tử Phật

彼等非俗非沙門

Bi đẳng phi tục phi Sa-môn
Chẳng đời chẳng đạo cứ uơ uơ.

清淨之者宜遠離

Thanh tịnh chi giả nghi viễn li
Người tu thanh tịnh lại lánh xa

亦如狂象失調伏

Diệc như cuồng tượng thất điều phục
Như voi cuồng loạn không điều phục

貪火焚燒無暫住

Tham hỏa phần thiêu vô tạm trụ
Lửa tham bùng cháy không ngừng nghỉ

方便智慧頭陀行

Phương tiện trí tuệ Đầu-đà hành
Phương tiện trí tuệ hạnh Đầu-đà

墮大阿鼻無有出

Đọa Đại A-tì vô hữu xuất
Địa ngục A-tỳ thật khó ra.

官事賊事眷屬事

Quan sự tặc sự quyến thuộc sự
Việc nước, việc quan, việc bà con

未曾時暫行三昧

Vị tăng thời tạm hành tam muội
Chưa từng tịnh tâm tu tam muội.

廣修院宇及房屋

Quảng tu viện vũ cập phòng ốc
Sửa sang nơi ở thật cao rộng

但為眷屬兼徒弟

Đãn vì quyến thuộc kiêm đồ đệ
Chỉ vì quyến thuộc và đồ đệ

我即與汝同居止

Ngã tức dữ nhữ đồng cư chỉ
Thì liền cho họ cùng ở chung

非我所為須遠離

Phi ngã sở vi tu viễn li
Thầy không giống mình liền xa lánh

所有臥具床榻等

Sở hữu ngọc cụ sàng tháp đảnh
Nếu có giường nằm và đồ ngồi

藏隱深房映蔽之

tàng ẩn thâm phòng ánh tế chi
Liên đem giấu hết nơi kín đáo

如是末世愚癡人

như thị mạt thế ngu si nhân
Như vậy người ngu thời mạt pháp

貪求利養斷善根

Tham cầu lợi dưỡng đoạn thiện căn
Tham cầu lợi dưỡng bỏ căn lành

若有清淨智慧者

nhược hữu thanh tịnh trí tuệ giả
Người có trí huệ và thanh tịnh

末法苾芻無戒德

Mạt Pháp bật sô vô giới đức
Tỳ-kheo mạt pháp không giới đức

常處王城聚落中

Thường xử Vương thành tụ lạc trung
Mà ở thành phố hoặc thị trấn

反為王法所禁制

Phản vi Vương Pháp sở cấm chế
Nên hay vi phạm pháp thế gian

諸佛法教功德海

Chư Phật Pháp giáo công đức hải
Phật pháp công đức như biển lớn

譬如寶海水清淨

Thí như bảo hải thủy thanh tịnh
Thí như biển báu nước trong sạch

亦如蓮花滿池開

Diệc như liên hoa mãn trì khai
Cũng như hoa sen nở đầy ao

如是末法破戒人

Như thị mạt Pháp phá giới nhân
Những người phá giới thời mạt pháp

若有淨修梵行者

Nhược hữu tịnh tu phạm hạnh giả
Nếu có người tu hành phạm hạnh

彼人命盡墮阿鼻

Bỉ nhân mạng tận đọa A-tì
Người kia mạng hết đọa A-tỳ

從此地獄受罪已

Tông thử Địa-ngục thọ tội dĩ
Khi chịu hết khổ Địa ngục rồi

貧窮下賤及聾啞

Bần cùng hạ tiện cập lung ách
Nghèo cùng hèn hạ hoặc câm điếc

手足諸根不完具

Thủ túc chư căn bất hoàn cụ
Các căn tay chân không đầy đủ

無信無行無善根

Vô tín vô hành vô thiện căn
Không tín, không hạnh, không căn lành

什物受用及飲食

Thập vật thọ dụng cập ẩm thực
Các thức uống ăn cùng đồ vật

言無所有令他去

Ngôn vô sở hữu lệnh tha khứ
Người kia không có phải bỏ đi.

令佛教法不久滅

Lệnh Phật giáo Pháp bất cửu diệt
Khiến cho Phật pháp chẳng trụ lâu

此等苾芻極甚多

Thử đẳng bí sô cực thậm đa
Hạng Tỳ-kheo này thật quá đông

遠離彼等住深山

viễn li bỉ đẳng trụ thâm sơn
Phải xa lìa họ, ở núi sâu.

不樂深山寂靜居

Bất lạc thâm sơn tịch tĩnh cư
Không ưa ở núi sâu vắng vẻ

唯務是非及鬪諍

Duy vụ thị phi cập đấu tránh
Chỉ biết thị phi và tranh cãi

叱訶驅擯受慚恥

Sất ha khu bán thọ tâm si
Bị xua mắng đuổi chịu xấu hổ

因此破戒悉枯竭

Nhân thử phá giới tất khô kiệt
Do người phá giới mà cạn khô

或被淤泥而渾濁

Hoặc bị ú nê nhi hỗn trược
Bị lóp bùn nhơ làm nhiễm ô

或被狂風而摧壞

Hoặc bị cuồng phong nhi tồi hoại
Bị trận cuồng phong nên gãy đổ

損滅佛教亦如是

Tôn diệt Phật giáo diệc như thị
Làm hoại Phật giáo cũng như vậy.

逢斯惡友常遠離

Phùng tư ác hữu thường viễn li
Gặp các bạn ác thường xa lánh

受苦百千無數劫

Thọ khổ bách thiên vô số kiếp
Chịu khổ trăm ngàn vô số kiếp

或生畜趣或為人

Hoặc sanh súc thú hoặc vi nhân
Hoặc làm súc sanh hoặc làm người

眇目矧陋多疾病

Miểu mục toà lậu đa tật bệnh
Mù mắt, lùn xấu, nhiều tật bệnh

見者悉皆生驚怖

Kiến giả tất giai sanh kinh phở
Mọi người thấy rồi đều kinh sợ

晝夜飢寒常憂苦

Trú dạ cơ hàn thường ưu khổ
Đêm ngày đói khát thường sầu khổ

復被眾人生瞋恨

Phục bị chúng nhân sanh sân hận
Lại bị mọi người sanh oán ghét

如是三苦常纏縛

Như thị tam khổ thường triển phục
Như vậy ba khổ thường trói buộc

常須親近佛法僧

Thường tu thân cận Phật Pháp tăng
Thường nên gần gũi Phật Pháp Tăng
如 是 名 利 并 眷 屬
Như thị danh lợi tình quyến thuộc
Danh lợi, quyến thuộc cũng như vậy

有為之法暫時間

Hữu vi chi Pháp tạm thời gian
Các Pháp hữu vi là tạm bợ

唯有無上佛菩提

Duy hữu vô thượng Phật Bồ-đề
Chỉ có Bồ-đề quả Vô thượng

堅固修習勿生疑

Kiên cố tu tập vật sanh nghi
Tu trì kiên cố chớ sanh nghi

爾時世尊說此頌已。告尊者護國言。

Nhĩ thời Thế Tôn thuyết thử tụng dĩ 。 Cáo Tôn giả hộ quốc ngôn 。
Bấy giờ Thế Tôn nói kệ xong rồi liền bảo với Tôn giả Hộ Quốc rằng:

若有補特伽羅。於菩薩乘不依法行。有是過失者。

nhược hữu bổ đặc dà la 。 ư Bồ-tát thừa bất y Pháp hành 。 hữu thị quá thất giả 。
Nếu có người nào đối với Bồ-tát thừa mà không y theo để tu hành, có sự lỗi lầm sai sót,

當得不依法者而來敬愛。

đương đắc bất y Pháp giả nhi lai kính ái 。
thì sẽ được người không y theo pháp cung kính thương mến.

懈怠者得懈怠人敬愛。無智者得無智人敬愛。

giải đãi giả đắc giải đãi nhân kính ái。 vô trí giả đắc vô trí nhân kính ái 。
Người biếng nhác thì được người biếng nhác kính yêu người vô trí thì được người vô trí kính yêu.

如是互相敬愛。貪著利養。嫉妬貴族。懈怠狂亂。

như thị hỗ tương kính ái。 tham trước lợi dưỡng。 tật đố quý tộc。 giải đãi cuồng loạn。
Như vậy họ cung kính qua lại, tham đắm lợi dưỡng, ganh ghét người giàu sang, biếng nhác vọng động,

綺語兩舌。諂佞他人。虛誑父母及自師長。

ỷ ngữ lưỡng thiệt 。 siểm nịnh tha nhân 。 hư cuồng phụ mẫu cập tự sư trưởng 。
nói lời thêu dệt, nói hai lưỡi, nịnh bợ kẻ khác, lừa dối cha mẹ và Thầy tổ.

hoặc nhập Vương thành cập chư tự lạc 。 bất vi lợi ích chúng sanh hóa chư quần
phẩm 。
Hoặc đi vào thôn xóm hay kinh thành, giáo hóa mọi người mà không vì lợi ích chúng sanh,

一向妄言。我是大智多聞博識。

nhất hướng vọng ngôn 。 ngã thị Đại trí đa văn bác thức 。
chỉ nói dối trá, cho rằng ta là người có trí huệ học rộng nghe nhiều,

誑惑有情唯求財利。輕棄善法都無所獲。猶如破器無堪貯用。

以其瓦石而捶打

Dĩ kỳ ngõa thạch nhi chúy đả
Dùng ngói gạch đá mà quăng ném.

一切罪業應遠離

Nhất thiết tội nghiệp ứng viễn li
Tất cả tội nghiệp phải tránh xa

淨持戒律頭陀行

Tịnh trì giới luật Đầu-đà hành
Trì giới thanh tịnh giữ Đầu-đà
如幻如化如影像
Như huyễn như hóa như ảnh tượng
Như huyễn như mộng như bọt nước

不久乖離即散壞

Bất cửu quai ly tức tán hoại
Không bao lâu sau sẽ hoại diệt

妙地十力波羅蜜

Diệu địa thập lực Ba-la-mật
Thập lực vi diệu, Ba-la-mật

未來究竟大安樂

Vị lai cứu cánh Đại an lạc
Đời sau rốt ráo được an lạc.

cuồng hoặc hữu tình duy cầu tài lợi. khinh khi thiện Pháp đồ vô sở hoạch. do nhu phá khí vô kham trữ dụng。
lừa lọc mọi người chỉ mong cầu tài lợi, khinh khi pháp lành cho rằng không có kết quả, thí như đồ dùng bị bể không thể chứa đựng.

於彼眾人多生怨惡。聽信邪言虛妄推度。

ư bi chúng nhân đa sanh oán ác. thỉnh tín tà ngôn hư vọng suy đạt。
Đối với mọi người thì thường sanh tâm oán ghét, nghe tin lời tà vọng rồi suy đoán sai lầm,

是法說非非法說是。於佛正法無心愛樂。

thị Pháp thuyết phi phi Pháp thuyết thị。ư Phật chánh Pháp vô tâm ái lạc。
pháp đúng thì nói là sai, pháp sai thì nói là đúng, đối với chánh pháp của Phật không có tâm yêu thích.

生於下族貧賤之家。

sinh ư hạ tộc bần tiện chi gia。
Hoặc có người sanh ở nhà nghèo khó,

為見少利來投佛法希求出家。及得為僧行非梵行。

vi kiến thiểu lợi lai đầu Phật Pháp hi cầu xuất gia。cập đắc vi tăng hành phi phạm hành。
vì thấy chút lợi nhỏ mà đến cầu xuất gia với Phật, được làm Tăng rồi chẳng chịu tu phạm hạnh,

於佛法教全無所成。何況大智。佛告尊者如是補特伽羅。

ư Phật Pháp giáo toàn vô sở thành. hà hướng Đại trí. Phật cáo Tôn giả như thị bỏ đặc dà la。
đối với Phật pháp hoàn toàn không có chỗ thành tựu hướng là được đại trí huệ. Phật dạy: Nay Tôn giả, những hạng chúng sanh như vậy

不應說法。人天之善尚不能續。

bất ứng thuyết Pháp. nhân Thiên chi thiện thượng bất năng tục。
thì không nên thuyết pháp cho họ, bởi việc thiện ở Cõi Trời Cõi Người họ còn không thể làm được,

何況菩提而得成就。

hà hướng Bồ-đề nhi đắc thành tựu。
hướng là thành tựu đạo Bồ-đề.

爾時世尊復告尊者護國言。

nhĩ thời Thế Tôn phục cáo Tôn giả hộ quốc ngôn。
Bây giờ Thế Tôn lại bảo Tôn giả Hộ Quốc rằng:

有八種補特伽羅。遠離菩提。不得為說殊妙之法。

hữu bát chủng bồ đặc dà la. viễn li Bồ-đề. bất đắc vị thuyết thù diệu chi Pháp. Có tám hạng chúng sanh xa lìa Bồ-đề, không nên thuyết pháp thù thắng vi diệu cho họ.

護國白言。何等八種補特伽羅。唯願說之。佛言。

hộ quốc bạch ngôn. hà đẳng bát chủng bồ đặc dà la. duy nguyện thuyết chi. Phật ngôn。

Tôn giả Hộ Quốc bạch rằng: Tám hạng chúng sanh ấy như thế nào, xin Phật chỉ bày. Phật dạy:

一者蔑戾車處於彼受生。

nhất giả miệt lệ xa xứ ư bi thọ sanh。
Một là thọ sanh vào nơi ác kiến, không tin Tam Bảo.

二者貧窮之家於彼受生。三者下賤之家於彼受生。

nhị giả bần cùng chi gia ư bi thọ sanh. Tam giả hạ tiện chi gia ư bi thọ sanh. Hai là thọ sanh vào nhà bần cùng. Ba là thọ sanh vào nhà hạ tiện.

四者縱得人身醜陋癡鈍。五者具足蓋纏。身心憂戚。

tứ giả túng đắc nhân thân xú lậu si độn. ngũ giả cụ túc cái triển . thân tâm ưu thích .

Bốn là dẫu được làm người thì mang thân xấu xí ngu muội. Năm là thân bị các thứ ràng buộc, luôn ưu tư lo lắng.

六者棄背賢善親近惡友。

lục giả khí bồi hiền thiện thân cận ác hữu .

Sáu là rời xa người hiền, gần gũi bạn ác.

七者長有疾病身體尪羸。八者眾苦逼迫直至命終。

thất giả trường hữu tật bệnh thân thể uông luy. bát giả chúng khổ bức bách trực chí mạng chung .

Bảy là mang nhiều tật bệnh, thân thể gầy ốm. Tám là mọi sự khổ bức bách đến nỗi bỏ mạng.

如是八種補特伽羅。遠離菩提。不得說法。

như thị bát chủng bổ đặc dà la. viễn li Bồ-đề . bất đắc thuyết Pháp .

Tám hạng chúng sanh như vậy thường xa lìa Bồ-đề, không được thuyết pháp cho họ.

於是護國復白佛言。不應說法更有何義。佛言護國。

ư thị hộ quốc phục bạch Phật ngôn . Bất ứng thuyết Pháp canh hữu hà nghĩa. Phật ngôn hộ quốc.

Bồ-tát Hộ Quốc bạch Phật rằng: Không nên thuyết pháp cho họ là có nghĩa gì?

Phật dạy: Nay Hộ Quốc,

若有補特伽羅無決定者。我不說菩提。於虛妄者。

nhược hữu bổ đặc dà la vô quyết định giả. ngã bất thuyết Bồ-đề. ư hư vọng giả . nếu có hạng chúng sanh không có tâm quyết định, Ta không thuyết pháp chân thật. Với người hư dối,

我不說清淨行。於懈怠者。我不說菩薩行。

ngã bất thuyết thanh tịnh hành. ư giải đãi giả . ngã bất thuyết Bồ-tát hành.

Ta không nói hạnh thanh tịnh. Với người biếng nhác, Ta không nói hạnh Bồ-tát.

於慳慳者。我不說供佛行。於我慢者。

ư khan 慳 giả . ngã bất thuyết cung Phật hành . ư ngã mạn giả .

Với người keo kiệt, Ta không nói hạnh cúng dường chư Phật. Với người ngã mạn,

我不說波羅蜜清淨。於無慧者。我不說斷疑法。

ngã bất thuyết Ba-la-mật thanh tịnh. ư vô tuệ giả. ngã bất thuyết đoạn nghi Pháp.

Ta không nói pháp thanh tịnh Ba-la-mật. Với người không có trí huệ, Ta không nói pháp đoạn nghi.

於嫉妬者。我不說心清淨。於無信根者。

ư tật đồ giả. Ngã bất thuyết tâm thanh tịnh . ư vô tín căn giả .

Với người ganh ghét, Ta không nói thanh tịnh tâm. Với người không có tín căn,

我不說總持法。於無德者。我不說善逝法。於貪親愛者。

ngã bất thuyết tổng trì Pháp . ư vô đức giả . ngã bất thuyết thiện thệ Pháp . ư tham thân ái giả .

Ta không nói pháp Tổng trì. Với người không có đức hạnh, Ta không nói pháp Thiện thệ. Với người tham dục,

我不說身清淨。於不善律儀者。

ngã bất thuyết thân thanh tịnh. ư bất thiện luật nghi giả .

Ta không nói thân thanh tịnh. Với người không biết rõ luật nghi,

我不說謗佛有過失法。於妄言者。我不說語清淨。

ngã bắt thuyết báng Phật hữu quá thất Pháp。ư vọng ngôn giả。ngã bắt thuyết ngữ thanh tịnh。

Ta không nói pháp mà họ đã từng phi báng Phật. Với người nói dối, Ta không nói pháp chánh ngữ thanh tịnh.

於我慢者。我不說恭敬法。於無識者。

ư ngã mạn giả。ngã bắt thuyết cung kính Pháp。ư vô thức giả。

Với người ngã mạn, Ta không nói pháp cung kính. Với người không hiểu biết

我不說修學法。於為身命者。我不說求於道法。

ngã bắt thuyết tu học Pháp。ư vi thân mạng giả。ngã bắt thuyết cầu ư đạo Pháp。Ta không nói pháp tu học. Với người vì thân mạng, Ta không nói pháp cầu đạo vô thượng.

如是補特伽羅。不應說法。時護國白言。於意云何。

như thị bổ đặc dà la。bất ứng thuyết Pháp。thời hộ quốc bạch ngôn。ư ý vân hà。Các hạng chúng sanh như vậy, Ta không nên thuyết pháp. Bồ-tát Hộ Quốc bạch rằng: Ý nghĩa ấy như thế nào?

佛言護國。為此有情愚癡迷惑。

Phật ngôn hộ quốc。vi thù hữu tình ngu si mê hoặc。

Phật dạy: Nay Hộ Quốc, các chúng sanh này ngu si mê hoặc,

心識顛倒虛妄分別。不依法教。

tâm thức điên đảo hư vọng phân biệt。bất y Pháp giáo。

tâm thức điên đảo, phân biệt vọng động, không nương theo giáo pháp,

乃至天上人間不應為說。爾時世尊而說頌曰。

nãi chí Thiên thượng nhân gian bất ứng vi thuyết。nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết tụng viết。

cho đến Cõi Trời, Cõi Người, không nên vì họ thuyết pháp. Lúc bấy giờ Thế Tôn nói bài kệ rằng:

不定諸有情

Bất định chư hữu tình

Hữu tình tâm không định

我慢自貢高

Ngã mạn tự cống cao

Ngã mạn và tự cao

恒行不律儀

Hằng hành bất luật nghi

Không thực hành Luật nghi

增長諸煩惱

Tăng trưởng chư phiền não

Nuôi lớn các phiền não

退失於善法

Thối thất ư thiện pháp

Để mất các pháp lành

猶豫多散亂

Do dự đa tán loạn

Do dự nhiều tán loạn

而不生信受

Nhi bất sanh tín thọ

Không sanh tâm tín thọ

方便求出家

Phương tiện cầu xuất gia

Phương tiện cầu xuất gia

補特伽羅等

Bồ đặc dà la đẳng

Cùng loài hạng chúng sanh

貪著於利養

Tham trước ư lợi dưỡng

Tham đắm nơi lợi dưỡng

深著於五欲

Thâm trú ư ngũ dục

Chìm sâu vào ngũ dục

遠離佛菩提

Viễn li Phật Bồ-đề

Xa lìa quả Bồ-đề

懈怠不修習

Giải đãi bất tu tập

Biếng nhác không tu tập

於其戒法言

Ư kỳ giới Pháp ngôn

Đối với các giáo pháp

因為貧窮逼

Nhân vì bần cùng bức

Hoặc vì khổ bức bách

設得作苾芻

Thiết đắc tác bạt sơ

Được làm thân Tỳ-kheo

輕捨於道法

Khinh xả ư đạo Pháp
Mà khinh chê đạo pháp

荷負於麻擔

Hà phụ ư ma đảm
Mà gánh lấy gai góc

到彼寂靜處

Đáo bỉ tịch tĩnh xử
Đến nơi chỗ vắng lặng

邪思而散亂

Tà tư nhi tán loạn
Tâm tà nghĩ tán loạn

沈沒大智慧

Trầm một Đại trí tuệ
Che lấp trí huệ lớn

設復得人身

Thiết phục đắc nhân thân
Nếu được làm thân người

懈怠性愚癡

Giải đãi tánh ngu si
Tánh ngu si biến nhắc

諸根常暗鈍

Chư căn thường ám độn
Các căn thường ám độn

經彼俱胝劫

Kinh bỉ câu chi kiếp
Trải qua vô số kiếp

若行邪利濟

Nhuộc hành tà lợi tế
Nếu hành tà được lợi

調達不正知

Điều đạt bất chánh tri
Không hiểu biết rõ ráo

若人貪利養

Nhuộc nhân tham lợi dưỡng
Nếu người tham lợi dưỡng

如空大風力

Như không Đại phong lực
Như gió giữa hư không

邪福勢盡時

Tà phúc thế tận thời
Khi phước tà đã đến

無信破戒者

Vô tín phá giới giả
Không tin và phá giới

譬如焚屍柴

Thí như phần thi sài
Như củi đốt thây chết

雖復發善心

Tuy phục phát thiện tâm
Tuy có phát tâm thiện

謗法不信故

Báng Pháp bất tín cố
Không tin, hủy báng pháp

如棄金寶擔

Như khí kim bảo đảm
Như người bỏ báu vật

雖欲入深山

Tuy dục nhập thâm sơn
Tuy vào ở núi sâu

無意樂修禪

Vô ý lạc tu Thiền
Mà không vui thiền định

障礙於辯才

Chướng ngại ư biện tài
Chướng ngại ở biện tài

墜墮惡趣中

Trụy đọa ác thú trung
Đọa vào trong đường ác.

醜陋不具足

Xú lậu bất cụ túc
Các căn không đầy đủ

不行眾善法

Bất hành chúng thiện Pháp
Không thực hành pháp thiện

墮大嶮難中

Đọa Đại hiểm nan trung
Luôn ở nơi hiểm nạn

迷沒不解脫

Mê một bất giải thoát
Mà không được giải thoát.

得證佛菩提

Đắc chứng Phật Bồ-đề
Làm sao chứng Bồ-đề?

應成善逝果

Ứng thành thiện thế quả
Cho là thành tựu quả.

墜墮於眾生

Trụy đọa ư chúng sanh
Đọa làm thân chúng sanh

能墜諸飛鳥

Năng đọa chư phi điều
Làm chim bay rơi xuống

其義亦如是

Kỳ nghĩa diệc như thị
Thì cũng lại như vậy.

見善如盲人

Kiên thiện như manh nhân
Thấy điều thiện như mù

不吉人嫌棄

Bất cát nhân hiềm khí
Mọi người đều ghét bỏ

無彼廣大智

Vô bỉ quảng Đại trí
Mà không có trí lớn

解脫非究竟

Giải thoát phi cứu cánh
Chẳng giải thoát rõ ráo

譬如畫無膠

Thí như họa vô giao
Nhu vẽ tranh không hồ

我慢自貢高

Ngã mạn tự cống cao
Người ngã mạn tự cao

若求佛菩提

Nhuợc cầu Phật Bồ-đề
Nếu cầu quả Bồ-đề

於法甚深言

Ư Pháp thâm thâm ngôn
Tin sâu ở giáo pháp

捨善行非法

Xả thiện hành phi Pháp
Bỏ thiện theo phi pháp

墮於大火坑

Đọa ư Đại hỏa khanh
Sẽ rơi vào hầm lửa

依法而受行

Y Pháp nhi thọ hành
Nương theo mà thực hành

修植眾德本

Tu thực chúng đức bản
Gieo trồng các công đức

通達悉明了

Thông đạt tất minh liễu
Đều thông suốt sáng tỏ

成就最上道

Thành tựu tối thượng đạo
Thành tựu đạo Tối thượng

爾時世尊說此頌已。

Nhĩ thời Thế Tôn thuyết thử tụng dĩ。 cáo Tôn giả hộ quốc ngôn。
Bấy giờ đức Thế Tôn nói bài kệ xong rồi liền bảo Tôn giả Hộ Quốc rằng:

我於過去無量無邊不可說不可說阿僧祇劫。

Ngã ư quá khứ vô lượng vô biên bất khả thuyết bất khả thuyết a tăng kì kiếp。
Vào thời quá khứ vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp không thể đếm hết,

時有佛出世。

Thời hữu Phật xuất thế。
Lúc ấy có Phật ra đời,

號曰成義意如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世

hiệu viết thành nghĩa ý Như Lai Ứng-Cúng Chánh-biến-Tri Minh-hạnh-Túc thiện thế
thế gian giải Vô-thượng-Sĩ điều ngự trượng phu Thiên Nhơn Sư Phật thế
hiệu là Thành Nghĩa Ý Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện
thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế
Tôn.

尊。爾時有大國王。名曰發光。主閻浮提。

tôn。 Nhĩ thời hữu Đại Quốc Vương 。 danh viết phát quang。 chủ Diêm-phù-đề 。
Bấy giờ có vị đại Quốc Vương tên là Phát Quang, làm chủ cõi Diêm-phù-đề,

其地廣闊一萬六千由旬。其中州城數滿二萬。

kỳ địa quảng khoáng nhất vạn lục thiên do-tuần 。 kỳ trung châu thành số mãn nhị
vạn 。
đất của vua rộng đến một vạn sáu ngàn do tuần, có đến hai vạn thành trì。

莊嚴色不久

Trang nghiêm sắc bất cửu
Màu sắc sẽ phai mờ

其義亦如是

Kỳ nghĩa diệc như thị
Thì cũng lại như vậy.

不惜於身命

Bất tích ư thân mạng
Không tiếc đến thân mạng

勇猛勤習學

Dũng mãnh tinh cần tập học
Tinh tấn mà tu học

所行增過失

Sở hạnh tăng quá thất
Việc làm có lỗi lầm

若聞如是法

Nhuợc văn như thị Pháp
Nếu được giáo pháp này

斷除貪愛心

Đoạn trừ tham ái tâm
Đoạn trừ tâm tham ái

乃至於一句

Nãi chí ư nhất cú
Cho đến một câu kệ

如是積功德

Nhu thị tích công đức
Nhu vậy chứa công đức

永離於愚盲

Vĩnh ly ư ngu manh
Xa lìa sự ngu si.

告尊者護國言。

其發光王所居城邑。名曰寶光。

kỳ phát quang Vương sở cư thành ấp. danh viết bảo quang 。
Nơi ở của vua Phát Quang tên là Bảo Quang,
其城東西長十二由旬。南北闊七由旬。

kỳ thành Đông Tây trường thập nhị do-tuần. Nam Bắc khoáng thất do-tuần 。
thành ấy dài mười hai do tuần, rộng bảy do tuần,

城有七重七寶所作。彼王善行八正之道。種族豪盛有千俱胝。

thành hữu thất trọng thất bảo sở tác. bị Vương thiện hành bát chánh chi
đạo. chủng tộc hào thịnh hữu thiên câu chi。

thành có bảy lớp làm bằng bảy thứ báu. Vua Phát Quang khéo thực hành Bát Chánh
Đạo nên anh hùng hào kiệt, kẻ sĩ học thức đều đến quy thuận.

其國人民壽十俱胝歲。王有太子。

kỳ quốc nhân dân thọ thập câu chi tuế. Vương hữu Thái tử 。
Nhân dân nước ấy thọ đến ức tuổi. Vua có Thái tử

名曰福光。諸根具足色相端嚴殊妙第一。

danh viết phúc quang. chư căn cụ túc sắc tướng đoan nghiêm thù diệu đệ nhất 。
tên là Phước Quang, thân tướng đoan nghiêm, các căn đầy đủ, xinh đẹp đệ nhất

太子生時有千寶藏從地涌出。內有一藏現王殿前。

Thái tử sanh thời hữu thiên bảo tạng tông địa dũng xuất. nội hữu nhất tạng hiện
Vương điện tiền。

Lúc Thái tử sanh thì có ngàn kho báu từ đất vọt lên, có một kho báu hiện ra
trước điện vua.

滿中七寶高七人量。復令一切眾生所作如意。

mãn trung thất bảo cao thất nhân lượng. phục lệnh nhất thiết chúng sanh sở tác
như ý。

Trong ấy đựng đầy bảy báu cao đến bảy trượng, lại khiến cho tất cả chúng sanh
lúc ấy đều được như ý,

乃至禁縛之者俱得解脫。

nãi chí cấm phục chi giả câu đắc giải thoát 。
cho đến những người giam cầm đều được giải thoát.

又彼太子生得七日。一切伎藝工巧算術皆悉明了。

hựu bị Đại tử sanh đắc thất nhật. nhất thiết kỹ nghệ công xảo toán thuật giai
tất minh liễu 。

Lại nữa, Thái tử sanh được bảy ngày thì đã biết hết tất cả kỹ thuật tinh xảo
cùng toán số, bí thuật,

乃至世出世間一切事業無不通解。

nãi chí thế xuất thế gian nhất thiết sự nghiệp vô bất thông giải 。

cho đến tất cả nghề nghiệp ở thế gian, xuất thế gian cũng đều thông đạt.

於夜分中有淨光天子來為說法。告太子言。福光諦聽。

ư dạ phân trung hữu Tịnh Quang Thiên tử lai vi thuyết Pháp. cáo Thái tử
ngôn. phúc quang đế thỉnh。

Vào một đêm nọ, có Thiên tử Tịnh Quang đến thuyết pháp và bảo Thái tử rằng:
Phước Quang, ông hãy lắng nghe,

汝須息心不應散亂。於諸塵境常當遠離。

nhữ tu túc tâm bất ứng tán loạn. ư chư trần cảnh thường đương viễn li 。

Ông phải tịnh tâm không được tán loạn, đối với cảnh thế gian thường nên xa lánh
晝夜思惟有為之法當觀無常。壽命盡時誰是救者。

trú dạ tu duy hữu vi chi Pháp đương quán vô thường. thọ mạng tận thời thù thị
cứu già 。
đêm ngày thường suy nghĩ đến pháp hữu vi, quán nó là vô thường, khi thọ mạng
hết thì không ai có thể cứu ông.

於諸非法而生怖畏。

ư chư phi Pháp nhi sanh bố úy 。

Đối với các pháp sai lầm thì nên sanh tâm sợ hãi.

佛說護國尊者所問大乘經卷第二

Phật thuyết hộ quốc Tôn giả sở vấn Đại thừa Kinh quyền đệ nhị

Phật Thuyết Kinh Hộ Quốc Tôn Giả Sở Vấn Đại Thừa-Quyển thứ hai

PHẬT THUYẾT HỘ QUỐC TÔN GIẢ
SỞ VẤN ĐẠI THỪA KINH
Quyển Thứ Ba

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 321

Hán dịch: Thần Thí Hộ

Phiên âm & Lược dịch điện tử: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiến

Việt dịch: Đại Đức Thích Phước Nghiêm (04-2007)



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 321 《佛說護國尊者所問大乘經》CBETA 電子佛典 V1.10 普及版

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 321 《Phật thuyết hộ quốc Tôn-Giả sở vấn Đại thừa Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.10 phổ cập bản

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 321 《Phật nói giúp đỡ nước Tôn Giả hỏi Đại thừa Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.10 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 321 佛說護國尊者所問大乘經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 321 Phật thuyết hộ quốc Tôn-Giả sở vấn Đại thừa Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 321 Phật nói giúp đỡ nước Tôn Giả hỏi Đại thừa Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10, Normalized Version

=====

=====

=====

佛說護國尊者所問大乘經卷第三

Phật thuyết hộ quốc Tôn-Giả sở vấn Đại thừa Kinh quyền đệ nhất tam
Phật Thuyết Hộ Quốc Tôn Giả Vấn Hỏi Đại Thừa Kinh
Quyển Thứ Tam

西天譯經三藏朝散大夫試鴻臚卿傳法大師臣施護奉 詔譯

Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng triêu tán Đại phu thí hồng lu khanh truyền Pháp Đại sư Thần Thí Hộ phụng chiếu dịch

Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng Triêu Tán Đại Phu Thí Hồng Lu Khanh
Truyền Pháp Đại Sư Thần Thí Hộ phụng chiếu dịch

爾時淨光天子而說頌曰。

nhĩ thời Thiên tử Tịnh Quang nhi thuyết tụng viết。

Lúc bấy giờ Thiên tử Tịnh Quang nói kệ rằng:

太子汝當知

Thái tử nữ đương tri

Thái tử, ông nên biết

於此嶮難中

ư thử hiểm nan trung

Từ trong chỗ hiểm nạn

如佛所說言

như Phật sở thuyết ngôn

Như đức Phật từng dạy

此人大勇猛

thử nhân Đại dũng mãnh

Người ấy đại dũng mãnh,

清淨無瑕穢

莫著於迷醉

mạc trước ư mê túy

Không chấp chỗ mê đắm

勤求於出離

tinh cần cầu ư xuất ly

Chuyên cần để lìa xa

若離迷醉者

nhược ly mê túy giả

Nếu người lìa mê say

善行於律儀

thiện hành ư luật nghi

Khéo hành các luật nghi

所見諸眾生

thanh tịnh vô hà ố
Thanh tịnh không vết bẩn

心生慈愍行
tâm sanh từ mẫn hành
Tâm sinh hạnh từ mẫn

過去一切佛

quá khứ nhất thiết Phật
Hết thầy Phật quá khứ

皆從眾善生

giai tùng chúng thiện sanh
Đều từ pháp lành sanh

飲食及衣服

âm thực cập y phục
Âm thực cùng y phục

種種莊嚴具

chủng chủng trang nghiêm cụ
Đầy đủ thứ trang nghiêm

廣歷俱胝劫

quảng lịch câu chi kiếp
Rộng đến hàng ức kiếp

未曾有疲懈

vị tăng hữu bì giải
Chưa từng có giải đãi

頭目手足等

đầu mục thủ túc đẳng
Đầu mắt và tay chân

心生大歡喜

tâm sanh Đại hoan hỷ
Lòng sanh đại hoan hỷ

而成佛菩提

nhi thành Phật bồ đề
Mà thành Bồ-đề Phật

豪貴而最上

hào quý nhi tối thượng
Tôn quý và tối thượng.

晝夜常圍遶

trú dạ thường vi nhiều
Đêm ngày thường vây quanh

悉皆如幻化

tất giai như huyễn hóa
Hết thầy đều huyễn hoá

陽焰水沫泡

duyang diệm thủy bọt phao
Nhu ánh lửa bọt nước

非實非久住

phi thật phi cửu trụ
Không thật, không trường cửu

虚妄汝當知

sở kiến chư chúng sanh
Đã thấy các chúng sanh

成佛當不久
thành Phật đương bất cửu
Không lâu sẽ thành Phật

現在及未來

hiện tại cập vị lai
Hiện tại và vị lai

遠離貪瞋癡

viễn li tham sân si
Lìa xa tham sân si

金銀摩尼寶

kim ngân ma-ni bảo
Kim ngân, ngọc Ma-ni

捨施利眾生

xả thí lợi chúng sanh
Vì lợi ích chúng sanh

一心求菩提

nhất tâm cầu bồ đề
Nhất tâm cầu Bồ-đề

或捨於身分

hoặc xả ư thân phân
Hoặc xả bỏ thân mình

於彼求乞人

ư bỉ cầu khát nhân
Bồ thí cho người xin

以此積功德

dĩ thử tích công đức
Lấy đó tích công đức

設處國王位

thiết xứ Quốc Vương vị
Kiến tạo ngôi Quốc vương

美女及眷屬

mỹ nữ cập quyến thuộc
Mỹ nữ và quyến thuộc

宮殿及國城

cung điện cập quốc thành
Cung điện cùng thành quách

譬如坏器等

thí như khôi khí đẳng
Ví như vật hư hoại

其體不堅牢

kỳ thể bất kiên lao
Nó vốn không bền lâu

如是無常法

nhu thị vô thường Pháp
Nhu là pháp vô thường

父母與妻男

hư vọng như đương tri
Hư vọng ông phải biết

誰能相救濟

thùy năng tương cứu tế
Ai có thể cứu giúp?

是人隨業行

thị nhân tùy nghiệp hành
Là bị nghiệp dẫn dắt

常沈生死海

thường trầm sanh tử hải
Trầm luân biển sanh tử

於境而不了

ư cảnh nhi bất liễu
Mù mờ biết là đâu

終墮嶮惡趣

chung đọa hiểm ác thú
Cuối cùng đọa ác thú.

勇猛精進行

dũng mãnh tinh tấn hành
Thường dũng mãnh tinh tấn

不生三惡道

bất sanh tam ác đạo
Không sanh vào ác đạo.

正法難得聞

chánh Pháp nan đắc văn
Chánh pháp họ khó nghe

親近於善友

thân cận ư thiện hữu
Phải gần các thiện hữu

安住菩提心

an trú bồ đề tâm
An trú tâm Bồ-đề

如是行方便

như thị hành phương tiện
Dùng các phương tiện này

過去一切佛

quá khứ nhất thiết Phật
Quá khứ tất cả Phật

常處於深山

thường xử ư thâm sơn
Thường ở nơi rừng sâu

堅固如金剛

kiên cố như Kim cương
Vững chắc như kim cương

爾時佛告尊者護國言。淨光天子說此頌已。

nhĩ thời Phật cáo Tôn-Giả hộ quốc ngôn. Thiên tử Tịnh Quang thuyết thử tụng dĩ.
Lúc bấy giờ đức Phật bảo Tôn giả Hộ Quốc rằng, Thiên tử Tịnh Quang nói kệ này đã xong,

phụ mẫu dữ thê nam
Cha mẹ và vợ con

所作善惡業

sở tác thiện ác nghiệp
Đã tạo nghiệp thiện ác

如是無數劫

như thị vô số kiếp
Như vậy vô số kiếp

亦如無目人

diệc như vô mục nhân
Cũng như người không mắt

虛受於勤勞

hư thọ ư tinh cần lao
Uổng phí cả công sức

菩提最上路

bồ đề tối thượng lộ
Đường Bồ-đề Tối thượng

乃至於命終

nãi chí ư mạng chung
Cho đến lúc mạng chung

佛世人難值

Phật thế nhân nan trị
Phật dạy, người khó trị

降伏煩惱怨

hàng phục phiền não oán
Để hàng phục phiền não

恒修入正道

hằng tu nhập chánh đạo
Thường tu theo Chánh đạo

不退於佛道

bất thoái ư Phật đạo
Không thoái chuyển Phật đạo

世間無有上

thế gian vô hữu thượng
Thế gian không thể có

捨離於親愛

xả ly ư thân ái
Lìa bỏ tình quyến thuộc

正念自思惟

chánh niệm tự tư duy
Chánh niệm và tư duy

志求無上道

chí cầu vô thượng đạo
Chí cầu Vô thượng đạo.

彼福光太子年至十歲。智慧明達而無戲論。

bỉ Thái tử Phước Quang niên chí thập tuế. trí tuệ minh đạt nhi vô hí luận.
có Thái tử Phước Quang tuổi mới lên mười mà trí tuệ sáng suốt không thể nghĩ
bàn,

於世所有園林花卉流泉浴池歌舞作樂而不

ư thế sở hữu viên lâm hoa hũy lưu tuyền dục trì ca vũ tác lạc nhi bất
ở đời có đủ khe suối ao hồ, rừng cây hoa lá, ca hát vui đùa mà Thái tử không hề
tham đắm,

愛著。乃至國城宮殿象馬車乘金銀財寶。

ái trước. nãi chí quốc thành cung điện tượng mã xa thừa kim ngân tài bảo.
cho đến vàng bạc châu báu, ngựa xe, cung điện, thành trì đất nước

一切所欲之事。悉皆遠離。一心思惟。

nhất thiết sở dục chi sự. tất giai viễn li. nhất tâm tư duy.
tất cả đều là việc của tham dục, nên phải lìa xa, nhất tâm tư duy

我身虛幻四大假合無有堅實。大地諸天悉非究竟。

ngã thân hư huyền tứ Đại giả hợp vô hữu kiên thật. Đại địa chu Thiên tất phi cứu
cánh.

thân ta là hư huyền, tứ đại giả hợp vốn không chân thật, đại địa và cõi trời đều
không cứu cánh.

凡夫眾生常行非法。愚癡迷惑分別親疎。

phàm phu chúng sanh thường hành phi Pháp. ngu si mê hoặc biệt thân sơ.
Chúng sanh phàm phu thường thực hành phi pháp, ngu si ám chướng, phân biệt gần
xa,

耽著欲樂無有厭足。永處輪迴無解脫時。

đam trước dục lạc vô hữu yếm túc. vĩnh xử Luân-hồi vô giải thoát thời.
mê đắm dục lạc, không có điểm dừng, mãi mãi trầm luân trong sinh tử luân hồi
không có lúc nào giải thoát.

我於如是愚迷人中而乃受生。作是念已。

ngã ư như thị ngu mê nhân trung nhi nãi thọ sanh. tác thị niệm dĩ.
Ta cũng từ trong chỗ ngu mê như vậy mà thọ sanh. Khởi lên ý niệm như vậy rồi

志意繫心專求解脫。

chí ý hệ tâm chuyên cầu giải thoát.
giữ tâm vững bền, chuyên cầu giải thoát.

爾時世尊復告尊者護國言。

nhĩ thời Thế Tôn phục cáo Tôn-Giả hộ quốc ngôn.
Lúc bấy giờ đức Thế Tôn lại bảo Tôn giả Hộ Quốc rằng,

彼發光王為其太子。選擇最上淨妙福地。

bỉ phát quang Vương vi kỳ Thái tử. tuyền trạch tối thượng tịnh diệu phúc địa.
vua Phát Quang đó cũng vì Thái Tử mà chọn đất tốt lành thanh tịnh phúc đức nhất

建置一城名曰愛樂。其城七重於其城中有七百街道。

kiến trí nhất thành danh viết ái lạc. kỳ thành thất trọng ư kỳ thành trung hữu
thất bách nhai đạo.

để xây dựng quốc thành tên là Ái Lạc. Thành đó có bảy lớp, trong thành có bảy
trăm con đường,

純以七寶鈴鐸真珠羅網遍覆其上。

thuần dĩ thất bảo linh lạc chân châu la võng biến phúc kỳ thượng.
phía trên thành có lưới che bằng châu báu và chuông lắc bằng bảy báu.

復有六十眾寶妙蓋八萬寶幢。於諸街巷次第行布。

phục hữu lục thập chúng bảo diệu cái bát vạn bảo tràng. u chu nhai hạng thứ đệ hành bồ.

Lại có cả thầy tám vạn tràng phan, sáu mươi bảo cái được trang hoàng thứ tự bên các ngã đường.

—寶幢有六萬寶索。—寶索有十四俱胝樂器。

nhất nhất bảo tràng hữu lục vạn bảo tác. nhất nhất bảo tác hữu thập tứ câu chi nhạc khí.

Mỗi tràng phan có sáu vạn dây báu, mỗi dây báu có bốn mươi ức loại nhạc khí.

如是樂器微風吹動。出妙音聲如百千天樂。

như thị nhạc khí vi phong xuy động. xuất Diệu-Âm thanh như bách thiên Thiên nhạc.

Các loại nhạc khí như vậy đều ngân nga theo gió thổi, phát ra âm thanh vi diệu như trăm ngàn cung bậc vọng về từ thiên giới.

又於此城街巷衢路處處各住五百童女。

hựu u thủ thành nhai hạng cù lộ xú xú các trụ ngũ bách đồng nữ.

Ở trong thành, bên các vệ đường, mỗi nơi có năm trăm đồng nữ.

是諸童女身相端嚴顏貌和悅。

thị chư đồng nữ thân tướng đoan nghiêm nhan mạo hòa duyệt

Các đồng nữ này mặt mày xinh đẹp, dáng vóc đoan trang

於諸音樂歌舞作倡一切悉能。時發光王勅告之曰。

u chu âm lạc ca vũ tác xướng nhất thiết tất năng. thời phát quang Vương sắc cáo chi viết.

đều biết múa hát ca ngâm các loại âm nhạc. Lúc đó Vua Phát Quang chỉ dụ rằng:

令諸童女晝夜作樂不得間斷。

linh chư đồng nữ trú dạ tác lạc bất đắc gián đoạn.

Ta ra lệnh các đồng nữ ngày đêm ca hát không được gián đoạn.

所有四方一切人民來入此城。見斯音樂快樂之事奔聚看翫。

sở hữu tứ phương nhất thiết nhân dân lai nhập thủ thành. kiến tu âm nhạc khoái lạc chi sự bôn tụ khán ngoạn.

Trong nước này, tất cả người dân khắp bốn phương đều tụ hội về, quây quần thưởng thức vui thích trong bầu không khí âm nhạc đó,

令其太子心生樂著。又復王言。所有眾生。

linh kỳ Thái tử tâm sanh lạc trước. hựu phục Vương ngôn. sở hữu chúng sanh.

Khiến cho Thái tử lòng sanh vui mừng. Lại tâu với Vua rằng, tất cả chúng sanh,

求飲食者施以飲食。求衣服者施以衣服。

cầu ẩm thực giả thí dĩ ẩm thực. cầu y phục giả thí dĩ y phục.

người cầu ăn uống thì cho ăn uống, cầu y phục thì cho y phục

求花鬘塗香者施以花鬘塗香。求床榻臥具者。

cầu hoa man đồ hương giả thí dĩ hoa man đồ hương. cầu sàng tháp ngọa cụ giả.

người cầu hoa man đồ hương (vật trang sức) thì cho hoa man đồ hương, người cầu giường ghế đồ nằm

施以床榻臥具。

thí dĩ sàng tháp ngọa cụ.

được cho giường ghế đồ nằm

乃至以金銀摩尼碑磬碼瑙珊瑚真珠吠瑠璃等。如是諸寶處處堆積。

nãi chí dĩ kim ngân ma-ni xa cừ mã não san hô chân châu phệ lưu ly đẳng. như thị chư bảo xú xú đôi tích.

cho đến những vật như kim ngân, ma-ni, xa-cừ, mã-não, san-hô, trân châu, phệ-lưu-ly.v.v.. các vật báu như vậy đầy đủ khắp nơi.

復有象馬車乘。皆以眾寶種種莊嚴。

phục hữu tượng mã xa thừa. giai dĩ chúng bảo chúng chúng trang nghiêm.
Lại có cả cỗ xe voi xe ngựa, tất cả đều dùng các vật báu mà trang nghiêm

令一切眾生隨意受用。

linh nhất thiết chúng sanh tùy ý thọ dụng.
để hết thảy chúng sanh tùy nghi tiêu dùng.

爾時發光王。復為太子。

nhĩ thời phát quang Vương. phục vi Thái tử.
Lúc bấy giờ Vua Phát Quang lại vì Thái tử

於此城中修建一宮廣一由旬。造四門樓戶牖軒窓。

ư thử thành trung tu kiến nhất cung quảng nhất do-tuần. tạo tứ môn lâu hộ dũ
hiên song.

mà xây một cung điện rộng một do-tuần ở trong nước đó, dựng bốn cửa lầu có hiên
che, cửa sổ đầy đủ

皆以七寶種種莊嚴。於此宮中置一大殿。

giai dĩ thất bảo chúng chúng trang nghiêm. ư thử cung trung trí nhất Đại điện.
đều làm bằng bảy loại vật báu trang nghiêm. Trong cung điện có một Đại điện

用百千珍寶周匝莊校。

dụng bách thiên trân bảo châu tạp trang giáo.
dùng trăm ngàn vòng châu báu để tôn tạo.

於殿中間安四俱胝眾寶床榻及以臥具。復於城中置一大園。

ư điện trung gian an tứ câu chi chúng bảo sàng tháp cập dĩ ngọa cụ. phục ư thành
trung trí nhất Đại viên.

Trong gian chánh Điện trang trí bốn ức bảo vật như giường ghế và ngọa cụ. Ở
trong thành lại có một khu vườn rộng,

花菓樹木其數甚多。薜蔚開敷世所希有。

hoa quả thụ mộc kỳ số thậm đa. ông úy khai phu thể sở hi hữu.
cây cối hoa trái số nhiều vô kể, cảnh vật sum xuê chưa từng có trên cõi đời.

於其中間排一切寶樹。光明照曜無不愛樂。

ư kỳ trung gian bài nhất thiết bảo thụ. quang-minh chiếu diệu vô bất ái lạc.
Ở giữa khu vườn bài trí toàn là cây báu, ánh sáng rực rỡ vô cùng thích thú.

又於園中有七寶池。於池四邊有四界道四寶所成。

hựu ư viên trung hữu thất bảo trì. ư trì tứ biên hữu tứ giới đạo tứ bảo sở
thành.

Trong vườn có bảy hồ báu, ở bốn phía ven hồ có bốn đường ranh giới được tạo
thành bởi các vật báu,

所謂金銀吠瑠璃玻璃於池周匝。

sở vị kim ngân phệ lưu ly pha lê ư trì châu tạp.
vòng chung quanh hồ toàn là kim ngân, phệ-lưu-ly, pha-lê,

置一百八師子口水從彼入。復置一百八師子口水從彼出。

trí nhất bách bát sư tử khẩu thủy tùng bi nhập. phục trí nhất bách bát sư tử
khẩu thủy tùng bi xuất.

bài trí một trăm tám mươi tượng sư tử có nước chảy vào miệng, lại bài trí một
trăm tám mươi tượng sư tử miệng đang phun nước

其中復生鉢訥摩花。烏怛鉢囉花。

kỳ trung phục sanh bát nột ma hoa. ô đát bát la hoa.
trong vườn nở rất nhiều hoa bát-nạp-ma, hoa ô-đát-bát-la

俱母那花。奔拏哩迦花等。

câu mẫu na hoa. bôn noa lý ca hoa đặng.
hoa câu-mẫu-na, hoa bôn-noa-ly-ca.v.v.

種種名花恒時開敷於池周匝。復有八百寶樹。一一寶樹各懸寶索。

chùng chùng danh hoa hằng thời khai phu u trì châu tạp. phục hữu bát bách bảo thụ. nhất nhất bảo thụ các huyền bảo tác.

rất nhiều các loại hoa nở suốt mùa chung quanh hồ. Lại có tám trăm cây báu, mỗi cây báu đều những dây báu lấp lánh,

一一索上有俱胝數樂器。

nhất nhất tác thượng hữu câu chi số nhạc khí.

trên mỗi dây báu có treo vô số nhạc cụ

微風吹動出妙音聲。令諸眾生聞者愛樂。

vi phong xuy động xuất diệu-âm thanh. linh chư chúng sanh văn giả ái lạc.

lúc lác theo gió phát ra những âm thanh vi diệu, khiến cho những chúng sanh nghe được đều cảm thấy thú vị.

復次寶樹懸掛八十百千珍寶妙幡。又於池上置大寶網。

phục thứ bảo thụ huyền quải bát thập bách thiên trần bảo diệu phiên. hựu u trì thượng trí Đại bảo võng.

Lại nữa, trên những cây báu có treo hàng trăm ngàn tràng phan châu báu. Ở trên hồ có phủ một tấm lưới báu

而以為蓋覆太子身令離塵塗。

nhĩ dĩ vi cái phúc Thái tử thân linh ly trần bôn.

mà dùng làm tàng lọng để che Thái tử, tránh bụi bẩn.

爾時發光王。

nhĩ thời phát quang Vương.

Lúc bấy giờ Vua Phát Quang

復令殿內以其七寶造四俱胝寶座。

phục linh điện nội dĩ kỳ thất bảo tạo tứ câu chi bảo tọa.

lại ra lệnh cho quần thần trong cung điện lấy bảy loại châu báu kết thành bốn ức bảo tọa.

一一寶座各以五百上妙之衣敷於座上。於其中間置一大座高七人量。

nhất nhất bảo tọa các dĩ ngũ bách thượng diệu chi y phu u tọa thượng. u kỳ trung gian trí nhất Đại tọa cao thất nhân lượng.

Mỗi bảo tọa lấy hơn năm trăm y báu tuyệt đẹp trang trí phía trên, ở giữa bài trí một bảo tọa cao đến bảy người cộng lại,

以八十俱胝上妙寶衣敷設其上。

dĩ bát thập câu chi thượng diệu bảo y phu thiết kỳ thượng

và lấy hơn tám mươi ức y báu quý giá đặt trên đó.

此是福光太子所登之座。於諸座前各置香爐純金所成。

thử thị Phúc quang Thái tử sở đăng chi tọa. u chư tọa tiền các trí hương lô thuần kim sở thành.

Đây là chỗ an tọa của Thái tử Phúc Quang. Ở trước các bảo tọa để các hương được làm bằng vàng.

於爐周匝懸金鈴鐸及金蓮花。

u lô châu tạp huyền kim linh đặc cập kim liên hoa.

Ở vòng chung quanh các lò hương có treo những chuông lắc bằng vàng và hoa sen bằng vàng,

摩尼寶網四面嚴飾光明照耀。晝夜三時恒爇沈香及散妙花。

ma-ni bảo võng tứ diện nghiêm sức quang-minh chiếu diệu. trú dạ tam thời hằng nhiệt trầm hương cập tán diệu hoa.

lưới báu ma-ni, bốn phía trang nghiêm rực rỡ, đêm ngày ba thời thường đốt trầm hương và rải diệp hoa.

復於園內有九十九百千摩尼寶。

phục ư viên nội hữu cừu thập cừu bách thiên ma-ni bảo.
Trong vườn có chín mươi chín trăm ngàn ngọc báu ma-ni,

一一摩尼寶廣一由旬。有大光明照一切世界。

nhất nhất ma-ni bảo quảng nhất do-tuần. hữu Đại quang-minh chiếu nhất thiết thế giới.

mỗi ngọc báu ma-ni rộng đến một do tuần, phát ra ánh sáng lớn chiếu khắp mười phương thế giới.

爾時世尊復告護國言。福光太子園苑之內。

nhĩ thời Thế Tôn phục cáo hộ quốc ngôn. Thái tử Phước Quang viên uyển chi nội.
Lúc bấy giờ Thế Tôn lại bảo Hộ Quốc rằng, ở trong khu vườn xinh đẹp đó của Thái tử Phước Quang,

有種種飛鳥。鸚鵡鵪鶉。鴛鴦鵝鴨。

hữu chủng chủng phi điểu. anh vũ cừu dục. uyên ương nga áp
có các loài chim như Anh vũ, Sáo, Uyên ương, Thiên Nga,

孔雀舍利。俱枳羅鳥俱拏羅鳥。

Khổng-tước Xá-lợi. câu chi la điểu câu noa la điểu.
Công, Câu-chi-la, Câu-na-la,

迦陵頻伽。命命鳥等。如是眾鳥俱善人言。

Ca-lăng-tần-già. mạng mạng điểu đẳng. như thị chúng điểu câu thiện nhân ngôn.
Ca-lăng-tần-già, Mạng mạng.v.v. các loài chim như vậy,

每群飛時作微妙聲。如眾音樂而無有異。

mỗi quần phi thời tác vi diệu thanh. như chúng âm nhạc nhi vô hữu dị.
loài nào khi bay cũng phát ra âm thanh như các tiếng nhạc khác nhau,

亦如天帝歡喜之園。令諸天人受妙快樂。

diệc như Thiên đế hoan hỷ chi viên. linh chủ Thiên nhân thọ diệu khoái lạc.
cũng như ở khu vườn vui vẻ của trời Đế-thích khiến cho chư thiên và loài người hưởng niềm vui vô cùng.

彼發光天子。復為太子修饌上味飲食。

bỉ Thiên tử Phát Quang. phục vi Thái tử tu soạn thượng vị ẩm thực.
Thiên tử Phát Quang đó lại là Thái Tử chuyên sắm các món ăn thượng hạng,

逐日供給五百千車。復令使命於諸城邑聚落。

trục nhật cung cấp ngũ bách thiên xa. phục linh sử mạng ư chủ thành ấp tụ lạc.
hàng ngày cung cấp năm trăm xe trời. Lại khiến đời sống ở các chốn tụ lạc trong thành ấp

選取童女年十六歲至二十歲者。色相端嚴諸根具足。

tuyển thủ đồng nữ niên thập lục tuế chí nhị thập tuế giả. sắc tướng đoan nghiêm
chư căn cụ túc.

chọn lựa các đồng nữ mười sáu đến hai mươi tuổi có sắc tướng đoan nghiêm, các căn hoàn hảo,

不長不短不肥不瘦不白不黑。

bất trường bất đoản bất phì bất sấu bất bạch bất hắc.
không dài không ngắn, không béo không gầy, không trắng không đen.

身出白檀香口出優鉢羅花香。言詞美善。

thân xuất bạch đàn hương khẩu xuất Ưu bát la hoa hương. ngôn từ mỹ thiện.

Thân của họ phát ra hương thơm chiên-đàn, từ miệng toả hương thơm ưu-bát-la, nói ra những lời tuyệt hay,

心意純直而無妬忌。善解博奕歌舞戲樂。乃至一切世間。

tâm ý thuần trực nhi vô đố kỵ. thiện giải bác dịch ca vũ hí lạc. nãi chí nhất thiết thế gian.

tâm ý thuần thực không hề có ghen tị, khéo léo truyền tải các lời ca xướng hát điệu múa vui vẻ rộng khắp hết thảy thế gian.

工巧伎藝無不悉解。如是童女。

công xảo kỹ nghệ vô bất tất giải. như thị đồng nữ.
Các kỹ năng nghề nghiệp đều giỏi. Những đồng nữ này

得八十俱胝來入王城。

đắc bát thập câu chi lai nhập Vương thành.
có đến mười tám ức người vào Vương thành.

爾時發光天子。

nhi thời Phát Quang Thiên tử。
Lúc bấy giờ Thiên tử Phát Quang

以此八十俱胝童女賜於太子。王自宮中所有童女。

dĩ thử bát thập câu chi đồng nữ tứ ư Thái tử. Vương tự cung trung sở hữu đồng nữ.

đem mười tám ức đồng nữ ban cho Thái tử. Trong cung thành, nhà vua vốn đã có các đồng nữ rồi

復賜一俱胝王諸親眷。亦以一俱胝童女奉上太子。

phục tứ nhất câu chi Vương chư thân quyến. diệc dĩ nhất câu chi đồng nữ phụng thượng Thái tử.

lại lệnh cho một ức thân quyến của Vua cũng dùng một ức đồng nữ dâng cho Thái tử,

宰輔重臣亦以一俱胝童女奉上太子。

tể phụ trọng Thân diệc dĩ nhất câu chi đồng nữ phụng thượng Thái tử.
cho đến các tể phụ, trọng thân cũng dùng một ức đồng nữ phụng thượng Thái tử.

國城庶民亦以一俱胝童女奉上太子。如是八十四俱胝童女。

quốc thành thứ dân diệc dĩ nhất câu chi đồng nữ phụng thượng Thái tử. như thị bát thập tứ câu chi đồng nữ.

Nhân dân trong quốc thành cũng đem một ức đồng nữ dâng lên Thái Tử. Tám mươi bốn ức đồng nữ này

俱令侍從承事及歌舞作樂悅樂太子。

câu linh thị tùng thừa sự cập ca vũ tác lạc duyệt lạc Thái tử.
đều dùng để hầu hạ, sai bảo công việc và múa hát để làm vui cho Thái Tử.

佛告尊者護國言。爾時福光太子。見是事已。

Phật cáo Tôn-Giả hộ quốc ngôn. nhi thời Thái tử Phước Quang. kiến thị sự dĩ.
Đức Phật gọi tôn giả Hộ Quốc mà bảo rằng: Bấy giờ Thái tử Phước Quang thấy những sự việc như vậy xong,

於其國城宮殿樓閣。園林池沼象馬珍寶。

ư kỳ quốc thành cung điện lầu các. viên lâm trì chiếu tượng mã trân bảo.
ở trong lầu đài cung điện của quốc thành ấy, vườn rừng, ao hồ, voi ngựa trân bảo

及諸童女歌舞唱妓。種種作樂之事都不愛著。

cập chư đồng nữ ca vũ xướng kĩ. chủng chủng tác lạc chi sự đô bất ái trước.
và các đồng nữ ca múa xướng hát, mỗi mỗi tạo lên tiếng nhạc đều không có ái trước

而自思惟。此諸女等於我身分為大惡友。

nhĩ tự tư duy. thù chu nữ đẳng ư ngã thân phân vi Đại ác hữu.
mà tự tư duy. Các đồng nữ này từ nơi thân ta phân thân biến ra những người bạn
đại ác

斷我善根增諸煩惱。常處輪迴。無有自在。

đoạn ngã thiện căn tăng chu phiền não. thường xử Luân-hồi. vô hữu tự-tại.
làm ngăn chặn các thiện căn để tăng trưởng các phiền não, thường ở trong chốn
luân hồi, không bao giờ được tự tại,

譬如有人處於禁縛終不能出。爾時太子。

thí như hữu nhân xử ư cấm phược chung bất năng xuất. nhĩ thời Thái tử.
giống như có người ở trong nhà cấm bị trói buộc thì cả đời cũng không ra được.
Bấy giờ Thái tử nhìn

見此過失。於十年中。

kiến thù quá thất. ư thập niên trung.
thấy được những tội lỗi này nên suốt mười năm

於色聲香味觸五塵諸境而不愛著。一心思惟。諸惡友眾云何捨離。

ư sắc thanh hương vị xúc ngũ trần chu cảnh nhi bất ái trước. nhất tâm tư
duy. chu ác hữu chúng vân hà xả ly.
đối với tất cả âm thanh, sắc dục, hượng vị, xúc giác, cảnh giới ngũ trần mà
không hề ái trước, nhất tâm tư duy. Các bạn ác làm sao xả ly

而自修行得其解脫。作是念已。

nhĩ tự tu hành đắc kỳ giải thoát. tác thị niệm dĩ.
mà tự tu hành, chúng đắc giải thoát. Khởi lên ý niệm này xong,

彼諸童女即詣王宮。白父王言。其福光太子。

bỉ chu đồng nữ tức nghê Vương cung. bạch phụ Vương ngôn. kỳ Thái tử Phước Quang.
các đồng nữ ấy liền đến Vương cung mà bạch với Phụ Vương rằng, Thái tử Phước
Quang đó

於諸娼女戲樂歌舞都不顧視。獨坐思惟遠離聲色。

ư chu thái nữ hí lạc ca vũ đô bất cố thị. độc tọa tư duy viễn li thanh sắc.
đối với các thái nữ đùa giỡn vui thích, ca múa xướng hát vậ mà không chút đoái
hoài, chỉ thích ngồi một mình suy tư, xa lìa các thanh sắc.

爾時發光天子。聞是事已。

nhĩ thời Thiên tử Phát Quang. văn thị sự dĩ.
Bấy giờ Thiên tử Phát Quang nghe thấy sự việc như vậy

心忽驚愕怪未曾有。即時統領八萬小王及諸臣從。

tâm hốt kinh ngạc quái vị tăng hữu. tức thời thống lĩnh bát vạn Tiểu Vương cập
chu Thần tòng.
nên tâm chợt kinh ngạc điều kỳ lạ chưa từng có. Tức liền thống lĩnh tám vạn Tiểu
vương và chu thần tùy tòng

來入太子所住宮中。見彼太子。孤處宮殿儀貌寂然。

lai nhập Thái tử sở trụ cung trung. kiến bỉ Thái tử. cô xử cung điện nghi mạo
tịch nhiên.
đến cung điện của Thái tử (Phước Quang) đang ở. Thấy Thái tử đó ở một mình trong
cung điện, tướng mạo uy nghi điềm nhiên tĩnh mặc

涕淚悲泣心大苦惱。迷悶蹙地良久乃蘇。

thê lệ bi khắp tâm Đại khổ não. mê muộn tích địa lương cửu nãi tô.
thì lòng thấy vô cùng khổ não, bi khóc rơi lệ, mê muội như chỗ đất xưa lâu ngày
mới trồng lại lương thực màu mỡ,

從地而起即說頌曰。

tùng địa nhi khởi tức thuyết tụng viết.

liền từ chỗ đó đứng dậy mà nói lời tụng rằng:

子為最上寶

tử vi tối thượng bảo

Con là báu cao quý

憂惱心惶亂

ưu não tâm hoảng loạn

Ưu não, tâm hoảng loạn

種種富樂事

chủng chủng phú lạc sự

Mỗi mỗi việc vui giàu

眾寶為嚴飾

chúng bảo vi nghiêm sức

Bảo vật làm nghiêm sức

園林及浴池

viên lâm cập dục trì

Vườn rừng và ao hồ,

衣服及飲饌

ý phục cập ẩm soạn

ý phục và ẩm thực

而以供給之

nhi dĩ cung cấp chi

đem cung cấp cho con.

容顏甚奇妙

dung nhan thậm kì diệu

Dung nhan đẹp tuyệt diệu

如彼天女相

như bỉ Thiên nữ tướng

Như tướng các thiên nữ

通達諸伎藝

thông đạt chư kỹ nghệ

Thông thạo tất cả nghệ

人間無有比

nhân gian vô hữu bỉ

Nhân gian không sánh bằng

令其心快樂

linh kỳ tâm khoái lạc

Khiến tâm sinh khoái lạc

於斯而捨離

ư tư nhi xả ly

Mà lìa bỏ tất cả

顏貌甚寂澹

nhan mạo thậm tịch đạm

Dáng vẻ điềm đạm lạ

各各懷憂惱

các các hoài ưu não

Ai cũng sầu ưu não

云何不觀我

vân hà bất quán ngã

Tại sao không quán ta?

云何捨所愛

vân hà xả sở ái

Sao xả bỏ được ái?

此城妙莊嚴

thử thành diệu trang nghiêm

Thành này trang nghiêm tuyệt

宮殿妙樓閣

cung điện diệu lâu các

Cung điện, lầu gác đẹp

象馬七珍財

tượng mã thất trân tài

Voi ngựa cùng thất bảo

如是無量數

như thị vô lượng số

Số vô lượng như vậy

復有諸童女

phục hữu chư đồng nữ

Lại có các đồng nữ

端正廣莊嚴

đoan chánh quảng trang nghiêm

Rất đoan chánh trang nghiêm

心性善純直

tâm tánh thiện thuần trực

Tâm tánh khéo thuần thực

歌舞及音樂

ca vũ cập âm nhạc

Ca múa và xướng hát

所為適悅汝

sở vi thích duyệt nhữ

Làm vui đẹp lòng ngươi

云何無所著

vân hà vô sở trước

Làm sao không đắm trước,

獨處於深宮

độc xử ư thâm cung

Ở riêng chốn thâm cung

令諸童女等

linh chư đồng nữ đẳng

Khiến cho các đồng nữ

如彼蓮花萎

như bỉ liên hoa nuy

Như hoa sen héo tàn

俱來而白我

câu lai nhi bạch ngã
Đều đến mà thua ta.

如是諸童女

như thị chư đồng nữ
Các đồng nữ như vậy

口出優鉢香

khẩu xuất ưu bát hương
Miệng phát hương ưu-bát

兩目紺如蓮

lưỡng mục紺 như liên
Mắt biếc như hoa sen

令於晝夜中

linh ư trú dạ trung
Khiến cho suốt đêm ngày

今汝正是時

kim nhữ chánh thị thời
Nay con đúng là lúc

於汝意云何

ư nhữ ý vân hà
Ý con nghĩ thế nào

又向園林中

hựu hướng viên lâm trung
Lại quay vào lâm viên

九十九百千

cửu thập cửu bách thiên
Chín mươi chín trăm ngàn

光明普照耀

quang-minh phổ chiếu diệu
Ánh sáng chiếu rộng khắp

其數有八萬

kỳ số hữu bát vạn
Số đếm lên tám vạn

具有眾飛鳥

cụ hữu chúng phi điều
Có đủ các loài chim

迦陵頻伽等

ca lăng tần ca đẳng
Ca-lăng-tần-già nữa

復於諸樹間

phục ư chư thụ gian
Lại giữa các cành cây

一一寶索中

nhất nhất bảo tác trung
Mỗi mỗi dây treo này

微風吹動時

vi phong xuy động thời
Khi gió nhẹ thổi qua

*Phật Thuyết Hộ Quốc Thái Tử Sở
Vấn Đại Thừa Kinh-Quyển thứ nhất*

太子汝當知

Thái tử nhữ đương tri
Thái tử, ông nên biết

端正俱年少

đoan chánh câu niên thiếu
Đoan chánh đều trẻ trung

身有栴檀氣

thân hữu chiên-đàn khí
Thân có khí chiên-đàn

善知人心意

thiện tri nhân tâm ý
Khéo biết tâm ý người

親近作戲樂

thân cận tác hí lạc
Thân cận và vui đùa

於此而厭棄

ư thử nhi yếm khí
Xả bỏ những thứ này

為我速宣說

vì ngã tốc tuyên thuyết
Mau vì ta tuyên rõ.

安置摩尼寶

an trí ma-ni bảo
An trí ngọc ma-ni

各廣一由旬

các quảng nhất do-tuần
Mỗi khoảng một do-tuần

寶樹懸寶幡

bảo thụ huyền bảo phiên
Cây quý treo vật báu

花葉皆茂盛

hoa quả giai mậu thịnh
Hoa quả đều tốt tươi

孔雀及鵝鴨

Khổng-tước cập nga áp
Không-tước và thiên-nga

皆出微妙音

giai xuất vi diệu âm
Đều trỗi tiếng vi diệu

各垂於寶索

các thụ ư bảo tác
Tua tua bao dây báu

皆有妙樂器

giai hữu diệu lạc khí
Có tiếng vui vi diệu

出於妙音聲

xuất ư Diệu-Âm thanh
Phát ra tiếng Diệu-âm

清響如天樂

thanh hưởng như Thiên nhạc
Vang lên như nhạc trời

又此諸宮殿

hựu thử chư cung điện
Lại nữa các cung điện

金銀摩尼珠

kim ngân ma-ni châu
Vàng bạc, ngọc ma-ni

瑠璃真珠等

lưu ly chân châu đẳng
Luu-ly, ngọc trân châu...

於此寶殿中

ư thử bảo điện trung
Trong các bảo điện này

四面垂珠網

tứ diện thùy châu võng
Bốn mặt treo võng ngọc

以用莊嚴上

Đĩ dụng trang nghiêm thượng
Để trang nghiêm tầng trên

長爇栴檀香

trường nhiệt chiêm-đàn hương
Hương Chiêm-đàn đốt mãi

善法堂無異

thiện Pháp đường vô dị
Nhà Thiện pháp không khác

違背於父母

vi bối ư phụ mẫu
Trái ý với cha mẹ

令我增苦惱

linh ngã tăng khổ não
Khiến ta tăng khổ não

為我速宣說

vi ngã tốc tuyên thuyết
Vì ta mau tuyên thuyết

稽首白父王

kê thủ bạch phụ Vương
Đánh lễ, thưa Phụ Vương

墜墮於眾生

trụy đọa ư chúng sanh
Chỗ chúng sanh đọa lạc

增長大過失

tăng trường Đại quá thất
Tăng trường lỗi lầm lớn

無有得出離

vô hữu đắc xuất ly
Không bao giờ ra được

*Phật Thuyết Hộ Quốc Thái Tử Sở
Vấn Đại Thừa Kinh-Quyển thứ nhất*

云何而不戀

vân hà nhi bất luyến
Sao mà không quyến luyến?

皆以眾寶成

giai dĩ chúng bảo thành
Đều dùng các thành quý

碑礫與碼礧

xa cừ dũ mã não
Xà-cừ và mã-não

莊嚴甚微妙

trang nghiêm thậm vi diệu
Trang nghiêm rất vi diệu

安置金香爐

an trí kim hương lô
Đặt các lò hương vàng

俱胝細妙衣

câu chi tế diệu y
Vô số vải tinh tế

晝夜三時中

trú dạ tam thời trung
Ngày đêm trong ba lần

如彼天帝宮

như bí Thiên đế cung
Như cung Thiên đế kia

汝今不愛樂

nhữ kim bất ái lạc
Nay con không ái lạc

都無孝敬心

đô vô hiếu kính tâm
Đều không tâm hiếu kính

言已而悲泣

ngôn dĩ nhi bi khắp
Nói xong liền rơi lệ

太子見所問

Thái tử kiến sở vấn
Thái tử nghe hỏi vậy

世間五欲境

thế gian ngũ dục cảnh
Cảnh ngũ trược thế gian

纏縛於有情

triền phược ư hữu tình
Ràng buộc chúng hữu tình

永處於輪迴

vĩnh xử ư Luân-hồi
Mãi mãi ở luân hồi

我今求解脫

ngã kim cầu giải thoát
Nay con cầu giải thoát

發大菩提心

phát Đại bồ đề tâm
Phát tâm Đại Bồ-đề

一切女人身

nhất thiết nữ nhân thân
Hết thân nữ nhân

我觀如怨家

ngã quán như oán gia
Con thấy như oan gia

流浪於生死

lưu lãng ư sanh tử
Trôi nổi trong sanh tử

常處大嶮路

thường xử Đại hiểm lộ
Thường ở chốn hiểm lớn

皮膚裏不淨

bì phu khoả bất tịnh
Lớp da chứa bất tịnh

腸胃大小便

tràng vị Đại tiểu tiện
Tràng vị, đại tiểu tiện

如是穢惡身

như thị uế ác thân
Những uế xấu từ thân

譬如毒藥樹

thí như độc dược thụ
Như loài cây độc hại

採花毒入身

thải hoa độc nhập thân
Hái hoa thì nhiễm độc

國城與宮殿

quốc thành dữ cung điện
Thành quách và cung điện

究竟不堅牢

cứu cánh bất kiên lao
Rốt cuộc chẳng bền lâu

亦如春樹木

diệp như xuân thụ mộc
Cũng như hoa mùa xuân

纔至冬月時

tài chí đông nguyệt thời
Khi mùa đông lại đến

女人及富饒

nữ nhân cập phú nhiêu
Thiếu nữ cùng giàu sang

愚癡狂亂心

ngu si cuồng loạn tâm
Tâm ngu si cuồng loạn

Phật Thuyết Hộ Quốc Thái Tử Sở
Vấn Đại Thừa Kinh-Quyển thứ nhất

遠離諸塵染

viễn li chư trần nhiễm
Mãi lià các nhiễm trần

眾惡不淨本

chúng ác bất tịnh bản
Xấu uế, vốn bất tịnh

貪瞋鎮相隨

tham sân trấn tướng tùy
Theo các tướng tham sân

牽繫諸眾生

khiên hệ chư chúng sanh
Trói chặt mọi chúng sanh

又此女色相

hựu thử nữ sắc tướng
Lại tướng sắc nữ này

血肉與骨髓

huyết nhục dữ cốt tủy
Máu thịt và xương tủy

眵淚涕唾等

si lệ di thóa đẳng
Nước mắt, mũi, nước giải

云何令愛樂

vân hà linh ái lạc
Làm sao mà đam thích

開花眾所愛

khai hoa chúng sở ái
Hoa nở rất xinh đẹp

不覺殞其命

bất giác vãn kỳ mạng
Chốc lát mất mạng ấy

音樂及歌舞

âm nhạc cập ca vũ
Âm nhạc và múa hát

如夢如幻化

như mộng như huyễn hóa
Đều như mộng như huyễn

滋茂葉芬芳

tư mậu diệp phân phương
Tươi tốt và tỏa hương

凋落悉枯悴

điêu lạc tất khô tụy
Rơi rụng và khô héo

不久亦如是

bất cửu diệp như thị
Không bền cũng như vậy.

常沒貪欲海

thường một tham dục hải
Thường chìm biển tham dục

鬪諍起憎嫉

đấu tránh khởi tăng tật
Đấu tranh sinh ghen ghét

父王及眷屬

phụ Vương cập quyến thuộc
Vua cha và quyến thuộc

於彼惡趣中

ư bỉ ác thú trung
Chìm trong ác thú kia

菩薩大智人

Bồ Tát Đại trí nhân
Bồ-tát, bậc Đại trí

觀彼如草木

quán bỉ như thảo mộc
Quán thấy như cỏ cây

常樂處深山

thường lạc xử thâm sơn
An lạc chốn thâm sơn

浮世不久住

phù thế bất cửu trụ
Cõi trần chẳng ở lâu

人命若浮雲

nhân mạng nhược phù vân
Mạng người như mây nổi

墜墮三有中

trụy đọa tam hữu trung
Kẻ đọa lạc ba cõi

我不著愚迷

ngã bất trước ngu mê
Con không đắm ngu mê

色聲五欲塵

sắc thanh ngũ dục trần
Sắc thân năm dục trần

福盡無福生

phước tận vô phước sanh
Hết phước, sanh vô phước

如鳥禁籠中

như điểu cấm lung trung
Như chim ở trong lồng

六塵如毒蛇

lục trần như độc xà
Lục trần như rắn độc

四大不堅實

tứ Đại bất kiên thật
Tứ đại không bền chắc

父王今當知

phụ Vương kim đương tri
Phụ Vương nay nên biết

Phật Thuyết Hộ Quốc Thái Tử Sở
Vấn Đại Thừa Kinh-Quyển thứ nhất

互相行殺害

hỗ tương hành sát hại
Mà sát hại lẫn nhau

妻子并男女

thê tử tinh nam nữ
Vợ con cùng trai gái

誰能行救濟

thùy năng hành cứu tế
Ai mà cứu giúp nổi

身心常寂靜

thân tâm thường tịch tĩnh
Thân tâm thường vắng lặng

不動如須彌

bất động như Tu-Di
Vững như núi Tu-di

一心求正道

nhất tâm cầu chánh đạo
Nhất tâm cầu Chánh đạo

如山水急流

như sơn thùy cấp lưu
Như dòng nước trên cao

須臾即散滅

tu du tức tán diệt
Chốc lát rồi biến mất

迷沒於生死

mê một ư sanh tử
Mê muội chốn tử sinh

遠離於虛妄

viễn li ư hư vọng
Xa lìa các hư vọng

非是菩薩境

phi thị Bồ Tát cảnh
Không phải cảnh Bồ-tát

業盡復生業

nghiệp tận phục sanh nghiệp
Hết nghiệp lại sanh nghiệp

長不得自在

trường bất đắc tự-tại
Thường không được thoải mái

損惱於眾生

tổn não ư chúng sanh
Làm não hại chúng sanh

猶如空聚落

do như không tụ lạc
Như đám vui giữa trời

速捨虛妄境

tốc xả hư vọng cảnh
Mau lìa các vọng cảnh

歸趣真解脫

quy thú chân giải thoát
Quay về chân Giải thoát

度脫於三有

độ thoát ư tam hữu
Độ thoát khắp ba cõi

禁縛得解脫

cấm phục đắc giải thoát
Bị nhốt được giải thoát

盲者與開目

manh giả dữ khai mục
Người đui được mắt sáng

悉令離憂苦

tất linh ly ưu khổ
Thầy lìa mọi ưu khổ

枯竭貪愛河

khô kiệt tham ái hà
Trút khô dòng sông ái

廣布於雲雷

quảng bố ư vân lôi
Rộng ban như mây sấm

除熱得清涼

trừ nhiệt đắc thanh lương
Trừ nóng được mát mẽ

父王今當知

phụ Vương kim đương tri
Phụ Vương nay nên biết

而欲作怨家

nhĩ dục tác oán gia
Mà muốn gây oan trái

怖見佛法僧

phô kiến Phật Pháp tăng
Sợ gặp Phật Pháp Tăng

入於嶮路行

nhập ư hiểm lộ hành
Đi vào đường nguy hiểm

而欲作散亂

nhĩ dục tác tán loạn
Mà muốn gây tán loạn

必不行邪道

tất bất hành tà đạo
Ắt không hành tà đạo

投身入大海

đầu thân nhập Đại hải
Ném thân vào Đại hải

終不生染著

chung bất sanh nhiễm trước
Chẳng hề sinh nhiễm trước

*Phật Thuyết Hộ Quốc Thái Tử Sở
Vấn Đại Thừa Kinh-Quyển thứ nhất*

常運妙法船

thường vận diệu Pháp thuyền
Thường dùng thuyền Diệu pháp

迷者令覺悟

mê giả linh giác ngộ
Kẻ mê được giác ngộ

患苦使獲安

hoạn khổ sử hoạch an
Hoạn khổ được an vui

貧窮賜珍財

bần cùng tứ trân tài
Bần cùng được tiền ngọc

復為眾有情

phục vi chúng hữu tình
Trở lại chúng hữu tình

照燭黑暗路

chiếu chúc hắc ám lộ
Chiếu sáng chốn u đồ

降靈甘露雨

hàng chú cam lộ vũ
Rưới mát mưa cam-lồ

成就最上智

thành tựu tối thượng trí
Thành tựu trí Tối-thượng

何人懷慈忍

hà nhân hoài từ nhẫn
Ai lòng đầy từ mẫn

何人具智慧

hà nhân cụ trí tuệ
Ai người đủ trí tuệ

何人有眼目

hà nhân hữu nhãn mục
Ai người có nhãn mục

何人得菩提

hà nhân đắc bồ đề
Ai người chứng Bồ-đề

如斯有智人

như tu hữu trí nhân
Nay như người có trí

我寧上須彌

ngã ninh thượng Tu-Di
Ta thà lên Tu-di

於此五欲塵

ư thử ngũ dục trần
Nơi cõi trần năm dục

所有諸婬女

sở hữu chư thái nữ
Dù chiếm các thái nữ

并及於眷屬

trình cấp ư quyền thuộc
Cùng với đoàn quyền thuộc

於此勿久住

ư thử vật cứu trụ
Đừng chân chừ ở đây

障蔽佛菩提

chương tế Phật bồ đề
Chương ngại Phật, Bồ-đề

及諸眷屬等

cấp chư quyền thuộc đẳng
Và các hàng quyền thuộc

修習清淨行

tu tập thanh tịnh hạnh
Tu tập hạnh thanh tịnh

爾時佛告尊者護國言。

nhĩ thời Phật cáo Tôn-Giả hộ quốc ngôn.
Lúc bấy giờ Phật gọi tôn giả Hộ Quốc mà nói rằng,

彼福光太子處於寶殿。是諸童女圍繞侍從。太子觀之深生厭離。

bỉ Thái tử Phước Quang xử ư bảo điện. thị chư đồng nữ vây quanh thị tòng. Thái tử quán chi thâm sanh yếm ly.

Thái tử Phước Quang ấy đang ở trong Bảo điện có các đồng nữ vây quanh hầu hạ nhưng Thái tử quán một cách thâm sâu mà sinh sự yếm ly.

於三威儀中行住坐時。求斷一切煩惱。

ư tam uy nghi trung hành trụ tọa thời. cầu đoạn nhất thiết phiền não.
Đối với ba oai nghi khi đi đứng nằm ngồi đều cầu mong đoạn hết phiền não.

於月初八日於地而坐。正意思惟離諸塵染。

ư nguyệt sơ bát nhật ư địa nhi tọa. chánh ý tư duy ly chư trần nhiễm.
Vào ngày Mồng Tám tháng Giêng, Thái tử ngồi an tọa trên mặt đất mà ý tứ chân chánh, suy tư để xa lìa các trần nhiễm.

作是觀已於中夜時。

tác thị quán dĩ ư trung dạ thời.
Quán tưởng như vậy xong, vào lúc ban đêm

忽聞空中淨光天子讚佛讚法及苾芻眾。如是聞已。

hốt văn không trung Thiên tử Tịnh Quang tán Phật tán Pháp cấp Tỷ-kheo chúng. như thị văn dĩ.

bỗng nghe giữa không trung Thiên tử Tịnh Quang nói lời ngợi thán đức Phật, Giáo pháp và các bậc Tỷ-kheo. Sau khi nghe những lời tán thán đó xong

身毛皆豎悲喜交并合掌向空以頌問曰。

thân mao giai thọ bi hỉ giao tinh hợp chưởng hướng không dĩ tụng vấn viết.
lông người dựng đứng, buồn vui lẫn lộn khó tả, liền chắp tay hướng lên hư không mà nói lên bài kệ thỉnh vấn rằng:

虛空諸天大慈愍

hư không chư Thiên Đại từ mẫn
Chư Thiên trên không lòng từ mẫn

我要歸依求出離

ngã yêu quy y cầu xuất ly
Tôi muốn quy y, cầu xuất thế,

請王速將歸

thỉnh Vương tốc tướng quy
Xin Ngài mau đem về

在家多過失

tại gia đa quá thất
Thế gian nhiều lầm lỗi

我捨於國城

ngã xả ư quốc thành
Con vất bỏ quốc thành

行詣於深山

hành nghê ư thâm sơn
Vào ở chốn thâm sơn

志求無上道

chí cầu vô thượng đạo
Chí cầu đạo Vô thượng

發聲稱讚讚何人

phát thanh xưng tán tán hà nhân
Xưng hô tán thán nhắm vào ai?

願樂聽聞為開演

nguyện lạc lắng nghe lời khai diễn
Vui được lắng nghe lời khai diễn.

爾時淨光天子。於虛空中聞彼所問。

nhĩ thời Thiên tử Tịnh Quang. ư hư không trung văn bi sở vấn.
Bấy giờ Thiên tử Tịnh Quang ở giữa hư không nghe lời hỏi vậy

而為太子說所讚事。以頌答曰。

nhĩ vi Thái tử thuyết sở tán sự. dĩ tụng đáp viết.

liên vì Thái tử mà nói lên điều tán thán bằng cách dùng bài tụng đáp rằng:

我今稱讚大沙門

ngã kim xưng tán Đại Sa Môn
Tôi đang xưng tán Đại Sa-môn,

常以十善化群迷

thường dĩ Thập thiện hóa quần mê
Thường đem Thập thiện hoá quần mê,

方便智慧最為上

phương tiện trí tuệ tối vi thượng
Phương tiện trí tuệ là trên hết,

常有十千那由他

thường hữu thập thiên na-do-tha
Thường có mười ngàn na-do-tha

太子復問淨光天

Thái tử phục vấn Tịnh Quang Thiên
Thái tử lại hỏi Tịnh Quang Thiên

彼佛所行菩提行

bi Phật sở hạnh bồ đề hạnh
Phật đã thực hành Bồ-đề hạnh

爾時淨光天子。復為太子說佛功德相好。

nhĩ thời Thiên tử Tịnh Quang. phục vi Thái tử thuyết Phật công đức tướng hảo.
Lúc ấy Thiên tử Tịnh Quang lại vì Thái tử mà nói về công đức tướng hảo của đức Phật

以頌答曰。

dĩ tụng đáp viết.

bèn dùng bài kệ đáp rằng:

佛頂如須彌

Phật đỉnh như Tu-Di
Phật đánh như Tu-di

螺髮而紺青

loa phát nhi cảm thanh
Tóc xoắn lại xanh biếc

眉間白毫光

mý gian bạch hào quang
Giữa mý hào quang trắng

目紺淨分明

mục cảm tịnh phân minh
Mắt xanh sáng trong suốt

頷臆如師子

hạm ức như Sư-tử
Bờ vai như sư tử

齒密無缺減

xí mật vô khuyết giảm

Phật Thuyết Hộ Quốc Thái Tử Sở
Vấn Đại Thừa Kinh-Quyển thứ nhất

彼佛名曰成義意

bi Phật danh viết thành nghĩa ý
Phật ấy tên gọi Thành Nghĩa Ý

救濟孤獨諸有苦

cứu tế cô độc chư hữu khổ
Cứu giúp khổ đau người đơn độc

功德神力無有比

công đức Thần lực vô hữu tỉ
Công đức thần lực không ai bằng,

苾芻之眾恒恭敬

Tỳ-kheo chi chúng hằng cung kính
Chúng Tỳ-kheo Tăng thường cung kính.

有何功德及相好

hữu hà công đức cập tướng hảo
Có những công đức, tướng hảo gì?

重為宣說我樂聞

trọng vi tuyên thuyết ngã lạc văn
Trọng vì tuyên thuyết ta vui nghe.

出眾而高顯

xuất chúng nhi cao hiển
Xuất chúng lại cao vời

右旋俱齊整

hữu toàn câu tề chỉnh
Xoay hướng phải đều thẳng

照耀如千日

chiếu diệu như thiên nhật
Soi sáng như mặt trời

猶如青蓮葉

do như thanh liên diệp
Giống như lá sen xanh

脣色勝頻婆

Thần sắc thắng Tần-bà
Thần sắc hơn Tần-bà

白類如珂雪

bạch loại như kha tuyết

Răng dày không khuyết sút

臍輪廣右旋

tê luân quang hữu toàn
Rốn xoay theo hướng phải

舌色如紅蓮

thiệt sắc như hồng liên
Lưỡi đỏ như sen hồng

舒展覆面輪

thư triển phúc diện luân
Thanh thân lộ toàn diện

梵音而清響

Phạm Âm nhi thanh hưởng
Phạm âm mà vang đều

一切諸天人

nhất thiết chư Thiên nhân
Hết thầy loài trời người

假使百千樂

giả sử bách thiên lạc
Dù trăm ngàn loại nhạc

功德廣無邊

công đức quang vô biên
Công đức rộng vô biên

令行菩提行

linh hành bồ đề hạnh
Khiến hành Bồ-đề hạnh

名曰緊那囉

danh viết khản na la
Tên là khản-na-la

嚩哩呬拏鵝

phọc lý hứ noa nga
Phọc-ly, hứ-noa-nga

迦陵頻伽等

Ca-lăng-tần-già đẳng
Cùng ca-lăng-tần-già...

佛相好亦然

Phật tướng hảo diệc nhiên
Hảo tướng Phật cũng vậy

隨眾各得解

tùy chúng các đắc giải
Tùy các loài hiểu được

如來法自在

Như-Lai Pháp tự-tại
Pháp Như-lai tự tại

量等於身分

lượng đẳng ư thân phân
Toàn thân rất đều đặn

垂手過於膝

thùy thủ quá ư tất

Trắng tinh như ngọc tuyệt

如淨頗璃寶

như tịnh pha ly bảo
Sạch như pha-lê quý

廣長而薄淨

quảng trường nhi bạc tịnh
Rộng dài lại sạch sẽ

此相最微妙

thử tướng tối vi diệu
Tướng này rất vi diệu

美妙出世間

mỹ diệu xuất thế gian
Tuyệt đẹp xuất thế gian

聞者皆歡喜

văn giả giai hoan hỷ
Ai nghe cũng hoan hỷ

莫等佛音聲

mạc đẳng Phật âm thanh
Không bằng âm thanh Phật

能斷眾生惑

năng đoạn chúng sanh hoặc
Đoạn tận chúng sanh hoặc

復次諸飛鳥

phục thứ chư phi điều
Lại có các chim bay

鴛鴦俱枳羅

uyên ương câu chi la
Uyên-ương, câu-chi-la

具沙俱拏羅

cụ sa câu noa la
Cụ-sa, câu-noa-la

各有色相嚴

các hữu sắc tướng nghiêm
Các sắc tướng trang nghiêm

佛以一言辭

Phật dĩ nhất ngôn từ
Ngài dùng một ngôn từ

近遠平等聞

cận viễn bình đẳng văn
Gần xa đều bình đẳng

項頸長細妙

hạng cảnh trường tế diệu
Trước sau cổ đẹp dài

臂膊而傭圓

tỷ bạc nhi dong viên
Đôi tay thon và tròn

如是妙端嚴

như thị diệu đoan nghiêm

Rũ tay quá đầu gối

七處皆平滿

thất xứ giai bình mãn
Bảy nơi đều đầy đủ

兩驪勝鹿王

lưỡng nao thắng lộc Vương
Vai cao hơn lộc vương

猶如龍馬王

do như long mã Vương
Cũng như vua rồng ngựa

無畏如師子

vô úy như Sư-tử
Vô úy như sư-tử

嚴飾金色身

nghiêm sức kim sắc thân
Nghiêm sức thân bằng vàng

足現千輻輪

túc hiện thiên phúc luân
Hiện đủ thiên phúc luân

如是廣端嚴

như thị quảng đoan nghiêm
Đoan nghiêm rộng vậy đó

汝今若親近

nhữ kim nhược thân cận
Nếu ông nay thân cận

有福及無福

hữu phúc cập vô phúc
Hữu phước và vô phước

若有稱佛名

nhược hữu xưng Phật danh
Nếu có xưng danh Phật

如蓮在水中

như liên tại thủy trung
Như sen trong hồ nước

我佛大導師

ngã Phật Đại Đạo sư
Đức Phật, Đại Đạo sư

佛說護國尊者所問大乘經卷第三

Phật thuyết hộ quốc Tôn-Giả sở vấn Đại thừa Kinh quyển đệ tam
Phật Thuyết Hộ Quốc Tôn Giả Hỏi Đại Thừa-Quyển Thứ Ba

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiên Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiên Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 21:47:11 2006

Đoan nghiêm đẹp vậy đó

雙肱如象鼻

song quăng như tượng tỳ
Đôi cánh như mũi voi

陰相而藏隱

âm tướng nhi tàng ẩn
Âm tướng thì tàng ẩn

身毛紺右旋

thân mao cảm hữu toàn
Long thân xanh xoay phải

佛頂如天蓋

Phật đánh như Thiên cái
Phật đánh như Thiên cái

行步同牛王

hành bộ đồng ngưu Vương
Bộ hành cùng Ngưu vương

莎悉帝迦相

toa tất đế ca tướng
Tướng Toa-tất-đế-ca

世間甚希有

thế gian thậm hi hữu
Thế gian thật hiếm có

有德與無德

hữu đức dữ vô đức
Hữu đức hay vô đức

一一自當知

nhất nhất tự đương tri
Mỗi mỗi đều tự biết

讚毀俱不著

tán hủy câu bất trước
Mất đi cũng không tiếc

淤泥不可染

ứ nê bất khả nhiễm
Lấm bùn nhưng không nhiễm

世間無有上

thế gian vô hữu thượng
Thế gian không đạt được

PHẬT THUYẾT ĐẠI CA DIẾP VẤN ĐẠI BẢO TÍCH CHÁNH PHÁP KINH

Quyển Thứ Tư

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 321

Hán dịch: Đại sư Thích Hộ

Phiên âm & Lược dịch điện tử: Nguyễn Tấn & Nguyễn Hiền

Việt dịch: Thích Quang Chánh (12-2006)

Biên tập : Thích Phước Nghiêm



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 321 《佛說護國尊者所問大乘經》CBETA 電子佛典 V1.10 普及版

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No.
321 《Phật thuyết hộ quốc Tôn giả sở vấn Đại thừa Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.10 phổ cập bản

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No.
321 《Phật nói giúp đỡ nước Tôn Giả hỏi Đại thừa Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.10 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 321 佛說護國尊者所問大乘經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 321 Phật thuyết hộ quốc Tôn giả sở vấn Đại thừa Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 321 Phật nói giúp đỡ nước Tôn Giả hỏi Đại thừa Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10, Normalized Version

=====

佛說護國尊者所問大乘經卷第四

Phật thuyết hộ quốc Tôn giả sở vấn Đại thừa Kinh quyển đệ tứ

Phật Thuyết Hộ Quốc Tôn Giả Sở Vấn Đại Thừa Kinh

Quyển Thứ Tư

西天譯經三藏朝散大夫試鴻臚卿傳法大師臣施護奉 詔譯

Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng triều tán Đại phu thí hồng lu khanh truyện Pháp
Đại sư Thần Thí Hộ phụng chiếu dịch

Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng Triều Tán Đại Phu Thí Hồng Lu Khanh
Truyện Pháp Đại Sư Thần Thí Hộ phụng chiếu dịch.

佛告尊者護國言。爾時福光太子。

Phật cáo Tôn giả hộ quốc ngôn. nhĩ thời phúc quang Thái-Tử。

Phật bảo Tôn giả Hộ Quốc rằng, lúc bấy giờ Thái tử Phúc Quang

聞虛空中淨光天子讚佛法僧無量功德相好莊嚴之

văn hư không trung Tịnh Quang Thiên tử tán Phật Pháp tăng vô lượng công đức
tướng hảo trang nghiêm chi

nghe trong hư không Tịnh Quang Thiên tử khen ngợi Phật Pháp Tăng có vô lượng
việc công đức trang nghiêm tốt đẹp,

事。心大歡喜正意繫心端坐思惟。

sự. tâm Đại hoan hỷ chánh ý hệ tâm đoan tọa tư duy。

phát đại Từ Bi tâm, buộc tâm ý chánh niệm ngay thẳng trong tư duy

彼佛世尊具足功德。所說妙法真實無謬。

bì Phật Thế tôn cụ túc công đức. sở thuyết diệu Pháp chân thật vô mậu。

Đức Phật Thế Tôn đó đầy đủ công đức, giảng thuyết diệu Pháp chân thật không
dối.

聲聞弟子梵行清白。又復思惟輪迴大苦。

Thanh văn đệ-tử phạm hạnh thanh bạch. hựu phục tư duy Luân-hồi Đại khổ。

Đệ tử là hàng Thanh văn thanh bạch. Lại nữa, suy nghĩ về luân hồi là khổ lớn,
一切眾生愚癡障蔽不覺不知。

nhất thiết chúng sanh ngu si chướng tế bất giác bất tri。

tất cả chúng sanh tánh vốn mê muội không hay không biết,

常以身見起諸惑染廣增過失。生死輪迴相續不絕。

thường dĩ thân kiến khởi chư hoặc nhiễm quảng tăng quá thất. sanh tử Luân-hồi
tướng tục bất tuyệt。

thường bị thân kiến trở dậy các hoặc nghiệp nhiễm ô tăng trưởng gây ra tội
lỗi, luân hồi sanh tử liên tục không gián đoạn。

諸有智者應當遠離。又復思惟愚癡迷暗。起三種思動發身語。

chư hữu trí giả ứng đương viễn li. hựu phục tư duy ngu si mê ám. khởi tam chủng tư động phát thân ngữ.

Các bậc trí giả nên phải tránh xa. Lại nữa tư duy về ngu si mê ám do ba thứ của lời nói của tự thân,

造善惡業熏識成種。

tạo thiện ác nghiệp huân thức thành chủng.

tạo nghiệp ác, nghiệp thiện huân chủng thành thức.

如是名色六入觸受苦報相續。愛取纏潤增長有支。

như thị danh sắc lục nhập xúc thọ khổ báo tướng tục. ái thủ triền nhuận tăng trường hữu chi.

Như vậy danh sắc, lục nhập, xúc, thọ tạo khổ báo không hề dứt nghĩ. Các chi phần Ái, Thủ, các triền cái thường tăng trưởng.

如是結生老死誰免。我觀生死少味多苦。

như thị kết sanh lão tử thùy miễn. ngã quán sanh tử thiểu vị đa khổ.

Như vậy kết sanh, già, chết ai bỏ. Ta quán sanh tử ít mùi nhiều khổ

逼迫身心是可厭患。速宜親近彼佛如來微妙之法。

bức bách thân tâm thị khả yếm hoạn. tốc nghi thân cận bỉ Phật như lai vi diệu chi Pháp.

khiến thân tâm bức bách có thể lo sợ, nên nhanh chóng gần gũi với Phật, vì pháp của Như Lai là vi diệu,

斷諸煩惱求出輪迴。若近惡友耽著欲樂。

đoạn chư phiền não cầu xuất Luân-hồi. nhược cận ác hữu đam trú dục lạc.

chặt đứt các phiền não chướng mong ra khỏi luân hồi, nếu gần gũi bạn ác thì ham muốn các thú dục lạc.

人天之報尚不能得。何況阿耨多羅三藐三菩提。

nhân Thiên chi báo thượng bất năng đắc. hà huống a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề.

Trời, Người bị nghiệp báo thì chẳng đắc hưởng gì quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

爾時福光太子。作是念已。

nhĩ thời phúc quang Thái-Tử. tác thị niệm dĩ.

Lúc bấy giờ Phúc Quang Thái tử tác bạch xong rồi,

於此宮城深生厭離。我今於此終不解脫。

ư thử cung thành thâm sanh yếm ly. ngã kim ư thử chung bất giải thoát.

ở trong cung thành sâu thăm mà sanh tâm nhàm chán. Ta nay vì ở chỗ ấy mà không được giải thoát,

宜應速捨別求靜處修習梵行。時彼太子發此志已。

nghi ứng tốc xả biệt cầu tĩnh xử tu tập phạm hạnh. thời bỉ Thái-Tử phát thử chí dĩ.

nên nhanh chóng xả bỏ dứt khoát mà cầu sự tĩnh lặng ở chốn tu hành phạm hạnh.

Lúc ấy Thái tử phát nguyện xong rồi,

即便離殿欲往門出。又慮親眷而為留難。

tức tiện ly điện dục vãng môn xuất. hựu lự thân quyến nhi vi lưu nan.

lập tức đi ra cửa rời khỏi cung điện, lại chợt nghĩ đến thân quyến vì họ mà chui khó lưu lại,

遂却上殿面東而立。遙告佛曰。成義如來應正等覺。

toại khuốc thượng điện diện Đông nhi lập. dao cáo Phật viết. thành nghĩa Như-Lai ứng chánh đẳng giác.

hoan hỷ bước lên chánh điện xoay mặt về phía đông quỳ gối chấp tay mà giao cảm với Phật Thành Nghĩa Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

具一切智神力廣大。願賜慈悲救護於我。

cụ nhất thiết trí Thần lực quảng Đại, nguyện tứ từ bi cứu hộ ư ngã.

Đây đủ tất cả trí Thần lực rộng lớn, nguyện tứ từ bi thương xót cho con.

我於此處擲身出外。欲求解脫。作是語已即便擲身。

ngã ư thử xử trích thân xuất ngoại. dục cầu giải thoát. tác thị ngữ dĩ tức tiện trích thân.

Con ở nơi này mà thân ở ngoài kia, muốn cầu được giải thoát, làm và nói cho dứt khoát mới bỏ thân được.

佛以神足舒其右手。放大光明照太子身。

Phật dĩ Thần túc thư kỳ hữu thủ, phóng Đại quang-minh chiếu Thái-Tử thân.
Phật dùng Thần túc thông thả ở phía tay phải, phóng đại quang minh chiếu khắp người Thái tử.

其光化為千葉蓮花承太子足。

kỳ quang hóa vi thiên diệp liên hoa thừa Thái-Tử túc.

Từ ánh sáng hóa hiện ấy làm cho ngàn cánh hoa sen chiếu khắp nơi Thái tử.

又此蓮花復出百千微妙光明。照於太子令心適悅。

hựu thủ liên hoa phục xuất bách thiên vi diệp quang-minh. chiếu ư Thái-Tử linh tâm thích duyệt.

Vừa thấy hoa sen nở ra trăm ngàn cánh quang minh vi diệu, soi sáng ở Thái Tử khiến tâm hồn hoan hỷ.

經須臾間將至佛前。佛攝光明蓮花不現。

Kinh tu du gian tương chí Phật tiền. Phật nhiếp quang-minh liên hoa bất hiện.
Chỉ trong chốc lát sẽ hướng về trước Phật, Đức Phật thu nhiếp hào quang, hoa sen không còn hiện nữa.

爾時太子如山而下。即到佛前合掌恭敬。

nhĩ thời Thái-Tử như sơn nhi hạ, tức đáo Phật tiền hợp chưởng cung kính.

Lúc bấy giờ Thái Tử từ dưới chân núi, bèn đi tới trước Phật quỳ gối cung kính chấp tay.

旋遶世尊志心稱念。

toàn nhiều Thế tôn chí tâm xưng niệm.

nhiều quanh Phật một vòng rồi chí tâm xưng niệm.

南無成義意如來應正等覺所說妙法。及苾芻眾我悉歸依。作是語已。

Nam Mô thành nghĩa ý Như-Lai ứng chánh đẳng giác sở thuyết diệu Pháp. cập bát sô chúng ngã tất quy y. tác thị ngữ dĩ.

Nam mô Thành Nghĩa Ý Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã thuyết diệu pháp. Con cùng chúng Tỳ-kheo đều quy y theo ngài. Nói như vậy xong,

五體投地禮佛千拜即以伽陀讚歎佛曰。

ngũ thể đầu địa lễ Phật thiên bách túc dĩ dà đà tán thán Phật viết.

năm vóc xác đất đành lễ ngàn lần rồi tán thán Phật bằng bài kệ rằng:

稽首無上大醫王

kê thủ vô thượng Đại y Vương

Đảnh lễ Vô Thượng Đại Y Vương,

願佛慈悲垂救度

nguyện Phật từ mẫn thùý cứu độ

Nguyện xin Thế Tôn rừ lòng thương

晝夜獨自思惟

trú dạ độc tọa tự tư duy

Đêm ngày một mình ngồi tư duy,

空界天人發聲言

không giới Thiên Nhơn phát thanh ngôn

Trên không trời người đồng lên tiếng,

佛為出世大導師

Phật vi xuất thế Đại Đạo sư

Phật là Đạo Sư của thế gian,

於大難中垂救護

ư Đại nan trung thùý cứu hộ

Ở trong đại nạn, thương cứu độ,

我今雖發信佛心

ngã kim tuy phát tín Phật tâm

Con nay tuy phát tâm tin Phật,

求出纏縛趣解脫

cầu xuất triền phược thú giải thoát

Ra khỏi ràng buộc đến giải thoát,

於其暗室燃慧燈

ư kỳ ám thất nhiên tuệ đặng

Ở nơi nhà tối đốt đèn tuệ,

宣揚清淨妙法門

tuyên dương thanh tịnh diệu Pháp môn

Tuyên dương thanh tịnh diệu pháp môn,

稽首無比大醫王

我身大患久未除

ngã thân Đại hoạn cửu vị trừ

Đại hoạn thân con lâu chưa trừ

少賜如來妙法藥

thiểu tứ Như-Lai diệu Pháp dược

Chi bày cho con phương thuốc hay.

一心求離五欲境

nhất tâm cầu ly ngũ dục cảnh

Nhất tâm mong thoát cảnh ngũ dục.

勸導歸依來佛所

khuyến đạo quy y lai Phật sở

Khuyến bảo quy y với Phật đà.

何得眾生造過失

hà đắc chúng sanh tạo quá thất

Chúng sanh tạo tác nhiều lầm lỗi?

令彼盲迷開智眼

linh bị manh mê khai trí nhãn

Làm cho sáng suốt kẻ mê mờ

貧乏如來功德寶

bần phạp Như-Lai công đức bảo

Thiếu thốn công đức báu Như Lai.

願佛慈悲垂攝受

nguyện Phật từ bi thùý nhiếp thọ

Nguyện Phật từ bi thùý nhiếp thọ

破我疑惑無明等

phá ngã nghi hoặc vô minh đặng

Phá ngã, nghi hoặc và vô minh...

如佛所行菩提道

như Phật sở hạnh Bồ-đề đạo

Như hạnh nguyện Phật, Bồ-đề đạo

滿我意願除諸病

kê thù vô tí Đại y Vương
Khê thù Vô tý Đại Y Vương,
一切妄想悉消除
nhất thiết vọng tưởng tất tiêu trừ
Hết thảy vọng tưởng đều tiêu diệt,
永出煩惱大海中
vĩnh xuất phiền não Đại hải trung
Vĩnh xuất phiền não trong biển lớn,
如是真實為我說
như thị chân thật vi ngã thuyết
Nhu vậy Ta nói lời chân thật,
志求無上大菩提
chí cầu vô thượng Đại Bồ-đề
Tâm cầu Vô thượng Đại Bồ-đề,
成就福德無盡報
thành tựu phúc đức vô tận báo
Thành tựu phước đức, quả không cùng,
一切纏縛永斷除
nhất thiết triền phược vĩnh đoạn
Chấm dứt tất cả sự ràng buộc,
佛告尊者護國言。爾時成義意如來。

Phật cáo Tôn giả hộ quốc ngôn. nhĩ thời thành nghĩa ý Như-Lai.

Phật dạy Tôn Giả Hộ Quốc rằng: Lúc bấy giờ Thành Nghĩa ý Như Lai

見彼太子信心清淨善根純熟。即為宣說菩薩行法。

kiến bỉ Thái-Tử tín tâm thanh tịnh thiện căn thuần thực. tức vi tuyên thuyết Bồ-tát hành Pháp.

thấy Thái Tử tín tâm thanh tịnh thiện căn thuần thực vậy, tức thì theo pháp hành của Bồ-tát tuyên thuyết.

福光太子聞是法已。得總持門證妙解脫。

phúc quang Thái-Tử văn thị Pháp dĩ. đắc tổng trì môn chứng diệu giải thoát.

Thái tử Phúc Quang nghe vậy xong, chứng pháp Tổng trì, được giải thoát.

成就五通踊身空中散花供養。

thành tựu ngũ thông dũng thân không trung tán hoa cúng dường.

Thành tựu Ngũ thông rồi thân bay lượng trong không trung rải hoa cúng dường.

作供養已從虛空中下。合掌向佛讚歎如來。即說頌曰。

tác cúng dường dĩ tòng hư không trung hạ. hợp chưởng hướng Phật tán thán Như-Lai. tức thuyết tụng viết.

Cúng dường xong, từ trên không trung xuống, chấp tay hướng về phía Phật tán thán Như Lai, liền nói kệ rằng:

稽首我佛真金色

kê thủ ngã Phật chân kim sắc

Con đánh lễ Phật Chơn kim sắc,

功德智慧無等倫

công đức trí tuệ vô đẳng luân

Công đức trí tuệ không sánh bằng,

牟尼螺髻紺青色

Mâu Ni loa kế cảm thanh sắc

Mâu-ni tóc xanh óng ánh đẹp,

我觀無等無邊佛

ngã quán vô đẳng vô biên Phật

Con xem vô lượng vô biên Phật,

如軍那花及朗月

như quân na hoa cập lãng nguyệt

Như hoa quân-na và ánh trăng,

如是皎潔大光明

như thị kiêu khiết Đại quang-minh

Như vậy ánh sáng lớn thanh khiết,

目淨輝朗如青蓮

mục tịnh huy lãng như thanh liên

Mắt trong sáng rạng như sen xanh,

怨親無二平等觀

oán thân vô nhị bình đẳng quán

mãn ngã ý nguyện trừ chừ bệnh

Con tròn ý nguyện, bệnh tiêu trừ

拋離惡趣到彼岸

phao ly ác thú đáo bỉ ngạn

Thoát ly ác thú đến bờ Giác.

常行如來八正道

thường hành Như-Lai Bát Chánh Đạo

Như Lai thường hành Bát Chánh Đạo.

如佛所說我行之

như Phật sở thuyết ngã hành chi

Như lời Phật dạy con làm theo

修習菩薩真實行

tu tập Bồ-tát chân thật hành

Tu tập đúng theo Bồ-tát hạnh

捨於世壽為法壽

xả u thế thọ vi Pháp thọ

Xả bỏ thế gian, thọ nhận Pháp.

究竟圓滿菩提道

trừ cứu cánh viên mãn Bồ-đề đạo

Viên mãn cứu cánh đạo Bồ-đề

相好最上面如月

tướng hảo tối thượng diện như nguyệt

Tướng hảo tối thượng như trăng tròn

永離三有常清淨

vĩnh ly tam hữu thường thanh tịnh

Thoát ly ba cõi thường thanh tịnh

高顯清淨如須彌

cao hiển thanh tịnh như Tu-Di

Thân cao thanh tịnh tựa Tu-di

眉間毫光普照耀

mý gian hào quang phổ chiếu diệu

Lông mý giữa toả sáng khắp nơi

過於珂雪與碑磬

quá u kha tuyết dữ xa cừ

Trắng hơn xa cừ và mã não

除滅眾生諸罪暗

trừ diệt chúng sanh chừ tội ám

Diệt trừ tội ám cho chúng sanh

常以慈顏顧我等

thường dĩ từ nhan cố ngã đẳng

Thường dùng mắt Từ nhìn chúng con

有情無情俱獲益

hữu tình vô tình câu hoạch ích

Kẻ thân người sơ vốn bình đẳng,
舌如赤銅而廣長
thiệt nhu xích đồng nhi quảng trường
Luỡi đỏ như đồng lại dài rộng,
應機流演大小乘
úng ky lưu diễn Đại Tiểu thừa
Tuỳ cơ diễn thuyết Đại, Tiểu thừa,
我今頂禮如來齒
ngã kim đánh lễ Như-Lai xỉ
Con nay đánh lễ răng Như Lai,
四牙鋒利若金剛
tứ nha phong lợi nhuộc Kim cương
Bốn cái răng trước tựa kim cương,
我今禮佛真實語
ngã kim lễ Phật chân thật ngữ
Con nay lễ Phật lời Chân thật,
通達性相甚深文
thông đạt tánh tướng thậm thâm văn
Thấu rõ tánh tướng đẹp sâu xa,
梵王帝釋護世主
Phạm Vương đế thích hộ thế chủ
Phạm Vương Đế Thích giúp người đời,
如是蒙光苦惱除
như thị mông quang khổ não trừ
Như vậy ánh sáng diệt phiền não,
我佛雙膺如鹿王
ngã Phật song 膺 như lộc Vương
Đức Phật đôi chân như lộc vương,
下足登涉地面時
hạ túc đẳng thiệp địa diện thời
Đôi chân lướt nhẹ trên mặt đất,
我佛身相妙端嚴
ngã Phật thân tướng diệu đoan nghiêm
Đức Phật thân tướng diệu đoan nghiêm,
一切世間無有比
nhất thiết thế gian vô hữu bi
Hết thầy thế gian không ai có,
佛於過去百千劫
Phật ư quá khứ bách thiên kiếp
Phật từ quá khứ nhiều kiếp xưa,
俱令離苦出煩惱
câu linh ly khổ xuất phiền lung
Đều khiến lìa khổ khỏi phiền muộn,
佛以法財施一切
Phật dĩ Pháp tài thí nhất thiết
Phật dùng Pháp thí cho tất cả,
禪定智慧悉圓明
Thiền định trí tuệ tất Viên Minh
Thiền định, trí tuệ đều viên minh,
我佛無畏大師子
ngã Phật vô úy Đại Sư-tử
Đức Phật vô úy đại Sư tử,
善療眾病悉消除
thiện liệu chúng bệnh tất tiêu trừ
Trị bệnh chúng sanh thầy tiêu trừ,
身口意業無塵染
thân khẩu ý nghiệp vô trần nhiễm
Thân khẩu ý nghiệp không nhiễm trần,
梵音深妙如梵天
Phạm Âm thâm diệu như Phạm Thiên
Phạm Âm vi diệu như Phạm Thiên,
我今禮佛出三有

Hữu tình vô tình đều được lợi
或覆面輪或大千
Hoặc phúc diện luân hoặc Đại Thiên
Hoặc che bánh xe hoặc Đại Thiên
普救世間諸有苦
phổ cứu thế gian chư hữu khổ
Cứu thoát thế gian khỏi đau khổ
四十齋密白如珂
tứ thập tề mật bạch như kha
Bốn mươi trắng đều như mã não
俱發光明濟群品
câu phát quang-minh tế quần phẩm
Đều phát ánh sáng cứu chúng sanh
離諸虛誑綺言辭
ly chư hư cuống khi ngôn từ
Lìa xa ngôn từ lấm dối trá
破暗除迷百千刹
phá ám trừ mê bách thiên sát
Phá ám trừ mê trăm ngàn cõi
龍天八部及三塗
Long Thiên bát bộ cập tam đồ
Long Thiên Bát Bộ cùng ba cõi
俱出輪迴生死海
câu xuất Luân-hồi sanh tử hải
Vượt thoát luân hồi biển sanh tử.
行似牛王舉步穩
hành tự ngưu Vương cử bộ ổn
Cất bước an ổn tựa Ngưu vương
山川大地俱震動
sơn xuyên Đại địa câu chấn động
Núi sông Đại địa đều chấn động
皮膚柔軟真金色
bì phu nhu nhuyễn chân kim sắc
Làn da mềm mại màu sắc đẹp.
眾生見者無厭足
chúng sanh kiến giả Vô yếm túc
Chúng sanh được thấy sanh hoan hỷ
能捨一切利眾生
năng xả nhất thiết lợi chúng sanh
Thường xả tất cả lợi chúng sanh
我今歸禮大慈父
ngã kim quy lễ Đại Từ Phụ
Con nay đánh lễ Đại Từ Phụ
持戒忍辱精進修
trì giới nhẫn nhục tinh tấn tu
Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn tu
我今禮佛無等智
ngã kim lễ Phật vô đẳng trí
Con nay lạy Bạc Vô Thượng Trí
能破無邊煩惱魔
năng phá vô biên phiền não ma
Hay phá tất cả ma phiền não
我今頂禮滅三毒
ngã kim đảnh lễ diệt tam độc
Con nay đánh lễ, trừ tam độc
三界無著出水蓮
tam giới Vô trú xuất thủy liên
Ba giới thắm nhuần nước hương sen
迦陵頻伽聲莫比
Ca-lăng-tần-già thanh mạc ti
Ca-lăng-tần-già không sánh bằng
常觀世界如幻化

ngã kim lễ Phật xuất tam hữu
 Con nay lễ Phật, lìa ba cõi,
 如夢如電非久停
 như mộng như điện phi cừ đình
 Như mộng như chớp không bền lâu,
 法本空寂無有生
 Pháp bản không tịch vô hữu sanh
 Pháp vốn vắng lặng không sanh diệt,
 垂慈廣為諸眾生
 thùy từ quảng vi chư chúng sanh
 Rủ lòng thương lớn độ chúng sanh,
 大聖醫王眾所歸
 Đại Thánh y Vương chúng sở quy
 Chúng sanh nương tựa Đại Y Vương,
 如是普利諸眾生
 như thị phổ lợi chư chúng sanh
 Như vậy rộng độ các chúng sanh,
 如是慈悲牟尼主
 như thị từ bi Mâu Ni chủ
 Như thị từ bi Mâu-ni chủ,
 如蟻循環無了期
 như nghĩ tuần hoàn vô liễu kỳ
 Như kiến đi vòng không kỳ hạn,
 如是依法證菩提
 như thị y Pháp chứng Bồ-đề
 Nương Pháp này đây chúng Bồ-đề,
 如佛所說八正道
 như Phật sở thuyết Bát Chánh Đạo
 Như đức Phật nói Bát chánh đạo,
 佛聲微妙過梵天
 Phật thanh vi diệu quá Phạm Thiên
 Tiếng Phật vi diệu vượt Phạm Thiên,
 及諸天女美妙音
 cập chư Thiên nữ mỹ Diệu-Âm
 Cùng chư thiên nữ, đẹp Diệu âm,
 清淨語音功德普
 thanh tịnh ngữ âm công đức phổ
 Âm thanh thanh tịnh công đức rộng,
 如是為乘趣菩提
 như thị vi thừa thú Bồ-đề
 Như vậy hướng đến lối Bồ-đề,
 種種上妙物供佛
 chủng chủng thượng diệu vật cung Phật
 Các loại phẩm vật tốt dâng Phật,
 或為帝主或宰臣
 hoặc vi đế chủ hoặc tể Thần
 Hoặc làm Đế Vương hoặc Tể Tướng,
 或作金輪王四洲
 hoặc tác kim luân Vương tứ châu
 Làm Kim Luân Vương trong bốn châu,
 恒行十善利世間
 hằng hành Thập thiện lợi thế gian
 Thường hành Thập thiện độ người đời,
 或為護世或忉利
 hoặc vi hộ thế hoặc Đạo Lợi
 Hoặc vi hộ thế hoặc Đạo-lợi,
 及至他化與梵天
 cập chí tha hóa dữ Phạm Thiên
 Cho đến Tha hóa và Phạm Thiên,
 如是見佛及聽法
 như thị kiến Phật cập thính Pháp
 như thị kiến Phật cập thính Pháp

thường quán thể giới như huyền hóa
 Thường quán thể gian như huyền hoá
 無人無我無眾生
 vô nhân vô ngã vô chúng sanh
 Vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh
 不能知悟隨輪轉
 bất năng tri ngộ tùy luân chuyển
 Không biết không ngộ, tùy luân chuyển
 方便隨機宣妙法
 phương tiện tùy kỳ tuyên diệu Pháp
 Tùy cơ phương tiện ban diệu Pháp
 恒治老死憂悲惱
 hằng trị lão tử ưu bi não
 Thường hành lão, tử, ưu, bi, não,
 各令善逝人天路
 các linh thiện thế nhân Thiên lộ
 Khiến cho khéo vào lối nhân thiên
 常愍輪迴六道中
 thường mẫn Luân-hồi lục đạo trung
 Thường thương luân hồi trong lục đạo
 引彼愚盲得正路
 dẫn bị ngu manh đắc chánh lộ
 Dẫn kẻ đui mù vào Chánh đạo
 具法自在利世間
 cụ Pháp tự-tại lợi thế gian
 Đủ pháp tự tại, lợi thế gian
 聞者適悅生敬愛
 văn giả thích duyệt sanh kính ái
 khiến người được nghe sanh kính ái.
 嚙達哩嚙緊那囉
 nghiến đạt lý phọc khẩn na la
 Nghiến-đạt, lý-phục, khẩn-na-la
 非似佛聲多方便
 phi tự Phật thanh đa phương tiện
 Chẳng như tiếng Phật nhiều phương
 眾生隨類各得聞
 chúng sanh tùy loại các đắc văn
 Tùy loại chúng sanh đều nghe được
 一一離凡得解脫
 nhất nhất ly phàm đắc giải thoát
 Mỗi mỗi lìa trần chúng giải thoát
 獲得最上人天福
 hoạch đắc tối thượng nhân Thiên phúc
 Được phước tối thượng của trời người
 常受大富大快樂
 thường thọ Đại phú Đại khoái lạc
 Thường được giàu sang đại hoan hỷ
 具足千子及七寶
 cụ túc thiên tử cập thất bảo
 Đầy đủ ngàn con cùng thất bảo
 一切眾生皆隨順
 nhất thiết chúng sanh giai tùy thuận
 Hết thầy chúng sanh đều nghe theo
 或處夜摩覩史陀
 hoặc xứ Dạ-Ma đồ sử đà
 Hoặc làm quan lớn cõi Dạ-ma
 皆因供養諸佛得
 giai nhân cúng dường chư Phật đắc
 Đều nhờ cúng Phật mà có được.
 俱能出離諸苦惱
 câu năng xuất ly chư khổ não
 câu năng xuất ly chư khổ não

Như vậy thấy Phật và nghe Pháp,
令彼不墮惡道中
linh bỉ bất đọa ác đạo trung
Khiến không đọa vào trong đường ác,
佛能安住諸世間
Phật năng an trú chu thể gian
Phật thường an trú các ở đời,
如是獲福長相續
như thị hoạch phúc trường tượng tục
Như vậy phước báo dài chẳng dứt,
最上微妙莊嚴刹
tối thượng vi diệu trang nghiêm sát
Tối thượng vi diệu cõi trang nghiêm,
身光照耀勝天人
thân quang chiếu diệu thắng Thiên Nhơn
Thân có ánh sáng chiếu Trời Người,
成就種種功德相
thành tựu chủng chủng công đức tướng
Thành tựu các loại tướng công đức,
天上人間俱敬愛
Thiên thượng nhân gian câu kính ái
Thiên thượng nhân gian đều kính mến,
我佛久離諸苦惱
ngã Phật cửu ly chu khổ não
Phật tâm không rời các phiền não,
一切徒眾悉歸依
nhất thiết đồ chúng tất quy y
Các loài bộ chúng đều quy y,
我今稽首人中尊
ngã kim kê thủ nhân trung tôn
Con nay đánh lễ Đấng Trung Tôn,
令我獲證五神通
linh ngã hoạch chứng ngũ Thần thông
Khiến con chúng được thần túc thông,
稽首無畏佛世尊
kê thủ vô úy Phật Thế tôn
Đánh lễ vô úy Phật Thế Tôn,
所有稱讚諸功德
sở hữu xưng tán chư công đức
con nay xưng tán các công đức,
佛告尊者護國言。爾時發光天子。
Phật cáo Tôn giả hộ quốc ngôn. nhĩ thời phát quang Thiên tử。
Phật bảo Tôn giả Hộ Quốc rằng: Lúc ấy có Thiên Tử Phát Quang,
於其中夜忽聞福光太子宮城之內有大哭聲驚愕憂
ư kỳ trung da hốt văn phúc quang Thái-Tử cung thành chí nội hữu Đại khốc thanh
kinh ngạc ưu
vào nửa đêm, bỗng nhiên nghe từ trong thành Thái tử Phúc Quang, có tiếng kêu
bi thương
惶。莫知凶吉。即時將諸臣從及其眷屬。
hoàng。mạc tri hung cát。tức thời tướng chu Thần tòng cập kỳ quyền chúc。
hoảng sợ chẳng biết lành dữ liền cùng các quân thần, quyền thuộc
來詣太子宮中問諸宮人。汝等云何夜來啼哭。
lai nghê Thái-Tử cung trung văn chư cung nhân. nhữ đẳng văn hà dạ lai đề khốc。
đến cung Thái tử mà hỏi các cung nữ: Các người làm sao lại khóc than thế?
時彼宮人即奏王言。福光太子。
thời bỉ cung nhân tức tấu Vương ngôn. phúc quang Thái-Tử。
Lúc đó người cung nữ liền tâu với Vua rằng: Thái tử Phúc Quang
忽爾離宮莫知所止。憂懼悲痛是以啼哭。爾時發光天子。
hốt nhĩ ly cung mạc tri sở chí. ưu cụ bí thống thị dĩ đề khốc. nhĩ thời phát
quang Thiên tử。
bỗng lia xa cung điện mà chẳng dùng, (chúng tôi) lo sợ buồn thương thống thiết
mà than khóc. Lúc bấy giờ Thiên tử Phát Quang

Đều có thể lia các khổ não
安樂寂靜無塵染
an lạc tịch tĩnh vô trần nhiễm
An lạc tịch tĩnh không nhiễm trần
求福之者皆令福
cầu phúc chi giả giai linh phúc
Cầu phước đức đều được phước đức
俱胝多劫不可盡
câu chi đa kiếp bất khả tận
Trong nhiều ức kiếp không thể hết.
眾生生者無塵垢
chúng sanh sanh giả vô trần cấu
Chúng sanh mới sanh chưa ô nhiễm
身口意業俱清淨
thân khẩu ý nghiệp câu thanh tịnh
thân khẩu ý nghiệp đều thanh tịnh
名聞流布諸世間
Danh-Văn lưu bố chu thể gian
Tiếng tốt lưu truyền khắp thể gian
彼人供養諸佛得
bỉ nhân cúng dường chư Phật đắc
Cúng dường chư Phật mà được vậy.
十方佛刹皆稱讚
thập phương Phật sát giai xưng tán
Mười phương cõi Phật đều khen ngợi
無不愛樂慈悲相
vô bất ái lạc từ bi tướng
Chẳng cần ái lạc thích từ bi
湛然不動無為相
trạm nhiên bất động vô vi tướng
Vắng lặng, không động, tướng vô vi
住立虛空伸讚佛
trụ lập hư không thân tán Phật
Ở trên không trung mà khen Phật
無垢清淨出世間
vô cấu thanh tịnh xuất thể gian
Bạc Vô cấu tịnh, xuất thể gian
迴施人天成正覺
hồi thí nhân Thiên thành chánh giác
Hồi hướng trời người mau thành Phật.

聞是語已足如躡險。忽然蹙地良久乃穌。

văn thị ngữ dĩ túc như đạp hiểm, hốt nhiên tích địa lương cừ nãi tồ.
nghe kể vậy rồi, chân đi gặp hiểm, bỗng nhiên hai chân bị què lâu ngày mới trở lại,
從地而起心生憂惱。

tùng địa nhi khởi tâm sanh ưu nảo.

từ đất đứng dậy, tâm sanh phiền muộn,
涕淚悲泣欲往千城處處尋覓。時愛樂城中護城聖賢。告於王言。

thê lệ bi khắp dục vãng thiên thành xứ xứ tầm mịch. thời ái lạc thành trung hộ thành Thánh hiền. cáo u Vương ngôn.

khóc lóc bi thảm, muốn về ngàn thành, tìm khắp mọi nơi. Lúc đó các vị Thánh hiền bảo vệ thành Ái Lạc báo cho Vua rằng,
彼福光太子往詣東方。禮覲供養成義意佛。

bỉ phúc quang Thái-Tử vãng nghê Đông phương. lễ cận cúng dường thành nghĩa ý Phật.

Thái Tử Phúc Quang đi đến phía Đông đánh lễ thân cận cúng dường đức Phật Thành Nghĩa.

時發光天子聞是語已。

thời phát quang Thiên tử văn thị ngữ dĩ.

Lúc đó Thái Tử Phúc Quang nghe lời dạy bảo xong,
即將八十四俱胝宮人婁女。及百千那由他侍從眷屬。

túc tướng bát thập tứ câu chi cung nhân 婁 nữ. cập bách thiên na-do-tha thị tùng quyền chúc.

liền có tám mươi bốn tướng quân, một úc cung nữ người hầu cùng trăm ngàn na do tha theo hầu quyền thuộc,

周匝圍繞往詣東方。至成義意如來處。到已。

châu tạp vây quanh vãng nghê Đông phương. chí thành nghĩa ý Như-Lai xứ. đáo dĩ.
vây quanh khắp vòng đi đến phía đông, đến chỗ Thành Nghĩa Ý Như Lai, đến nơi xong,

五體投地。禮世尊足。住立一面合掌向佛。

ngũ thể đầu địa. lễ Thế tôn túc. trụ lập nhất diện hợp chưởng hướng Phật.
năm vóc sát đất, đánh lễ Thế Tôn. Đứng trụ một bên chấp tay hướng về Phật, với tụng讚曰。

dĩ tụng tán viết.

dùng kệ tụng khen ngợi rằng:

稽首歸依功德海

kê thủ quy y công đức hải

Khê thủ quy y biển công đức,

天龍八部眾所歸

Thiên Long bát bộ chúng sở quy

Trời rồng tám bộ cùng nương tựa,

三十二相妙端嚴

tam thập nhị tướng diệu đoan nghiêm

Ba mươi hai tướng diệu trang nghiêm,

巍巍赫赫妙金山

nguy nguy hách hách diệu kim sơn

Hiên ngang sáng chiếu Diệu kim sơn,

過去難思俱胝劫

quá khứ nan tu câu chi kiếp

Quá khứ úc kiếp khó gặp được,

深植德本廣無邊

thâm thực đức bản quảng vô biên

Công đức cúng dường rộng vô biên,

布施持戒忍辱行

bố thí trì giới nhẫn nhục hành

Bố thí, trì giới, nhẫn nhục hạnh,

如是歷修勝行成

như thị lịch tu thắng hành thành

Thắng hạnh này đây đã tu thành,

日月閃電摩尼寶

nhật nguyệt thiêm điện ma-ni bảo

妙湛總持無等尊

diệu trạm tổng trì vô đẳng tôn

Đẳng Diệu trạm, Tổng trì, Vô đẳng

一切觀佛無厭足

nhất thiết quán Phật Vô yếm túc

Tất cả nhìn Phật chẳng yếm túc

七寶嚴身世希有

thất bảo nghiêm thân thế hi hữu

Thất bảo nghiêm thân đời khó có

超出世間歸命禮

siêu xuất thế gian quy mạng lễ

Siêu xuất thế gian quy mạng lễ

修行供養俱胝佛

tu hành cúng dường câu chi Phật

Tu hành cúng dường úc đức Phật.

成就佛身妙色相

thành tựu Phật thân diệu sắc tướng

Thành tựu Phật thân diệu sắc tướng

精進禪定善巧便

tinh tấn Thiền định thiện xảo tiện

Tinh tấn, thiền định khéo phương tiện.

色相圓明光照耀

sắc tướng Viên Minh quang chiếu diệu

Sắc tướng viên minh quang chiếu diệu.

帝釋梵王身色光

đế thích Phạm Vương thân sắc quang

Trời đất sấm chớp tia ngọc báu,
如是等光對佛光
như thị đẳng quang đối Phật quang
Nhu vậy ánh sáng đối Phật quang,
佛身如現水中月
Phật thân như hiện thủy trung nguyệt
Phật thân như nước hiện trong nguyệt,
託夢乘象入母胎
thác mộng thừa tượng nhập mẫu thai
Mộng thấy voi trắng vào thai mẹ,
佛身無相如虛空
Phật thân vô tướng như hư không
Phật thân vô tướng như hư không,
初生七步帝釋隨
sơ sanh thất bộ đế thích tùy
thượng
Bảy bước sơ sinh, Đế thích theo,
彼佛無法不了知
bỉ Phật vô Pháp bất liễu tri
Đức Phật chẳng pháp nào chẳng hiểu,
而成寂靜三摩地
nhĩ thành tịch tĩnh Tam Ma Địa
Mà thành tịch tĩnh Tam-ma-địa,
捨離父母及親眷
xả ly phụ mẫu cập thân quyến
Lìa xa cha mẹ cùng thân quyến,
俱胝天眾圍繞佛
câu chi Thiên chúng vây quanh Phật
Một úc Thiên chúng vây quanh Phật,
觀彼世間不究竟
quán bỉ thế gian bất cứu cánh
Quán sát thế gian chẳng cứu cánh,
垂慈為彼轉法輪
thùy từ vi bỉ chuyển Pháp luân
Thương tưởng chúng sanh chuyển pháp luân,
佛證寂滅清淨法
Phật chứng tịch diệt thanh tịnh Pháp
Phật chứng tịch diệt pháp thanh tịnh,
tiện.
牟尼起化現身光
Mâu Ni khởi hóa hiện thân quang
Mâu-ni khởi hóa hiện thân quang,
我禮牟尼無邊智
ngã lễ Mâu Ni vô biên trí
Đảnh lễ Mâu-ni bực vô biên trí,
雖知幻化無去來
tuy tri huyễn hóa vô khứ lai
Dẫu biết giả dối chẳng khứ lai,
善哉佛說菩提道
Thiện tai Phật thuyết Bồ-đề đạo
Lành thay Phật thuyết đạo Bồ-đề,
如是正法我所求
như thị chánh Pháp ngã sở cầu
Nhu vậy con mong cầu Chánh pháp,
我佛常處三有中
ngã Phật thường xử tam hữu trung
Đức Phật thường ở trong tam giới,
以我稱讚佛功德
dĩ ngã xưng tán Phật công đức
Do con xưng tán công đức Phật,
爾時佛告尊者護國言。彼成義意如來。
nhĩ thời Phật cáo Tôn giả hộ quốc ngôn. bỉ thành nghĩa ý Như-Lai.

Phạm thiên, Đế thích thân sắc sáng
一時隱沒俱不現
nhất thời ẩn mất俱 bất hiện
Một lúc ẩn mất chẳng xuất hiện
變化隨機亦復然
biến hoá tùy kỳ diệc phục nhiên
Tùy cơ ứng biến lại như thế
捨於觀史天王位
xả ư đồ sử Thiên Vương vị
Bỏ chức quan sử làm vua trời
示生人世救群品
kì sanh nhân thế cứu quần phẩm
Thị hiện người đời cứu quần sanh
天上人中為最上
Thiên thượng nhân trung vi tối

Trong cõi trời người là tối thượng
亦無師學書自解
diệc vô sư học thư tự giải
Cũng chẳng sách nào không tự giải
救拔眾苦令解脫
cứu bạt chúng khổ linh giải thoát
Cứu giúp chúng sanh khiến giải thoát
出彼王城入深山
xuất bỉ Vương thành nhập thâm sơn
Vượt thành vương xá vào núi sâu.
降伏四魔成正覺
hàng phục tứ ma thành chánh giác
Hàng phục bốn ma thành Chánh Giác.
眾生沈溺處輪迴
chúng sanh trầm溺 xử Luân-hồi
Chúng sanh chìm đắm chốn luân hồi.
令離無常出苦難
linh ly vô thường xuất khổ nạn
Khiến lìa vô thường thoát khổ nạn.
成就福智及方便
thành tựu phúc trí cập phương tiện
Thành tựu phúc trí cùng phương

如是佛相悉具足
như thị Phật tướng tất cụ túc
Nhu vậy Phật tướng tất đầy đủ.
我禮究盡法界法
ngã lễ cứu tận Pháp giới Pháp
Con lễ Thánh pháp cùng pháp giới.
垂慈普救諸含識
thùy từ phổ cứu chư hàm thức
Thùy từ phổ cứu các chúng sanh.
引彼眾生得菩提
dẫn bỉ chúng sanh đắc Bồ-đề
Dẫn dắt chúng sanh chúng quả này.
正法能度世間苦
chánh Pháp năng độ thế gian khổ
Chánh pháp độ được khổ thế gian
救療一切煩惱病
cứu liệu nhất thiết phiền não bệnh
Cứu chữa tất cả bệnh phiền não.
迴向菩提及眾生
hồi hướng Bồ-đề cập chúng sanh
Hồi hướng Bồ-đề cùng chúng sanh.

Lúc bấy giờ Tôn Giả Hộ Quốc nói, Như Lai Thành Nghĩa Ý đó

見此發光天子歸依讚歎信心堅固。求趣解脫。

kiến thủ phát quang Thiên tử quy y tán thân tín tâm kiên cố. cầu thú giải thoát.

nay thấy Thái Tử Phát Quang, nên quy y tán thân tín tâm kiên cố mong được giải thoát.

即隨王意而為說法。時發光天子聞佛所說。

tức tùy Vương ý nhi vi thuyết Pháp. thời phát quang Thiên tử văn Phật sở thuyết.

liên tùy ý vua mà thuyết pháp. Lúc đó Thái Tử Phát Quang nghe đức Phật dạy như thế,

即於阿耨多羅三藐三菩提。得不退轉。

tức ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. đắc bất thối chuyển.

liên ở ngôi vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đắc bất thối chuyển.

爾時福光太子。

nhĩ thời phúc quang Thái-Tử.

Lúc bấy giờ Thái Tử Phúc Quang,

見是父王歸依彼佛心生信敬。即詣佛前。合掌向佛而白佛言。

kiến thị phụ Vương quy y bỉ Phật tâm sanh tín kính. tức nghê Phật tiền. hợp chưởng hướng Phật nhi bạch Phật ngôn.

thấy vua cha quy y với đức Phật như thế sanh tâm cung kính, liền tới trước đức Phật, chắp tay hướng về đức Phật mà bạch Phật rằng:

如來應供正遍知。唯願世尊。

Nhu-Lai Ứng-Cúng Chánh-biến-Tri. duy nguyện Thế tôn.

Nhu Lai Ứng Cúng Chánh Biến tri, duy nguyện Thế Tôn

往愛樂城受我飲食供養。時成義意如來。默然許之。受太子請時。

vãng ái lạc thành thọ ngã ẩm thực cúng dường. thời thành nghĩa ý Nhu-Lai. mặc nhiên hứa chi. thọ Thái-Tử thỉnh thời.

đến thành Ái Lạc nhận sự cúng dường thức ăn đồ uống của con. Lúc đó Như Lai Thành Nghĩa Ý mặc nhiên hứa khả nhận lời thỉnh cầu của Thái Tử.

福光太子。即告父王及諸眷屬。我今請佛。

phúc quang Thái-Tử. tức cáo phụ Vương cập chư quyến chúc. ngã kim thỉnh Phật. Thái Tử Phúc Quang liền bảo vua cha cùng các thân thuộc, nay con thỉnh đức Phật,

所有宮殿園苑及一切珍寶莊嚴之具。

sở hữu cung điện viên uyển cập nhất thiết trần bảo trang nghiêm chi cụ.

ở thành Ái Lạc có cung điện, vườn thượng uyển cùng tất cả trần bảo và các đồ dùng vật dụng quý báu khác,

施佛供養。汝諸眷屬勿為障怙。

thí Phật cúng dường. nhữ chư quyến chúc vật vi chướng khác.

đem bố thí cúng dường đức Phật, xin các thân thuộc đừng làm trở ngại sự kính cẩn của Ta.

異口同音起隨喜心。爾時父王及諸眷屬俱發聲言。

dị khẩu đồng âm khởi tùy hỷ tâm. nhĩ thời phụ Vương cập chư quyến chúc câu phát thanh ngôn.

Dị khẩu đồng âm đều khởi tâm tùy hỷ. Lúc đó vua cha cùng các thân thuộc đều lên tiếng nói rằng:

願捨所有施佛供養我皆隨喜。

nguyện xả sở hữu thí Phật cúng dường ngã giai tùy hỷ.

Con xin tùy hỷ nguyện xả các vật chất mà mình có cúng dường lên đức Phật.

爾時成義意如來。與諸苾芻恭敬圍繞。

nhĩ thời thành nghĩa ý Nhu-Lai. dĩ chư bát sô cung kính vây quanh.

Lúc bấy giờ Như Lai Thành Nghĩa Ý cùng các Tỷ-Kheo cung kính vây quanh

入愛樂城受彼供養。時福光太子。

nhập ái lạc thành thọ bỉ cúng dường. thời phúc quang Thái-Tử.

vào thành Ái Lạc nhận lấy sự cúng dường đó. Lúc đó Thái Tử Phúc Quang

以五百千車上妙飲食。供養世尊及苾芻眾。

dĩ ngũ bách thiên xa thượng diệu ẩm thực. cúng dường Thế tôn cập bát sô chúng.

dùng năm trăm ngàn xe thượng hạng chở đầy thức ăn đồ uống cúng dường Thế Tôn

cùng chúng Tỷ-kheo.

復次福光太子。為佛及眾廣以七寶造僧伽藍。

phục thứ phúc quang Thái-Tử. vì Phật cập chúng quảng dĩ thất bảo tạo tăng dà lam.

Lại nữa Thái Tử Phúc Quang vì đức Phật cùng các chúng Tỷ-kheo dùng thất bảo tạo Tăng-già-lam,
用無數摩尼寶網及傘蓋等四面嚴飾。

dùng vô số ma-ni bảo võng cập tán cái đẳng tứ diện nghiêm sức.

dùng vô số ngọc quý, lưới cùng các thứ tầng lộng trang sức bốn mặt thành.
復置百千床榻臥具。以妙衣服敷設其上。又於精舍左右。

phục trí bách thiên sàng tháp ngọc cụ. dĩ diệu y phục phu thiết kỳ thượng. hựu ư Tịnh Xá tả hữu.

Lại thiết trí trăm ngàn cái giường cá nhân, tọa cụ, dùng các thứ vải, rèm tốt đẹp để trang hoàng lộng lẫy ở trên, bên trái, bên phải của thành ấy.

行布花果樹木流泉浴池。

hành bố hoa quả thụ mộc lưu tuyền dục trì.

hàng vải, hoa, quả cây cỏ thụ, dòng suối, ao tắm

於其池中生奔拏哩迦花及優鉢羅花等。復次於一一苾芻前。

ư kỳ trì trung sanh bồn noa lý ca hoa cập Ưu bát la hoa đẳng. Phục thứ ư nhất nhất bát sô tiền.

ở trong ao nước ấy sanh các loại hoa bồn noa lý cùng hoa Bát la v.v. Lại nữa tới trước mặt

頭面作禮獻僧伽梨衣。日日三時亦復如是。

đầu diện tác lễ hiến tăng dà lê y. nhật nhật tam thời diệc phục như thị.

mỗi vị Tỷ-kheo đánh lễ sát đất dâng cúng y Tăng già lê. Mỗi ngày ba lần lại làm như vậy.

經三俱胝歲晝夜焚修。亦不眠臥亦無疲倦。

Kinh tam câu chi tuế trú dạ phần tu. diệc bất miên ngoa diệc vô bì quyện.

Trải qua ba ức năm tu hành ngày đêm chẳng nằm ngủ cũng chẳng uể oải hay mỗi mệt,

亦不沐浴洗濯香鬢塗飾。亦無瞋恚貪愛。

diệc bất mộc dục tẩy trạc hương man đồ sức. diệc vô sân khúê tham ái.

thân thể cũng chẳng tắm rửa nước hương thơm các loại trang sức, cũng chẳng sân nhuế tham ái,

乃至為法不惜身命。

nãi chí vì Pháp bất tích thân mạng.

cho đến vì Pháp nên chẳng tiếc thương thân mạng,

何況外財如佛所說如說而行。乃至成義意如來入於涅槃。

hà huống ngoại tài như Phật sở thuyết như thuyết nhi hành. nãi chí thành nghĩa ý Như-Lai nhập ư Niết-Bàn.

huống gì ngoài tiền tài như đức Phật đã dạy cho như vậy mà nghe và thực hành theo, cho đến Như lai Thành Nghĩa Ý vào ở Niết Bàn.

爾時太子。以赤梅檀茶毘如來。

Nhĩ thời Thái-Tử. dĩ xích chiên đàn trà tì Như-Lai.

Lúc đó Thái Tử dùng cây chiên đàn đỏ trà tỳ đức Như Lai,

於閻浮提內所有一切上妙名花。及諸花鬘。

Ư Diêm-phù-đề nội sở hữu nhất thiết thượng diệu danh hoa. cập chu hoa man.

tất cả ở trong cõi Diêm-phù-đề, tất cả loại hoa thượng hạng cùng các hoa man,塗香旃香種種伎樂。於茶毘處供養舍利。

Đồ hương 旃 hương chúng chúng kĩ nhạc. ư trà tì xứ cúng dường Xá-lợi.

đồ hương, bột hương và các loại kỹ nhạc tấu lên nơi chỗ trà tỳ để cúng dường Xá lợi.

爾時閻浮提內一切眾生。俱以香花飲食皆來供養。

nhĩ thời Diêm-phù-đề nội nhất thiết chúng sanh. câu dĩ hương hoa ẩm thực giai lai cúng dường.

Lúc đó tất cả chúng sanh ở trong cõi Diêm-phù-đề tụ tập dùng hương hoa thức ăn đồ uống đều đến cúng dường.

如是經百千歲。

như thị Kinh bách thiên tuế.

Như vậy trải qua trăm ngàn năm.

爾時福光太子。收佛舍利。

nhĩ thời phúc quang Thái-Tử. thu Phật Xá-lợi.

Lúc đó Thái Tử Phúc Quang thu lượm xá lợi Phật

以其七寶造九十四俱胝塔。俱以真珠羅網周匝嚴飾。

dĩ kỳ thất bảo tạo cừu thập tứ câu chi tháp. câu dĩ chân châu la võng châu tạp nghiêm súc.

dùng thất bảo tạo chín mươi bốn ức ngôi tháp phụng thờ.

又諸塔前豎立五百七寶傘蓋花果樹木及百千音

hụu chư tháp tiền thọ lập ngũ bách thất bảo tán cái hoa quả thụ mộc cập bách thiên âm

lại nữa, trước các ngôi tháp thất bảo, kiến lập năm trăm lọng tàng hoa quả cây cỏ thụ cùng trăm ngàn loại nhạc tấu lên cúng dường bảo tháp.

樂。又一一塔前置百千燈盆。

lạc. hụu nhất nhất tháp tiền trí bách thiên đặng bồn.

Lại trước mỗi ngôi tháp đặt trăm ngàn ngọn đèn.

每一盆中燃百千燈。如是供養至一俱胝歲。

mỗi nhất nhất bồn trung nhiên bách thiên đặng. như thị cúng dường chí nhất câu chi tuế.

Thường trong mỗi ngọn đèn có trăm ngàn loại ánh sáng. Cúng dường như thế cho đến một ức năm.

然後太子出家剃髮。為苾芻相。行頭陀行。

nhiên hậu Thái-Tử xuất gia thể phát. vi ật sô tướng. hành Đầu-đà hành.

cho đến sau ngày Thái Tử xuống tóc xuất gia làm hình tướng Tỷ-kheo hành hạnh đầu đà,

持鉢乞食伏斷煩惱。常行法施滿四俱胝歲。

trì bát khất thực phục đoạn phiền não. thường hành Pháp thí mãn tứ câu chi tuế.

cầm bát đi khất thực hàng phục phiền não, thường hành pháp bố thí đầy đủ bốn ức năm,

如佛所行無有疲倦。時愛樂城中護城賢聖。

như Phật sở hạnh vô hữu bì quyện. thời ái lạc thành trung hộ thành hiền Thánh. giống như hạnh nguyện của đức Phật không có mỗi mệt. Lúc đó trong thành Ái Lạc có chư vị Hiền Thánh hộ thành

一切小王宮嬪眷屬及諸眾生。

nhất thiết Tiểu Vương cung tần quyên chúc cập chư chúng sanh.

Tất cả Tiểu Vương Cung Tần thân thuộc cùng các chúng sanh

皆數太子出家剃髮修清淨行。時淨光天子。互相告言。

giai 數 Thái-Tử xuất gia thể phát tu thanh tịnh hành. thời Tịnh Quang Thiên tử. hồ tương cáo ngôn.

đều cùng ý nguyện với Thái Tử cắt tóc xuất gia tu hành phạm hạnh. Lúc ấy Thái Tử Tịnh Quang tiếp lời Thái Tử Phúc Quang mà thưa rằng:

一切小王及諸人民等悉皆出家。我等往彼承事太子。

nhất thiết Tiểu Vương cập chư nhân dân đặng tất giai xuất gia. ngã đặng vãng bi thừa sự Thái-Tử.

Tất cả Tiểu Vương cùng các bực nhân dân hết thầy đã xuất gia, chúng con đến đó nhờ việc làm của Thái Tử,

如供養三寶。爾時成義意如來所說。

như cúng dường Tam Bảo. nhi thời thành nghĩa ý Như-Lai sở thuyết.

như cúng dường Tam Bảo. Lúc đó Như Lai Thành Nghĩa Ý bèn nói:

六十四俱胝法藏。福光苾芻悉皆受持通達無礙。

lục thập tứ câu chi Pháp tạng. phúc quang bật sô tất giai thọ trì thông đạt vô ngại.

Sáu mươi bốn ức Pháp tạng, Phúc Quang Tỷ-kheo đều thọ trì thông suốt vô ngại tất cả.

如是福光苾芻已曾親近九十四俱胝百千那由

như thị phúc quang bật sô dĩ tăng thân cận cừu thập tứ câu chi bách thiên na do

Như vậy, Tỷ-kheo Phúc Quang đã từng thân cận chín mươi bốn ức trăm ngàn na-do-tha đức Phật.

他佛。於諸佛所一一供養無空過者。

tha Phật. ư chư Phật sở nhất nhất cúng dường vô không quá giả.

đức Phật

Ở nơi mỗi đức Phật đều cúng dường mà chẳng làm khác đi được

皆如成義意如來而無有異。爾時發光天子者。

giải như thành nghĩa ý Như-Lai nhi vô hữu dị. nhĩ thời phát quang Thiên tử giả.

giống đức Như Lai Thành Nghĩa Ý mà không có khác. Lúc đó Thái Tử Phát Quang 豈異人乎。今無量壽如來是。

khởi dị nhân hồ. kim Vô-Lượng-Thọ Như-Lai thị.

cũng như thế há chẳng khác người sao? Nay chính là Như Lai Vô lượng Thọ.

爾時福光太子者。豈異人乎。今我身是。

nhĩ thời phúc quang Thái-Tử giả. khởi dị nhân hồ. kim ngã thân thị.

Lúc đó chính là Thái Tử Phúc Quang, há lại khác người sao? Nay chính là thân Ta.

爾時愛樂城中護城賢聖者。豈異人乎。今阿閼如來是。

Nhĩ thời ái lạc thành trung hộ thành hiền Thánh giả. khởi dị nhân hồ. kim A-súc Như-Lai thị.

Lúc bấy giờ trong thành Ái Lạc có chủ vị Hiền Thánh hộ thành ấy cũng như vậy chẳng khác người sao? Nay chính là Như Lai A-súc.

佛告尊者護國言。一切菩薩摩訶薩。

Phật cáo Tôn giả hộ quốc ngôn. nhất thiết Bồ-tát Ma-Ha tát.

Phật bảo Tôn giả Hộ Quốc rằng: Tất cả Bồ-tát Ma-ha-tát

欲求阿耨多羅三藐三菩提者。應當學彼福光苾芻。

dục cầu a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề giả. ứng đương học bi phúc quang bát sô.

muốn cầu ngôi vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên phải học Tỷ-kheo Phúc Quang ấy.

遠離貪愛親近善友。修寂靜行勤供諸佛。

viễn li tham ái thân cận thiện hữu. tu tịch tĩnh hành tinh cần cung chư Phật. Lìa xa tham ái thân cận thiện hữu, tu tịch tịnh hành tinh cần cúng dường chư Phật

不久當得阿耨多羅三藐三菩提。佛言護國。

bất cửu đương đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. Phật ngôn hộ quốc.

chẳng lâu sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đức Phật dạy Hộ Quốc vương.

若復有人貪著利養。飲食衣服臥具醫藥。

nhuộc phục hữu nhân tham trước lợi dưỡng. ẩm thực y phục ngoạ cụ y dược.

Nếu lại có người tham cầu thức ăn, đồ uống, y phục, ngoạ cụ, thuốc men cho mình,

尊重稱讚。彼人愚癡則為我慢。破犯戒律虛妄不實。

tôn trọng xưng tán. bi nhân ngu si tắc vi ngã mạn. phá phạm giới luật hư vọng bất thật.

người ấy tức là ngu si, ngã mạn, phá trai phạm giới lừa mình dối người chẳng thật không nên khen ngợi hay tôn kính,

毀謗沙門遠離佛法。於身口意而不相應。

hủy báng Sa Môn viễn li Phật Pháp. ư thân khẩu ý nhi bất tương ứng.

chê bai bực Sa-môn xa lìa Phật pháp; thân, miệng, ý chẳng tương đồng,

唯有外相心不寂靜。無慚無愧。

duy hữu ngoại tướng tâm bất tịch tĩnh. vô tàm vô quý.

chỉ có hiện tướng ra ngoài, tâm chẳng tịch tịnh, chẳng biết tàm quý,

遠離佛刹遠離菩提。是故護國聞如是法。

viễn li Phật sát viễn li Bồ-đề. thị cố hộ quốc văn như thị Pháp.

xa lìa cõi Phật xa lìa bồ-đề. Cho nên Hộ Quốc nghe pháp như thị,

應如是知應如是學應如是行。不得親近惡友及利養等。

ứng như thị tri ứng như thị học ứng như thị hành. bất đắc thân cận ác hữu cập lợi dưỡng đẳng.

Ứng như thị, tri như thị, học như thị, hành như thị, không được gần gũi bạn ác cùng các việc làm lợi cho tự thân.

爾時世尊而說頌曰。

nhĩ thời Thế tôn nhi thuyết tụng viết.

Lúc bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ rằng:

若人貪愛於利養

nhuộc nhân tham ái ư lợi dưỡng

Nếu người tham ái và lợi dưỡng,

因斯退失佛菩提

遠離真實清淨行

viễn li chân thật thanh tịnh hành

Lánh xa chân thật hành thanh tịnh.

永劫沈淪生死道

nhân tu thối thất Phật Bồ-đề
Làm mất nhân cách, Phật Bồ-đề,
無慚無愧無知足
vô tâm vô quý vô tri túc
Vô tâm vô quý chẳng biết đủ
不懼三塗苦惱侵
bất cụ tam đồ khổ não xâm
Chẳng sợ ba cõi khổ não xâm
詐現寂靜住山間
trá hiện tịch tĩnh trụ sơn gian
Giả hiện tịch tĩnh giữa núi rừng,
眾人遠離如毒蛇
chúng nhân viễn li như độc xà
Các người lia xa loài rắn độc,
若人不樂如來法
nhược nhân bất lạc Như-Lai Pháp
Nếu người chẳng ưa pháp Như Lai,
永離天界墮惡道
vĩnh ly Thiên giới đọa ác đạo
Xa rời Thiên giới, đọa ác đạo
俱胝劫數難值佛
câu chi kiếp số nan trị Phật
Muôn ức kiếp số khó gặp Phật,
剎那暫遇若依行
sát-na tạm ngộ nhược y hành
Ngộ trong sát-na mà làm theo,
佛乘妙行德難思
Phật thừa diệu hành đức nan tư
Phật hành diệu hạnh, đức khó nghĩ
若人厭離樂塵勞
nhược nhân yếm ly lạc trần lao
Nếu người nhàm chán vui cuộc đời,
若人智慧及方便
nhược nhân trí tuệ cập phương tiện
Nếu người trí tuệ cùng phương tiện,
愍救五趣諸眾生
mẫn cứu ngũ thú chư chúng sanh
Thương giúp chúng sanh trong ngũ thú,
雖處深山寂靜處
tuy xử thâm sơn tịch tĩnh xử
Dấu ở thâm sơn, chốn tịch tĩnh,
掩他行業談己能
yếm tha hành nghiệp đàm kỳ năng
Dấu việc người khác, nói việc mình
若於行法生尊重
nhược ư hành Pháp sanh tôn trọng
Nếu nơi pháp hành sanh tôn trọng,
如我所說真實行
như ngã sở thuyết chân thật hành
Như Phật đã dạy hành chân thật,
大仙正法最上乘
Đại tiên chánh Pháp tối thượng thừa
Đại tiên chánh Pháp tối thượng thừa
Chánh pháp tối thượng đức Như Lai,
如聞所行精進修
như văn sở hạnh tinh tấn tu
Như nghe các hạnh tinh tấn tu,
爾時世尊說此頌已。告尊者護國言。
nhĩ thời Thế tôn thuyết thử tụng dĩ。 cáo Tôn giả hộ quốc ngôn。
Lúc đó đức Thế Tôn nói kệ ấy xong, bảo Tôn giả Hộ Quốc rằng:
若諸菩薩於阿僧祇劫行五波羅蜜。
nhược chư Bồ-tát ư a-tăng-kỳ kiếp hành ngũ Ba-la-mật。
Nếu các Bồ-tát ở a-tăng-kỳ kiếp hành năm Ba-la-mật,

vĩnh kiếp trầm luân sanh tử đạo
Suốt kiếp chìm nổi trong sanh tử.
常愛常貪恒繫縛
thường ái thường tham hằng hệ phọc
Thường bị tham ái luôn trói buộc
猶言我具諸德行
do ngôn ngã cụ chư đức hạnh
Do nói ta đủ các đức hạnh
心於名利常牽繫
tâm ư danh lợi thường khiên hệ
Tâm bị danh lợi thường dẫn trói
長處輪迴無解脫
trường xử Luân-hồi vô giải thoát
Mãi chốn luân hồi chẳng giải thoát,
輕賤具德苾芻僧
khinh tiếm cụ đức bạt sô tăng
Khinh Tỷ-kheo tăng đức hạnh đủ.
縱生人世墮八難
túng sanh nhân thế đọa bát nan
Sanh vào nhân thế đọa bát nạn.
所說正法亦難聞
sở thuyết chánh Pháp diệc nan văn
Có nghe Chánh pháp cũng khó hiểu.
彼人必證菩提果
bỉ nhân tất chứng Bồ-đề quả
Người ấy ắt chúng quả Bồ-đề.
一切如來從此出
nhất thiết Như-Lai tùng thử xuất
Hết thầy Như Lai từ đây ra.
永失菩提無上道
vĩnh thất Bồ-đề vô thượng đạo
Mãi mất Bồ-đề, Vô-thượng đạo.
遠離一切諸過非
viễn li nhất thiết chư quá phi
Xa lia tất cả các điều quấy,
是人所行同佛行
thị nhân sở hạnh đồng Phật hành
Người ấy đồng hành như Phật hành.
詐現清高為自身
trá hiện thanh cao vi tự thân
tự thân trá hiện làm thanh cao,
我常日誦俱胝佛
ngã thường nhật tụng câu chi Phật
Hằng ngày ta đọc ức đức Phật
不悞身命一心求
bất khác thân mạng nhất tâm cầu
Chẳng tiếc thân mạng, nhất tâm cầu,
是人非遠證菩提
thị nhân phi viễn chứng Bồ-đề
Người ấy không lâu chúng Bồ-đề.
永得消除於熱惱
vĩnh đắc tiêu trừ ư nhiệt não
Vĩnh viễn trừ được các nhiệt não.
畢竟速證無上道
tất cánh tốc chứng vô thượng đạo
Thầy mau chúng quả Vô Thượng Đạo.

不如有人於此正法暫得聽聞信解受持。

bất như hữu nhân ư thủ chánh Pháp tạm đắc thính văn tín giải thọ trì.
chẳng như có người ở trong Chánh pháp tạm thời được nghe, tín giải và thọ trì
như là功德勝前功德。百分不及一。千分不及一。

như thị công đức thắng tiền công đức。 bách phân bất cập nhất。 thiên phân bất
cập nhất。

thì công đức này hơn cả công đức trước trăm phần không bằng một, ngàn phần
không bằng một,

百千俱胝分不及一。算數分不及一。

bách thiên câu chi phân bất cập nhất。 toán số phân bất cập nhất。

trăm ngàn ức phần không bằng một, toán số phần không bằng một,

乃至譬喻分亦不及一。佛說是經時。

nãi chí thí dụ phân diệc bất cập nhất。 Phật thuyết thị Kinh thời。

cho đến thí dụ phần cũng chẳng bằng một。 Lúc Phật thuyết kinh này,

會中有三十那由他天人發阿耨多羅三藐三菩提心得不退轉。

hội trung hữu tam thập na-do-tha Thiên Nhơn phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-
đề tâm đắc bất thối chuyển。

trong hội chúng có ba mươi na-do-tha trời, người phát Vô Thượng Chánh Đẳng
Chánh Giác, tâm đắc Bất thối chuyển;

七千苾芻斷盡諸漏得無生忍。

thất thiên bát sô đoạn tận chư lậu đắc vô sanh nhẫn。

Bảy ngàn vị Tỷ-kheo đoạn tận các lậu hoặc đắc Vô sanh nhẫn。

爾時尊者護國而白佛言。今此經典甚為希有。

nhĩ thời Tôn giả hộ quốc nhi bạch Phật ngôn。 kim thủ Kinh điển thậm vi hi hữu。

Lúc đó Tôn giả Hộ Quốc bạch Phật rằng: Kinh điển này thậm thâm khó có,

云何受持當何名之。佛言護國。此經名為大乘正法。

vân hà thọ trì đương hà danh chi。 Phật ngôn hộ quốc。 thủ Kinh danh vi Đại thừa
chánh Pháp。

làm sao thọ trì nên gọi tên gì? Phật bảo Hộ Quốc: Kinh này tên là "Đại Thừa
Chánh Pháp",

亦名廣大清淨不空誓願福光居士歡喜菩薩行。

diệc danh quảng Đại thanh tịnh bất không thệ nguyện phúc quang Cư-sĩ hoan hi
Bồ-tát hạnh。

cũng gọi "Quảng Đại Thanh Tịnh Bất Không Thệ Nguyện Phúc Quang Cư Sĩ Hoan Hỷ
Bồ-tát Hạnh",

如是受持佛說此經已。

như thị thọ trì Phật thuyết thủ Kinh dĩ。

như vậy thọ trì。 Phật thuyết kinh này xong,

尊者護國及天人阿蘇囉嚧達哩嚧等。聞佛所說皆大歡喜。信受奉行。

Tôn giả hộ quốc cập Thiên Nhơn a tô la 嚧 đạt lý phọc đẳng。 văn Phật sở thuyết
giai Đại hoan hỷ。 tín thọ phụng hành。

Tôn giả Hộ Quốc cùng trời, người, a-tu-la, các loài quý thần v.v. nghe Phật
thuyết kinh đều rất hoan hỷ tín thọ phụng trì。

佛說護國尊者所問大乘經卷第四

Phật thuyết hộ quốc Tôn giả sở vấn Đại thừa Kinh quyển đệ tứ

Phật Thuyết Tôn Giả Hộ Quốc Sở Vấn Đại Thừa Kinh

Quyển Thứ Tư。

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược
Dịch Sun Apr 30 21:47:19 2006

=====。